

Lá Thư

ÁI HỮU

CÔNG
CHÁNH

Số 37

NĂM THỨ 11 • PHÁT HÀNH THÁNG 10 NĂM 1986



Vượt tuyến tìm Tự Do

ÁI HỮU CÔNG CHÁNH

CƠ VẤN :	Ái Hữu Hoàng Đình Cang Ái Hữu Nguyễn Lương Ngồn Ái Hữu Lương Sĩ Phú Ái Hữu Vũ Bá Đình
Điều Khiển các phiên họp AHCCMBCL :	Ái Hữu Tạ Huyền Ái Hữu Nguyễn Mạnh Hoàn Ái Hữu Bửu Hiệp
Phụ trách Lá Thư AHCC :	
Đại diện các nơi :	
Louisiana :	Ái Hữu Phan Đình Tăng
Hoa Thịnh Đồn :	Ái Hữu Ngô Năm
Nam Calif :	Ái Hữu Lê Khắc Thi
Texas :	Ái Hữu Đoàn Kỳ Tường
Washington :	Ái Hữu Hà Quốc Bảo
Oregon :	Ái Hữu Trần Mộng Châu
Massachusetts :	Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân
Florida :	Ái Hữu Lê Thanh Tòng
Indiana :	Ái Hữu Nguyễn Khoa Long
Oklahoma :	Ái Hữu Ngô Anh Tề, Nguyễn Viễn
Colorado :	Ái Hữu Nguyễn Tâm Trí
Missouri :	Ái Hữu Nguyễn Thành Thiệt
South Carolina :	Ái Hữu Hồ Đắc Cáo
Utah :	Ái Hữu Mai Văn Ký
Canada :	Ái Hữu Phạm Hữu Vĩnh Ái Hữu Đào Trọng Cương Ái Hữu Trần Hón Minh, Ái Hữu Huỳnh Tấn Tâm
Pháp :	Ái Hữu Khúc Đản Ái Hữu Phan Văn Lâm
Úc Đại Lợi :	Ái Hữu Lê Cảnh Túc Ái Hữu Trần Văn Anh
Norway :	Ái Hữu Nguyễn Hương Hữu Ái Hữu Lê Văn Ký

Ban Biên Tập :

Ái Hữu Trần Sĩ Huân	Ái Hữu Nguyễn Thiệp
Ái Hữu Khúc Đan	Ái Hữu Thu Nga
Ái Hữu Nguyễn Xuân Mộng	Ái Hữu Bùi Đức Hợp
Ái Hữu Lê Tiêm	Ái Hữu Trần Đức Thuận
Ái Hữu Trịnh Ngọc Sanh	Ái Hữu Ngô Trọng Anh
Ái Hữu Đào Trọng Cương	Ái Hữu Lê Ngọc Diệp
Ái Hữu Bửu Đôn	Ái Hữu Lê Khắc Thi
Ái Hữu Nguyễn Văn Tiến	Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuấn
Ái Hữu Nguyễn Đức Suyền	Ái Hữu Mai Văn Kỳ
Ái Hữu Vĩ Dạ	Ái Hữu Trương Nhu Nguyên
Ái Hữu Phan Văn Lâm	Ái Hữu Trần Mộng Châu
Ái Hữu Nguyễn Quang Bê	Ái Hữu Nguyễn Tấn Thọ
Ái Hữu Bửu Hạp	Ái Hữu Nguyễn Mạnh Hoàn
Ái Hữu Nguyễn Thanh Lâm	Ái Hữu Trình Hữu Dục
Ái Hữu Nguyễn Văn Thương	Ái Hữu Hoàng Đình Cang
Ái Hữu Nguyễn Hương Hữu	Ái Hữu Trần Thành
Ái Hữu Trần Công Thiện	Ái Hữu Phan Ngọc Cơ
Ái Hữu Bửu Hiệp	và tất cả AHCC khắp nơi

Phát hành định kỳ :

Ngày 15 tháng 1, 4, 7, 10 mỗi năm

Địa chỉ liên lạc :

Thư từ, bài vở, chi phiếu
xin gửi về kể từ số 38 :

Trần Quốc

P.O. Box 0526

Milpitas, CA 95035-0526

Sacramento, ngày 10 tháng 10 năm 1986

Phụ Trách Lá Thư Ái Hữu Công Chánh

Thân gửi

Quý Anh Chị Ái Hữu Công Chánh khắp nơi

Lá thư số 37 này phát hành tháng 10-1986, vừa đúng một năm sau ngày tôi nhận lãnh Phụ Trách Lá Thư. Nhớ lại phiên họp tại Nhà Ái Hữu Nguyễn Quang Bê tháng 10-1985, Hai Ái Hữu Tạ Huyền và Nguyễn Mạnh Hoàn “bảo động” LT đã đến tình trạng cần người phụ trách. Sau khi đề cử người này, đề cử người khác, nhường qua, nhường lại, và cuối cùng vì không ai đứng ra đảm nhận LT, tôi “gồng mình” làm công việc ấy. Tôi biết rằng phần vụ sẽ vô cùng vất vả, song không lẽ “buông xuôi LT, làm ngơ sao đành”.

Thời gian kéo dài, kêu gọi Anh Em, tác động tinh thần, thư đi thư lại, nhờ đo bài vở thu tin, tiền bạc tôi tập gọi về LT. Khởi sự từ tháng 10-1985, LT số 35 phát hành tháng 1-1986. LT được phát hành 3 tháng một kỳ thay vì 6 tháng như trước đây.

Thời gian ba tháng này được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn 2 tháng đầu và giai đoạn 1 tháng cuối.

Giai đoạn đầu, phần vụ gồm có sắp xếp bài vở, bài nào đăng được, bài nào thông qua, bài nào để trước, bài nào để sau, tóm tắt thu tin để chuẩn bị bỏ vào LT, lập danh sách Ái Hữu thay đổi địa chỉ, thiết lập bản kê quan hôn tang tế lập bản danh sách yểm trợ tài chánh, sắp xếp hình ảnh bốn phương. Hình ảnh và bài vở phải sắp xếp lại như một LT để nhà in dễ làm việc. Hình ảnh cần phải phóng ảnh lại cho chú thích tên họ, chỗ đứng, chỗ ngồi để dễ nhận diện. Trưa nào trong giờ nghỉ, tôi cũng đi bộ từ sở làm đến Buu Điện, hay Ngân Hàng, hay tiệm Xeros để làm các công việc vụn vặt nói trên;

tôi về tôi làm các công việc viết lách, sắp đặt. Sau khi bài vở đầy đủ LT tính toán trước dày độ bao trang, tôi làm một bản dẫn dò nhà in phải làm những gì, như thế nào, sắp đặt cách sao, hình bì lựa màu gì, chọn chữ to nhỏ, loại chữ kiểu gì, tất cả đều cho vào chi tiết. Khi gặp nhà in, sẵn sàng đem bản chi tiết này ra thảo luận với họ cái gì họ làm được, cái gì họ không, việc nào họ đề nghị, việc nào tôi chấp thuận, giá cả thương lượng làm sao cho phải chăng, tất cả đều quyết định tại chỗ và sau đấy nhà in bắt tay vào việc.

Giai đoạn 2, một tháng sau cùng là giai đoạn chuẩn bị phát hành LT.

LT dày 160 trang, như LT số 36, nhà in phải chia công việc ấn loát của họ và trình bày bản thảo cho tôi làm 8 lần, mỗi lần bản thảo dày độ 20 trang giấy. Mỗi tuần tôi nhận bản thảo 8 lần. Nhà in ở San Jose, cách chỗ tôi ở 100 miles, gửi bản thảo cho tôi bằng xe buýt Greyhound, và tôi hoàn lại bản thảo sau khi sửa chữa các chỗ sai cũng bằng Greyhound. Gửi bằng Greyhound có cái lợi là làm việc từ 6 giờ sáng đến 12 giờ khuya, kể cả thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ. Nhà in điện thoại cho tôi giờ nào Greyhound đến bến, ngược lại tôi cũng điện thoại cho Nhà in giờ nào Greyhound trở về với họ. Nhận được bản thảo của Nhà in là tôi phải sửa chữa bản thảo cấp tốc đôi khi đã 10 giờ khuya, tôi phải lái xe cả 30 miles để tới Greyhound nhận bản thảo, đem về sửa chữa đến 1, 2 giờ khuya, và 6 giờ sáng lại tới Greyhound hoàn bản thảo lại cho nhà in.

Trong thời gian một tháng này, tôi còn phải đánh máy địa chỉ trên giấy dán chuẩn bị bì thư cỡ lớn, mỗi bì thư đóng 4, 5 con dấu, 400 bì thư đóng 1.500 con dấu, sắp đặt thứ tự bì thư nào đi Pháp, bì thư nào đi Úc, bì thư nào đi Canada, và bì thư nào gửi bulk rate đi nội địa Hoa Kỳ. Gửi bulk rate có luật lệ của bulk rate, loại bì thư nào phải dán con số 3 màu xanh, loại bì thư nào dán chữ D màu đỏ, loại nào để riêng đề tựa mixed states, xong đâu đấy còn phải lấy giấy cao su cỡ lớn niềng lại cho phẳng hoẵng. Tất cả đều phải rằm ráp áp dụng để Bưu điện Huê Kỳ, không từ chối nhận hàng. Thời gian một tháng cuối qua nhanh, ngày nhận LT do Nhà in đem giao cũng là ngày mà tôi trông đợi nhất. Mong rằng LT vừa ý mình và LT vừa lòng AH. Để 400 LT và phong bì, chia 400 LT ra làm 8 thùng lớn mỗi thùng nặng độ 40Lbs, chưa kể hai thùng do AH đặt in riêng để tặng thân hữu, tôi

khuân 10 thùng ra xe và đi tới Bru Điện để gởi đi phân phối các nơi, không quên điện thoại xin xếp cho nghỉ một ngày phép để có việc riêng. Đâu xe tại Bru điện dưới phố cũng là một vấn đề, phải đi cho thật sớm để dành chỗ tốt gần Bru điện hông khiêng cho dễ. Khiêng xong 10 thùng vào Bru điện thì cũng hết hơi rồi. Xong đó còn cân kéo, dán tem thỉnh thoảng lại ra xe cho đồng hồ đậu xe ăn tiền không thì bị phạt cũng chiếm hết 4, 5 tiếng đồng hồ. Phần vụ này tôi cũng có thể nhờ vài AH trong vùng giúp đỡ song nhìn đi nhìn lại, thấy anh nào cũng bận bịu, nên đành cố gắng làm một mình vậy.

Gởi đồng LT đi xong, hết giai đoạn 2 là nhẹ và khỏe người.

Thời gian kế tiếp là để bạc cất ở thùng thư. Sáng nào dậy, trước khi đi làm tôi cũng để vài đồng bạc các vào bì thư ngoài bì đề câu "Please take what I owe you", xong đẩy tôi để bì thư vào thùng thư. Trưa chiều, ông Bru điện đi qua hoàn lại các LT không người nhận, mỗi LT hoàn lại phải trả bao nhiêu tiền tùy nơi và tùy nặng nhẹ. Nếu chẳng có tiền lẻ này, ông Bru điện để giấy kêu tôi ra Bru điện mà nhận lãnh mất công tôi phải xin phép nghỉ vài giờ. Có lần tôi phải nhận lại cả 50, 60 bức thư hồi lại.

Thời gian thấm thoát trôi qua thế mà đã được một năm. Bù lại các công việc mệt nhọc hàng ngày, tôi sung sướng đã góp một phần nhỏ vào công trình xây dựng, củng cố tình AH giữa anh em cùng một nghề nghiệp.

Trước khi nhường lại phần vụ cho PTLT kế tiếp, tôi xin cảm ơn tất cả AH đã cung cấp bài vở, trao đổi thư tín, yểm trợ tài chánh, xây dựng, phê bình, để 3 LT số 35, 36, 37 được phát hành đúng kỳ hạn, tạm gọi đã làm vừa lòng AH một phần nào.

Thân mến chào tất cả Ái Hữu khắp nơi.

□ Bửu Hiệp

Thế Thượng Thăng Trầm

LTG : Tôi lấy 4 chữ đầu bài hát nói của Cao Bá Quát.

Thế thượng thăng trầm quân mạc vấn

Thâm ba yên xứ hữu ngư châu ...

*để làm tựa cho bài này, trích trong tập nhật ký “35 ngày vượt biển”.
Người Mỹ đã không thể nào hiểu nổi tâm trạng những kẻ đi tìm cái
sống trong cái chết. Họ ngạc nhiên khi phỏng vấn tôi :*

— Anh apply CE III ?

— Dạ, nếu không có CE III, CE II, CE I cũng được.

— Tại sao anh “quit” job có lương cao ?

— Dạ, job security ạ !

★

★ ★

*Không biết là ngày thứ mấy, con thuyền nhỏ bé 4m x 13m chở
172 người ty nạn vẫn lênh đênh trên biển cả. Gạo nước đã cạn, máy
hư, dùng mền thế buồm, chạy hoài mà vẫn thấy tàu là một chấm nhỏ
giữa vòng đại dương bao la. Con khát hành dũ dột, thêm vào đó cái
nóng nung người nóng nóng ghê. Dầu lái, anh Hiếu đã chum que củi
cuối cùng để chế biến nước biển thành nước ngọt. Thân tình lắm anh
mời cho tôi đúng mười lăm giọt chỉ đủ để thấm môi. Trong khoang,
một chàng trai ôm khu khu chai sô đa chứa một thứ nước màu vàng
sậm, thỉnh thoảng lại đưa lên miệng tu, nhiều con mắt thèm thường
đổ xô về phía anh như muốn giành giật. Linh tính cho hay, anh vội
đor chai lên với giọng thiếu não ...” nước nước biển ...”*

Gió ngừng thổi, con thuyền như tự động thả neo, đàn cá mập vẫn lòn vòn từ đằng xa. Cái nóng bức rứt thôi thúc tôi và một số thanh niên khác lao mình xuống mặt biển trong vát. Dù vậy nước biển chỉ xoa dịu phần nào cơn khát. Tôi gục đầu xuống mạn thuyền bất động.

Tôi suy nghĩ mông lung, đến kiếp phù sinh, những tên lặn lội trong rừng Phú Mỹ trong những chuyến vượt biên không thành, tôi anh chị Phương và cháu Quỳnh Giao. Chuyến đi chui lần này thật kinh hoàng và bất hạnh từng giờ từng phút, từ lúc lặn trốn xuống thuyền chèo, sang ghe củi rồi tranh lẩn nhau lên tàu v.v...

Tuy mắt nhắm, tôi vẫn nhìn thấy cả khoảng trời xanh trong ngát, tôi cầu xin một phép lạ. Bỗng một đám mây tích tụ trên đầu, cơn mưa ào ào đổ xuống. Mọi người đều bò dậy, miệng há hốc để từng giọt mưa rót dần vào cơ thể. Nước mưa thấm trên quần áo được vát vào lon, gạo để dành cho những ngày bất trắc sắp tới. Qua cơn khát, cái đói ray rứt trở lại, trẻ em khóc như đi và bầu sữa mẹ đã cạn. Gỏi lương khô của tôi đã bị tịch thu ngay ngày đầu khi tàu lọt vào hải phận quốc tế. Vừa thoát khỏi tàu tuần Việt cộng, bọn đàn em chủ tàu đã công khai lục soát tất cả bao bì, nữ trang, thức ăn chúng giữ lại, còn tất cả đều quăng xuống biển, lấy cơ tàu sắp chìm. Ai còn hơi sức đâu phản đối khi cái chết đã gần kề bên họ. Giờ đây mọi người đều đói lả, chỉ có bọn chúng vẫn nhơn nhơ. Với gần một lít nước mưa vừa hứng được, tôi hy vọng cầm hơi thêm vài ba ngày nữa !

Cùng đi một ghe với tôi có gia đình anh Đa, tuy mới quen biết nhưng hẳn lúc nào cũng coi tôi như “đại ca”, có lẽ vì tôi là bạn của xếp hẳn. Tuy tàu chật ních như cá hộp, hẳn vẫn giành một khoảng khá rộng cho con hẳn nằm. Tôi và anh H thay phiên nhau đổi thế nằm ngồi, chỉ cần lẩn sang lẩn ranh của hẳn chừng độ 1/2 gang tay cũng làm hẳn khó chịu. Con đòi còn cào khiến tôi vội nhặt vỏ cam rót vô miệng nhai ngấu nghiến. Hẳn quắc mắt nhìn tôi, sắc như lưỡi dao trên má chém (có lẽ hẳn tưởng rằng tôi đã dục vỏ cam từ miệng con hẳn). Giọt nước mặn nồng thấm qua môi, tim tôi rung lên và thất lại cho tình đời đen bạc. Hy vọng sống tới ngày mai để viết tiếp ...

★

★ ★

Đoạn trên trích trong trang nhật ký “Ngày thứ N trên biển Đông” tới ngày thứ 35, tàu cập bến Le Tung, một hòn nhỏ thuộc Indonesia. Tôi đã không trách Đa cũng như bọn chủ tàu bất nhân. Trên đảo, họ cần bổ túc hồ sơ, giấy tờ gì tôi sẵn sàng giúp. Phần đông con người lúc bình thường ai cũng tỏ ra tốt bụng, chỉ những lúc khốn cùng mới lộ nguyên bản chất thấp hèn “tự vệ để sinh tồn”. Tôi không phải là tín đồ của Phật giáo cũng như Thiên chúa giáo, nhưng tôi tin rằng Con người cần sống lương thiện trong sự quan phòng của Thượng Đế.

Để kết thúc bài này, tôi ghi lại lời nói của tên quận trưởng Thái Lan vừa nói, vừa xoay cây cần vào rốn tôi :

— Anh mà là Trương Ty hả ? ! !

khi tàu trôi giạt vào một cồn cát.

Hình như tôi lúc đó đã thay đổi nhiều : tóc tai bơ phờ, mặt mày lem luốc dính đầy dầu mỡ, quần áo hôi hám, dư đủ 20 xương sườn chẳng khác nào một tên tù kinh niên vừa trốn khỏi trại cải tạo. Dưới con mắt khinh mạn của hắn, đám người tỵ nạn chỉ là những kẻ tha phương cầu thực, một lũ ăn mày đói rách không hơn không kém. Nhiều khi những thử thách lớn lao đã vượt quá sức chịu đựng của tôi, nếu không có những động lực tinh thần thúc đẩy, chắc gì tôi còn sống đến ngày hôm nay vậy.

Mardi Gras 1986

□ H.B.

TÌM TỰ DO

Nhận được thư anh Thiệp cho biết lá thư Công Chánh trong số tới, ban biên tập lấy chủ đề “Đi tìm tự do”.

Anh bảo tôi viết vài hàng kể lại cho các AHCC biết về tình tiết cam go đầy gian nan khổ cực trong chuyến đi của tôi. Nhưng thú thực với các anh chuyến đi của tôi chả có gì đặc sắc, nhờ phước đức Ông Bà nên được thuận buồm xuôi gió. Tuy nhiên, để góp vào chủ đề đi tìm tự do, tôi xin kể lại câu chuyện sau đây cũng gay cấn không kém mà suốt đời tôi không thể quên được :

Vào năm 1975, tôi vừa mới đổi vào làm việc ở Nha Trang. Một buổi sáng nghe tin Huế đã bị bỏ ngỏ, dân chúng và quân đội đổ dồn về Đà Nẵng. Tôi hoảng hốt vì đại gia đình tôi đều ở Huế và Đà Nẵng, tôi ở đây với hai bàn tay trắng, nếu Huế đã bị bỏ ngỏ thì Đà Nẵng chắc chắn rồi cũng không yên, nên tôi cấp tốc xin phép về Đà Nẵng thăm gia đình.

Sáng hôm sau tôi xin máy bay quân sự ra Đà Nẵng, trên đường từ Nha Trang Đà Nẵng tôi sắp xếp mọi việc phải làm để bàn với ông anh cả tôi, đưa cha mẹ tôi và gia đình vào Sài Gòn ngay.

Nhưng máy bay đáp xuống phi trường Đà Nẵng, tôi thấy người người chen chúc nhau đợi ở phi trường làm tôi đâm sợ, một ý nghĩ đến với tôi “chắc là mình bị kẹt rồi”.

Về đến nhà thì ra anh tôi đã sắp đặt thuê tàu chở hàng hoá vào Sài Gòn và anh cũng đã chạy ngược chạy xuôi mua vé máy bay cho gia đình vào Sài Gòn mà chưa được.

Tôi liền lên Bộ chỉ huy Quân vận để xin vé máy bay ngày hôm sau trở vào Nha Trang hoặc Sài Gòn. Ở Bộ chỉ huy quân vận người đợi rất đông và được trả lời không còn chỗ, phải đợi ít nhất một hoặc hai tuần sau.

Tình hình quá nguy ngập, cả thành phố đều xôn xao, không khí thật ngột ngạt, nếu đợi một tuần nữa, không biết việc gì sẽ xảy đến. Tôi cấp tốc chạy về trạm hàng không dân sự, để mua vé, nhưng cũng không còn chỗ. Ngoài phố, xe cộ tắc nghẽn, cảnh vô trật tự, hỗn loạn đã hiện rõ.

Người ta đồn ranh giới không còn ở Bến Hải nữa, mà vào thầu Phan Thiết, càng làm tôi rối trí. Đang trong cảnh tuyệt vọng thì Dân Biểu P. cho hay ngày mai 6 giờ sáng có xe để đi chuyển vào Sài Gòn. Sáng hôm sau tôi dậy thật sớm theo đoàn xe lên phi trường, khi đến phi trường thì đã thấy đông nghẹt người, kẻ ngồi, người đứng sắp thành từng đoàn chờ đợi máy bay. Với lớp người như thế tôi ước lượng cũng phải hăng chục chiếc máy bay mới hy vọng chở hết. Có lẽ mọi người đều lo sợ không đi được cho nên mỗi lần có một chiếc máy bay đáp xuống mà không ai bảo ai, đều sẵn sàng chuẩn bị chờ cho máy bay vừa đứng hẳn là chạy đến chen lấn đạp lên nhau để leo lên máy bay, cảnh sát và quân đội không còn giữ được trật tự.

Một ngày trôi qua tôi vẫn không sao đi được, phải ngủ lại ở phi trường. Sáng hôm sau người ta đồn không có máy bay đáp xuống nữa, phi trường đã đóng cửa, và có thể bị pháo kích trong đêm nay. Đoàn người lại lũ lượt kéo về thị xã để tìm đi đường biển. Tôi đang phân vân chưa biết tính sao thì chợt thấy gia đình anh T., người đồng hương tiến đến gần tôi, anh T cho biết là không còn máy bay đáp xuống bốc người nữa, chỉ còn trực thăng đến vớt những người có hẹn trước. Tôi tin anh nói đúng nên không còn con đường nào hơn là bám riết theo gia đình anh, với hy vọng may ra còn đi được. Quả nhiên lúc sau tôi nghe tiếng trực thăng bay đến, mỗi lúc mỗi gần. Gia

đỉnh anh T chạy đến, dân chúng cũng ủa đến, trực thăng không dám đáp, bay hờ mặt đất khoảng 2 mét. Dĩ nhiên với tình trạng này, không làm sao gia đình anh T đi được. Không suy nghĩ tôi vọt chạy đến như một mũi tên, nhảy lên hai tay bám chặt lấy càng máy bay, hai chân đạp vào chân trực thăng. Trực thăng vọt cất lên cao. Gió bạt vào mặt, tôi nhắm hai mắt lại, miệng lâm râm niệm Phật, hai tay ôm chặt lấy càng máy bay. Mặc cho gió thổi tung cả áo quần, và túi nhỏ hành trang mang ở cổ, trong đó có tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Trực thăng bay nhanh một vòng rồi bay thẳng ra khơi, tôi vẫn bám lơ lửng bên ngoài trực thăng. Nhìn xuống phía dưới là biển, tôi thấy chóng mặt, chỉ một phút sơ hở lỏng vòng tay là tôi có thể rơi xuống biển làm mồi cho cá mập.

May mắn sao, một người ngồi gần cửa trực thăng nắm lấy tay tôi, kéo tôi vào. Lúc đã ngồi yên vào ghế trực thăng, tôi mới biết chắc là mình còn có cơ sống sót.

Trực thăng chở cả thấy tám người, có hai em nhỏ còn toàn người lớn. Trực thăng đưa chúng tôi đến cù lao Re, và chỉ một phút sau đã có một chiếc máy bay C-127 đáp xuống. Chúng tôi được dặn kỹ là khi thấy máy bay đáp xuống phải chạy thật nhanh đến và leo lên liền, vì sợ chậm trễ lính ở đó biết được họ sẽ leo lên quá đông và máy bay không thể cất cánh. Rồi chúng tôi được đưa đến phi trường Nha Trang an toàn.

Bây giờ nhớ lại, tôi rất lấy làm lạ, với vóc người nhỏ bé như tôi, trời gà không chặt, thể mà không hiểu sức mạnh nào đã giúp tôi có can đảm để ôm càng máy bay trực thăng đứng lơ lửng trên không trung.

Phải chăng vì bản năng tự vệ muốn sống còn, hay vì khao khát muốn đi tìm “con đường tự do”.

□ N.P. Texas



TÌNH QUÊ

Bài của Hà Huy Bảo và Tú Em

1.- QUÊ HƯƠNG VÀ TÌNH YÊU

Tình yêu trong dân gian thường được bộc lộ qua những câu ca dao mộc mạc nhưng vô cùng tình tứ, qua những câu hát câu hò đặc biệt, chan hoà tình thương đất nước. Đối với những kẻ tha hương, việc ôn nhắc lại những câu ca truyền khẩu này cũng là điều cần thiết để sưởi ấm lại, phần nào những tâm hồn cô đơn trên xứ lạ, đất khách quê người.

Dịp may tôi mượn được tập Việt Nam ca dao và tục ngữ góp nhặt tập II của hai cô Nguyễn thị Túy Sen và Ngọc Liên xuất bản tại Hoa Kỳ.

Nhờ vậy, tôi mới có thể mời các AH của lá thư Hoa bướm thả hồn thơ theo Trang Tử, hồi hương đi ngược thời gian, quay về dĩ vãng du ngoạn từ Bắc chí Nam, từ Lạng sơn cho đến Cà Mau.

Đã là AH giao thông công chánh thì việc đi du ngoạn là môn ăn thường ngày, không có gì lạ cả. Đi du ngoạn thường được gọi là “Đi công trường” nghĩa là đi thám sát, tham quan, kinh lý hay “đi công tác đặc biệt”.

Đặc biệt vì đôi khi quý AH cao hứng, chán cảnh ngồi văn phòng cho nên đi công tác là xách xe “chạy một vòng” cho thoải mái đó thôi.

Vì ca dao cần có sự quan hệ với một địa danh nên đành phải bị hạn chế, rất tiếc. và cũng vì tình yêu là không biên giới, nên quý AH đừng lấy làm lạ khi thấy trong bài này có lúc AH chúng ta bay bằng “phi thuyền ca dao” sang Phước Châu ở Trung Hoa hay đến Nam Vang ở Cao Mên một cách dễ dàng.

Thời ấy, may quá, không có vấn đề “tình nghĩa thấm thiết”. quá sức thâm hay “anh em ruột thịt một nhà” quá ư tàn bạo như ngày nay.

2 TÌNH MIỀN BẮC

Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu đi tham quan Lạng Sơn. Ở đây phong thổ hữu tình, khí hậu mát mẻ và vì đất đai phì nhiêu cho nên nhiều chàng ở đồng bằng thiết tha xin lên “làm ăn” với nàng ở Thượng Du :

*Đồn rằng trên Lạng vui thay,
Đi ba bốn ngày kể cả lăm công,
Bên dưới có sông bên trên có chợ,
Anh lấy em về làm vợ được chăng ?
Tre già thì gốc mọc măng,
Cho anh lên Lạng làm ăn với nàng.*

Nhưng oái oăm thay, vì luật cung cầu nam thừa gái thiếu ở vùng Cao Bắc Lạng (Cao bằng, Bắc giang và Lạng sơn), và vì con gái dòng dõi bà Âu Cơ ở miền núi thuộc chế độ mẫu hệ đa phu, cho nên mấy nàng rất có giá (tối thiểu chín chồng) :

*Chinh duyên lấy được chín chồng,
Ba chồng thành Lạng, ba chồng thành Cao,
Ba chồng để ngọn sông Đào,
Trở về óng ả làm cao chưa chồng.*

Lấy vợ Thượng Du khó khăn mới được làm chồng lẽ nên con trai Bắc Hà phải hương về châu thổ sông Hồng Hà kiếm vợ cho chắc ăn. Muốn vậy, chúng ta phải vượt qua những vùng đồi núi rất đẹp như miền : Phú Thọ, Sơn Tây, Việt Trì. Con gái vùng này rất nét na, nhưng cũng như con gái Bình Định, là những cao thủ võ lâm, đừng

lạng quạng như “đám cỏ may” hay “giây bím bím” vương chân nàng mà chết uống thân trai.

*Em ơi chị bảo em này,
Nhất mặn là muối, nhất cay là gừng,
Nhất cao là núi Tam Tùng
Chị còn đập đổ nữa rừng cỏ may
Đẹp nhất là núi Sơn Tây,
Chị còn chẳng tiếc nữa giây bím bím.*

Nếu chàng không phải đệ thất đẳng huyền đai, và cũng không thật thà chi mấy thì nên tránh là hơn. Nếu đi qua ngã Thất Khê mà về đến Phủ Lạng Thương hay Bắc Ninh, địa danh nổi tiếng nhất nước về phương diện hoa hậu, thì chàng nên ở lại luôn. Rất tiếc vì thiếu ca dao ở miền này, chàng đành phải ghé Đông Triều để ném sự thử thách rất “kiều lộ”:

*Vì đâu em có lòng yêu
Biểu anh gánh đá Đông Triều về xây !*

Đàng nào về Hà Nội kiếm vợ cũng là thượng sách. Nhưng trước hết là phải có tiền và có công chờ đợi. Hễ gặp cơ hội là thả lưới đàn trùm đủ mười hai bến nước thì liệu có nhân ngư nào mà thoát khỏi vòng vây ?

*Ngày ngày ra đứng cổng chùa,
Trông lên Hà nội xem vua đúc tiền,
Ruộng tư điền không không ai cày cấy,*

*Liệu có mình ở vậy được chăng ?
Mười hai cửa bể anh đã cấm đàn,
Của nào lắm cá thì chen chài vào !*

Mấy cô Hà Nội thường hay đưa đẩy duyên dáng cho nên khéo ăn khéo nói. Không thích làm dâu mà lại được lòng chàng với câu :

*Phải chi sông cái có cầu,
Để em qua hầu cha mẹ thay anh !*

Hà nội là xứ ngàn năm văn vật, nam thanh nữ tú, nếp sống đạo đức cũng có nhưng cảnh sống xa hoa cũng nhiều. Khách lạ (nhất là người miền Nam) đến Hà nội khó lòng mà phân biệt được lòng dạ con người trắng đen. Sông Hồng cùng với Hồ Tây là đoạn chót của

kẻ chán đời bị tình duyên phụ bạc :

*Làm chi cho mãi hết tình
Tuồng bậu chi tình tôi lại gắng công,
Ngờ đâu bậu lại lấy chồng,
Nên tôi phải nhảy sông Hồng quỳên sinh.*

Nhưng chị em Hà thành phần đông rất có cảm tình với con trai miền Nam, thật thà, hiền lành và giàu có nên sẵn sàng ra tay cứu vớt kẻ mảy râu bạc mệnh :

*Trai anh hùng còn mắc cạn,
Giá như Lữ Quốc trượng trót bị vây,
Ơi này mấy chị em ơi,
Lập cơ mưu đồ trận ra biển Hồ Tây cứu chàng*

Nếu chàng không muốn chết vì tình quá sớm, và nếu quả là con người đứng đắn thành thật muốn sống thoải mái với “một” cô vợ chung tình thì nên tránh Hà nội mà đi xuống Hà đông.

Chợ Hà đông ở phía Nam Hà nội là một vùng ngoại ô giàu có. Ai mà chán cảnh núi rừng, để về đây kết duyên với “cô hàng xén” thì xem như cuộc đời vật chất được bảo đảm, an toàn không sợ “lay off” hay “shut down” gì cả :

*Ba bốn năm ăn ở trên rừng,
Chim kêu vượn hú nửa mừng nửa lo.
Trót nghe ai lỡ bước xuống đò,
Gieo mình xuống sập : những lo cùng phiền
Chợ Hà đông một tháng sáu phiên,
Gặp cô hàng xén, kết duyên vừa rồi.
Cái gánh hàng có những quế cùng hồi,
Cái mủng bồ kết, cái nồi thạch cao,
Bó hương thơm xếp để trên bồ,
Trần bì, cam thảo, Sai hồ, Ban liên;
Hàng em đáng giá bao tiền,
Để anh hùn vốn anh liền buôn chung,
Buôn chung ta lại bán chung,
Được bao nhiêu lãi ta cùng chia nhau.*

Cô vừa giúp chồng cô công danh sự nghiệp và vừa dạy chồng tu hành làm công quả nữa. Cô hàng xén Hà Đông thật không những

đắm đuối mà lại còn chung thủy :

*Sông bên này anh lập chùa Phước Thiện,
Sông bên kia anh lập huyện Hà Đông.
Huyện Hà đông, cho Bao Công xử án,
Chùa Phước thiện, cho chán thế tu hành.
Chim kêu dưới suối trên cành.
Anh không bỏ vợ, sao đành bỏ anh ?*

Nhưng lâu lâu cô nàng cũng nhẩn nhủ đức lang quân đừng quên nàng có máu Hoạn Thư, áp suất cao nhất thế gian :

*Tôi là sư tử Hà Đông,
Ghen tuông nóng nảy cũng không ai bằng !*

Nếu anh chàng nào có tính thích bay bướm, mà rủi ro lấy phải vợ Hà Đông, thì thật là khốn nạn cái thân già :

*Lỡ mà lấy vợ Hà Đông,
Anh sợ sư tử anh đông cho rồi.*

3.- TÌNH MIỀN TRUNG

Chạy trốn vợ Hà Đông được là cả một vấn đề khó khăn, nguy hiểm vô cùng. Chỉ còn một cách là vượt đèo. lội suối Nam tiến trốn vào miền Trung để hoạ may kiếm ra tri âm khác hiền lành hơn :

*Núi Đầu Mâu cao bao nhiêu trượng,
Ngọn sông Linh Thủy sâu bấy nhiêu tấc,
Dùng chân đợi khách tri âm,
Lệ Sơn với dãy Ninh Cầm không xa.*

Phản đông đến đây mà gặp được tri âm, thì ở lại luôn, vì đường đến Huế bắt đầu quanh co hiểm trở, phải qua trường Nhà Hồ và phá Tam Giang mà ai cũng ngán :

*Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ,
Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ trường Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.*

Tuy đường sá xa xôi và khó khăn như vậy, nhưng cũng có chàng vì quá “thương” nên liều vượt qua không quản khó nhọc gì cả :

*Đường xa nước cạn mà đi,
Xin cho tới Huế quản gì đường xa.
Trồng hường lấy lá che hường
Thương em chẳng quản nổi đường xa xôi*

Đến kinh đô triều Nguyễn thì chắc chắn chàng quên hết mọi khổ sở dọc đường khi gặp được cô gái Huế, phong lưu đài các quý phái, vừa đẹp lại vừa tươi :

*Em đẹp lại có khăn lụa đội đầu,
Em đội cái nón xứ Huế trông màu nghiêm trang,
Em lại bịt thêm mấy cái răng vàng,
Ngồi xe tứ mã thật thiếp với chàng xưng đôi !*

Chàng khen thầm :

*Chàng thơm cũng thể hoa tươi,
Chàng ai nhỏ thó như người Đế Đô...*

Rồi thú thật với nàng :

*Em đội nón Huế bài thơ,
Làm cho anh thấy ngẩn ngơ cả người.*

Nhưng theo kinh nghiệm thì muốn kén vợ Huế không những tình tứ dịu dàng, mà lại còn biết làm ăn nữa thì nên ra ở vùng ngoại ô :

*Cô kia đội nón quai xanh,
Cô về Nam Phổ với anh thì về,
Nam Phổ có cây bồ đề
Có giếng tắm mát cô về mà chơi*

Và chắc chắn sẽ được nàng để ý :

*Giả đồ mua hẹ, bán hành,
Ghé vô chợ Cống thăm anh kéo buồn.*

Nhưng đất Thần Kinh vẫn là đất của sông Hương núi Ngự Bình muôn thuở nên nàng cũng quanh co rắc rối như giòng nước biếc :

*Khi trông lên núi Ngự, khi ngó xuống sông Hương,
Đó anh biết được em thương xứ nào ?*

Ngày xưa những thi sĩ tiền bối, được hưởng thú đi thuyền sông Hương. Du khách lên đênh trên mặt nước trong xanh, thả hồn theo mộng để lắng nghe câu hò mái đẩy của các cô lái đò tình tứ như sau :

Bên chợ Đông Ba tiếng gà gáy sáng,
Bên làng Thọ Mộc tiếng trống sang canh,
Giữa giòng sông Hương, tiếng trống khuynh thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh, chạnh lòng ngửa nghiêng
Hay :

Nước đầu cầu khúc sâu khúc cạn,
Em chèo qua Ngọc Trảm đến vạt Kim Long,
Sương sa gió thổi long đong,
Sóng xao, trăng lặn chạnh lòng nhớ ai ?

Hoặc :

Thương thời thương chẳng thương thời chớ,
Làm chi cho lỡ dở thêm buồn,
Bên chùa Thiên Mụ đã gióng tiếng chuông
Gà thượng thôn đã gáy, tiếng chim nguồn đã kêu.

Và :

Nước chảy xuôi có con cá xuôi lội ngược,
Nước chảy ngược có con cá vược lội ngang.
Thuyền em xuống bến Thuận An,
Thuyền anh lại trẩy lên ngàn anh ơi !

Biết bao nhiêu giọt nước mắt đã “đầy vơi giọt lệ nước sông Hương”
với Ngọc Hân công chúa vì tình lụy ở chốn này :

Ướt áo xanh lụy tình Tư Mã ;
Khách thiên thai vẫn lạ mà quen ;
Thuở trăng tròn ai kẻ bạn hiền,
Biết ai ly phụ giữa giòng sông Hương ?

Nhắc đến Ngọc Hân công chúa khóc vua Quang Trung hay các
cung phi khóc các vua Hàm Nghi, Duy Tân là phải nhắc đến những
mối tình vương giả :

Ngày xưa công chúa kén chồng,
Linh trướng khua còng vác mỗ đi rao,
Ai mà tuổi trẻ tài cao,
Sửa soạn mà vào lấy vợ, con vua...

.....

*Ngày xuân công chúa lên lầu,
Gieo quả hồng cầu trúng mào trạng nguyên
Trạng nguyên đã có vợ hiền,
Công chúa ưu phiền khóc ướt khăn loan.*

Tuy không phải là phò mã, nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc, phải rời khỏi xứ Huế, cũng là một sự hy sinh lớn. Ngay cả :

*Học trò trong Quảng ra thi,
Gặp cô gái Huế ra đi không đành.*

Hướng hồ nữa là ai. Hôn nữa, con gái xứ Huế chỉ thích ở lại sinh sống tại cố đô không chịu theo chàng vào Nam cho nên có câu rằng :

*Ăn cam ngồi gốc cây cam,
Lấy anh thôi lấy về Nam không về.*

Nhắc đến Quảng Nam là nhớ đến câu ca dao hài hước phản ánh khá đúng địa phương tính của miền Trung :

*Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co,
Bình Định hay lo, Thừa Thiên ních hết*

Nếu chàng nào chán kinh đô và thích sống cảnh quê mùa mộc mạc thì nên lấy vợ Quảng Nam “hay cãi” này. Mấy “nường” tuy có giọng nói thật là khó nghe và tính hơi lý sự đôi chút nhưng lại rất chung tình :

*Tình về Đại Lộc, duyên gặp Kim Bồng,
Đến đây là chỗ tỏ lòng,
Gặp nhau chẳng biết trên sông bến nào.*

Hoặc :

*Em đứng nơi cửa sông Hàn,
Ngó sang bãi biển Tiên Sa,
Ngũ Hoành Sơn ở trên, núi Sơn Chà ngoài khơi;
Trông nước non thẹn lắm anh ơi,
Nghe chuông chùa Non Nước, em nhớ mấy lời thề ước,
Anh làm sao cho duyên nợ được vuông tròn,
Kéo lòng người xứ Quảng mỗi mòn đợi trông.*

Vì Quảng Nam là một xứ nghèo nên “nường” thành thật cho chàng biết trước rằng đời sống rất đơn giản, thanh bần nhưng đậm đà tình thương :

*Em là con gái chợ Cồn,
Đang hái rau má với chuối non bên đường;
Vì đâu anh có lòng thương,
Mời anh về bãi em trồng dưa hường cho anh ăn.*

Và :

*Chẳng thơm cũng thể hương tàn
Chẳng ngọt cũng nước sông Hàn chảy ra.*

Nhưng nếu chàng phụ bạc thì “nuông” sẽ trừng trị thẳng tay không thua gì mấy “ả” Hà Đông cho mà xem :

*Tay cầm con dao làm sao cho sắc,
Để mà dễ cắt mới hết nôn nao.*

*Bấy lâu trong dạ khát khao,
Bởi người xứ Quảng có bao giờ đợi trông !*

Một lần nữa, chàng sợ chết yếu nên chạy trốn thẳng vào Nam bằng cách băng qua suốt miền Trung dài như sợi chỉ với những thẳng cánh như sau :

*Tỉnh Bình Định có ba cửa thành
Bên sông Trà Khúc, nước chảy quanh một vòng
Nước sông Hương khi đục khi trong,
Núi chùa Non Nước trong lòng có nhiều hang,
Chùa Bà Mộ ở phố Hội An,
Linh thiêng có tiếng lan tràn khắp nơi,
Sơn Trà núi chúa thanh thoi,
Khách nào có đến cũng dạo chơi một lần.*

Sông Trà khúc chảy ngang Phú Bổn, một tỉnh mới thành lập thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên mấy nàng ở Huế ngán lắm không muốn theo chồng nên than rằng :

*Chàng về Phú Bổn sao xuôi,
Con thơ bỏ đói ai nuôi cho chàng ?*

Đi qua tỉnh Bình Định phải ngán con gái Bình Định vì nàng không thua mấy cô Sơn Tây, rất giỏi về nghề võ mà giám bắt sống thanh nam đem về làm kẻ hầu người hạ :

*Anh về Bình Định mà coi :
Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.*

4.- MỐI TÌNH TRUYỀN KIẾP : NÚI VỌNG PHU

Đường vào Nam tuy dài mấy cũng không ngăn cản được con gái xứ Quảng quyết tâm đi tìm cho ra chồng biệt tam biệt tứ từ lâu. Do đó, khi đến đèo Cù Mông thì chúng ta có thể gặp một bản "Chinh phụ ngâm" rất bi bình dân nhưng khá ngắn ngủi như sau :

*Tiếng ai than thở đầu non,
Hay vợ chủ lính treo Hòn Cù Mông ?*

Cũng chính nơi đây là xứ sở của núi "Vọng phu", tượng trưng cho sự chờ đợi vĩnh cửu, cho mối tình truyền kiếp, cho sự nhấn nại không bờ bến của người phụ nữ Việt Nam qua biết bao thời đại và nhất là ngày nay với hàng trăm ngàn thuyền nhân mất tích ngoài biển khơi hay hàng chục vạn tù nhân khổ sai trong rừng núi. Vì núi vọng phu thời trước là núi của tình yêu bất diệt, cho nên thương thuyền hay ngư thuyền đi ngang đây thường cầu nguyện xin nàng phù hộ cho tai qua nạn khỏi :

*Lạy Bà, Bà thổi gió nồm,
Chồng Bà ở Quảng kéo buồm vô Nam.*

Ngày nay việc cầu nguyện vào những sức mạnh siêu hình để tránh tai hoạ công an trong chế độ XHCN là một nhu cầu tâm linh cần thiết cho dân Việt Nam để có thể sống lây lất qua ngày.

Thời Pháp thuộc, vấn đề đưa tiễn chồng ra đi biệt xứ đã được diễn tả bằng bài ngâm sa mạc (quốc cấm đối với thực dân Pháp) lâm ly thảm thiết bắt đầu bằng hai câu bất hủ :

*Ơi anh khoá ơi,
Em tiễn đưa anh ra tận bến tàu...*

Hay bằng ca dao :

*Chiều chiều ra bãi mà trông
Bãi thời thấy vắng, người không thấy người.*

Nàng có thể chờ chàng từ chiều cho đến đêm, lúc canh khuya vẫn còn thao thức :

*Đêm trường nghe vọng ru con,
Trăng khuya thanh vắng như hồn vọng phu.*

Còn vấn đề thăm nuôi cũng được trình bày bằng câu ca dao tình tứ :

*Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non...*
Hay tha thiết khi chàng bị giữ trong cấm thành nhà vua.

*Cửa thành đóng kín khó dòm,
Nhớ anh em khóc đổ lờm con người*

Ngày xưa năm thì mười hoạ mới thấy vài cái cò đi thăm chồng lẻ tẻ, chứ ngày nay, với chế độ tàn bạo này thì có hàng triệu cái cò đi thăm nuôi tập thể, theo ngày giờ nhà nước ấn định. Đặc biệt là cái cò hôm nay, không hót nỉ non mà lại khóc sụt sùi, vì với trại cải tạo là ở tù suốt mùa, không phải có thời hạn nhất định như với cấm thành đâu.

Kể từ 30-4-1975 thì hai chữ “thăm nuôi” là hai chữ vàng son chói lọi nhất trong lịch sử phụ nữ Việt Nam. Hai chữ này đã được ghi bằng biết bao mồ hôi và nước mắt của tình yêu chân thành trước bạo tàn vũ lực. Nỗi vọng phu nhờ ơn Đảng, đã được rời ra tận Hoàng Liên Sơn để để biến thành vô số nỗi vọng phu nhỏ nhỏ: Chàng chưa về mà nhiều nàng đã thành người thiên cổ !

4) TỈNH MIỀN NAM

Qua khỏi đèo Cù Mông là đến Khánh Hoà, cửa ngõ đưa đến miền Nam phì nhiêu. Tại xứ nước mặn này, đất rộng người thưa nên sự gặp gỡ giữa nàng và chàng chỉ có thể xảy ra ở chợ bên sông hay ở ngay trung tâm thành phố !

*Gặp nhau từ chợ bên sông,
Không đi thời nhớ, uống công đợi chờ,
Gặp nhau từ chợ Bàn Cờ,
Quen nhau nay đã nhờ cơ hội này,*

Công tử miền Nam giàu có, tính tình thật thà nên khi gặp nàng ở Huế vào thì nghĩ sao nói vậy, không đưa đẩy, sòng phẳng :

*Rồng nằm ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai,
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương em xa xứ lạc loài đến đây ;
Gặp nhau ta lại bắt tay,
Đôi ta duyên nợ chờ ngày mẹ cha.*

Phần nhiều là được nàng chấp thuận, bắt tay công tử nhất là công tử Bạc Liêu :

*Bạc Liêu công tử rất sang,
Cũng nhờ ruộng lúa mệnh mang ngoài đồng
Cho nên các chàng trai xứ Quảng tiếc của trời, than trời kêu đất
như sau :*

*Nồi vàng lại úp vung đồng,
Còn gái xứ Huế lấy chồng Đồng Nai,
Giậm chân ba tiếng kêu nài,
Lấy chồng xứ Quảng biết ngày mai còn về.*

Đối với con trai Huế, lấy vợ Nam thì trốn về dễ dàng hơn cho nên
mấy nàng than rằng :

*Buồn tình ơi hồi buồn tình,
Không ai ra Huế cho mình gửi thơ,
Gửi thơ ra chẳng thấy trả lời,
Hay là thơ rớt, thơ rơi ngoài đường ?*

Thời trước đường xá chưa phát triển đầy đủ, nên sự giao thông
chỉ trông cậy vào các kinh lạch. Mặc dầu sự đi lại, thăm nhau khó
khăn, nhưng chàng vẫn cố gắng cheo ghe đi trông cây si xa mấy
cũng không nản :

*Ghe anh nhỏ mũi trán lường,
Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em.*

Có lẽ vì em cho anh leo cây té khá nặng, nên anh nhuộm bệnh
tương tư trầm trọng :

*Ghe anh lui về Gia Định anh thọ bệnh đau liên,
Không tin, em hỏi xóm giềng mà coi.*

Chàng tương tư thọ bệnh, thì nàng cũng có thể quỳên sinh :

*Bến Bạch Đằng nước chảy trong ngần,
Giận chàng muốn nhảy xuống một lần cho xong.*

Vì sợ cảnh chàng phụ bạc cho nên nàng phải làm khó dễ, thử
thách, và cô lái đò Thủ Thiêm ở gần bến Bạch Đằng lại càng rắc rối
hơn ai hết :

*Bắp non mà nướng lửa lò,
Đố ai ve đặng cô lái đò Thủ Thiêm ?*

Và thanh niên Nam ở Tiền Giang cũng như ở Hậu giang đều thi
đua chèo thuyền hoặc lội sông đi kiếm vợ, không thua miền Trung và

miền Bắc chút nào :

*Tỉnh Cần Thơ nam thanh nữ tú,
Tỉnh Cà Mau vườn hủ chim kêu,
Anh thương em bất luận giàu nghèo,
Mấy sông anh cũng lội, mấy đèo anh cũng qua.*

Hơn nữa, miền Nam là xứ hay thề độc, cho nên khi thương là quyết yêu đến chết thôi :

*Thuyền kia đỗ bến Hậu Giang,
Anh nay chỉ quyết thương nàng mà thôi,
Cây khô khá để mọc chơi,
Cha mẹ gả rồi chớ khá nghe ai.
Trầu cau rượu đã chẳng nài,
Đôi ta duyên nợ chẳng sai lời nguyên.*

Vì thề thốt gán bó quá chặt chẽ, nên khi phải xa chàng đi làm việc ở Cao Mên nàng khóc lóc thảm thiết :

*Đèo nào cao bằng đèo Châu Đốc,
Dốc nào cao bằng dốc Nam Vang,
Một tiếng anh than, hai hàng lụy nhỏ,
Tâm sự này em biết tỏ cùng ai ?*

Đôi khi vì lối sống bất đồng, nên nàng đành chúc chàng ở lại vương tròn, để nàng trở về quê quán ngoài Bắc (nghĩa là Sài gòn đối với Hậu Giang) :

*Chợ Sài Gòn của em mới thật cần đá,
Còn chợ Rạch giá của anh chỉ trắng xi mon.
Chúc anh ở lại vương tròn,
Em về ngoài Bắc chắc còn trở vó.*

6) TÌNH KHÔNG BIÊN GIỚI

Ca dao về tình yêu và đất nước, đôi khi cũng tìm cách vượt biên giới, với người Việt gốc Hoa, vì như tôi đã nói ở trên, đã là tình thì không biên giới :

*Miệng đọc câu chương, tay anh nương bàn toán
Đề hỏi thăm nàng quê quán ở đâu,
Quê em ở tại Phước Châu,
Anh mà có muốn thời qua cầu với em.*

Nhưng nếu vì tham giàu có mà kết nghĩa đá vàng, với người Hoa thì được khen hay chê là tùy trường hợp và quan điểm. Ví dụ khách quan và lạc quan :

*Lấy chệt nên lấy chệt giàu,
Sâm nhưng quế phụ bên Tàu đem qua.*

Ví dụ chủ quan và bi quan :

*Duyên đâu đến tận bên Tàu
Hay là em thấy chệt giàu em ham.*

Nhưng đối với Ấn độ thì thật khó lòng mà có tình yêu chân thật vì tướng mạo chàng lông lá đen thui đen thui cho nên :

*Mần chi ruá hời em Ba,
Em ham đồng bạc trắng, bán hoa cho Chà và đen !*

Vấn đề vì ham tiền mà lấy Tây không tình nghĩa gì cả cũng được khôì hài bằng ca dao :

*Mười giờ ông Chánh về Tây,
Cô ba ở lại lấy thầy thông ngôn,
Thông ngôn ký lục, bạc chục không màng,
Lấy chồng thợ bạc đeo vàng đỏ tay !*

Vì Pháp là Tây thực dân nên dân chúng không mấy ưa, còn đối với đồng minh Mỹ thì giàu hơn và có cưới gả đẳng hoàng nhưng nàng vẫn ngán :

*Phân em liễu yếu vâng lệnh song đàn,
Em kết duyên với Mỹ ngơ ngàng lắm sao ?*

Nhưng thanh niên Việt thì không thấy ngơ ngàng chút nào cả khi mê một cô nàng Thổ ở Nam Vang :

*Tàu Nam Vang chạy ngang bãi cát,
Xuồng câu tôm đậu sát mé rà,
Anh thấy em có một mẹ già
Muốn vó phụng dưỡng biết làặng không ?*

Vì tình yêu vượt biên giới dễ dàng cho nên ngay ở trong nước thì tha hồ chàng và nàng bất chấp Đông Tây Nam Bắc gì cả để áp dụng triệt để những câu :

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng !*

*Gió đưa cây cửi lý hương,
Mỗi người mỗi xứ mà thương nhau đời.*

.....

*Đáy bên Tây, đáy bên Đông,
Đáy không có vợ, đáy không có chồng.*

.....

*Bắc Nam em chẳng thương tình,
Để cho anh đứng một mình sao đang ?
Do đó mà có nhiều kẻ âm thầm đau khổ :
Chồng Nam vợ Bắc, các cơ không anh ?
Ở gần chẳng lấy, sao đành ở xa ?*

.....

*Xa xôi còn gửi thơ về,
Còn đây với đó chẳng hề viếng thăm !*

.....

*Buồn lòng cũng tại mẹ cha,
Ở gần không gả, nơi xa lại ư !*

TÌNH ĐẶC BIỆT GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

7.1 TÌNH KIÊU LỘ

Kiều lộ là ngành đại chúng nhất trong bộ môn Công chánh, nên có rất lắm tình rải rác khắp đó đây trong lòng dân Việt. Nhờ vậy, đặc biệt có nhiều ca dao hơn các ngành khác. Trước hết là đường và mương :

*Làm đường nên nhớ khai mương
Làm trai hai vợ nên thương cho đều.*

.....

*Công anh đi xuống đi lên,
Mòn đường chết cỏ bậu nên nghĩ tình*

.....

*Đường xa thời thật là xa,
Muốn nàng làm mối cho ta một người,*

*Một người mười tám, đôi mươi,
Một người vừa đẹp vừa tươi như nàng*

.....

Rồi đến cầu, vô số cầu không biết bao nhiêu cầu mà kể :

*Phải duyên ta gặp nhau đây,
Sông Ngâu Ô Thước, ngày nay bắc cầu.*

.....

*Anh về xe vãn cho đây,
Bắt cầu sông Cái cho thầy mẹ sang...
Sang sông em cũng sang theo,
Đò máy quan cấm, đò chèo quan cho.*

.....

*Cầu Rồng bước tới cầu Trâu,
Bước sang cầu Khỉ gặp đầu cầu Dưa ;
Em ơi em có chồng chưa ?
Anh đây không lấy sớm trưa đỡ đần...*

Và sau đây, là một câu ca dao đặc biệt để móc nối lộ vận vào với thủy vận :

*Ước gì quan đắp đường liền,
Kéo anh đi lại tốn tiền dò ngang.
Em về dọn quán bán hàng,
Để anh là khách qua đàng trú chân...*

7.2 TINH THỦY VẬN

Nước Việt là một quốc gia có bờ biển dài mấy ngàn cây số tương đương với Chi Lê và có một hệ thống sông ngòi và kênh rạch tương đương với Hoà Lan. Ấu cũng vì vậy mà ca dao về ngành thủy vận có phần nhiều hơn cả ngành kiều lộ. Nhiều hơn có lẽ là nhờ dòng dõi con Rồng thích sống với nước và nhất là ở thành ngữ khá thông dụng “thuyền tình bể ái !”

*Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết gởi mình về đâu ?
Muốn cho tốt rể tốt dâu,
Xin anh nhớ lễ trầu cau tới nhà.*

.....

Cánh buồm gió thổi hiu hiu,
Nay ngược thủy triều, mai lại nước lên,
Sông sâu sóng vỗ đôi bên,
Chờ cho sóng lặng anh lên xuôi cùng
Đôi ta trọn chủ thủy chung.
Xuống gành lên thác khổ cùng có nhau

.....
Cách sông nên phải lụy đò,
Tối trời nên phải lụy o bán dầu
Hồi o nghỉ gánh đầu cầu,
O bán không được nên rầu chi mô ?

.....
Đò em đã tới bến bờ,
Sao anh chẳng xuống còn chờ đợi ai ?

.....
Ngon sông Đào nước trong xuôi chảy,
Anh đi kén vợ mười bảy năm nay.
Tình cò lại gặp cô đây
Muốn cắt cái áo, muốn may cái quần.
Thà rằng cắt áo may khăn,
Mất lòng em chịu, cái quần không may.

7.3 TÌNH KIẾN THIẾT

Có lẽ thời trước tổ tiên ta theo chế độ mẫu hệ cho nên vấn đề xây tổ ấm được giao phó “cho mẹ nó lo” không khác gì loài chim. Do đó có những câu ca dao :

Công tôi gánh gạch xây thành,
Trở ra theo chồng bảy gánh còn ba.
Xưa kia ở với mẹ cha,
Mẹ cha cung dưỡng nhu hoa trên cành.

.....
Thương nàng gánh gạch về đây,
Chàng đắp nền núi cũng xây nên thành.
Trường hợp kiến thiết kiểu liêu mạng này, thật là hy hữu :
Tiếc công anh đào gạch chun vào,
Thăm không đặt bậu, bị gạch cào trầy lưng !

7.4 TÌNH ĐIỆN LỰC

Thời chưa có đèn điện dân ta dùng đèn, giấy, đèn dầu :

*Đèn treo cột đèn giấy, nước chảy cột đèn rung
Anh thương em thấm thiết vô cùng.
Cho nên quyết biển tận non cùng kiếm em.
Thủy chung giữ trọn một niềm.*

Nhưng khi có đèn điện của ông Chánh (Chánh kỹ sư lực lộ ?) với thời đại văn minh vật chất thì tình đời đổi thay :

*Đèn nào cao bằng đèn ông Chánh ?
Bánh nào trắng bằng bánh bò bông ?
Anh thương em từ thuở mẹ bông,
Bảy giờ khôn lớn, em lấy chồng bỏ anh !*

Hay :

*Đèn trong sáng tỏ bờ kình,
Thương anh, em có thiết tình hân hoi ?
Cho anh lên xuống hoài hoài,
Mai kia một nọ em đòi nhảy sông.*

Ngày hôm nay nhờ câu “Xã hội chủ nghĩa là Xô viết cộng điện khí” nên điện bị cúp liên miên và câu ca dao thời xưa được áp dụng lại thật đúng lúc :

*Đêm đêm thắp ngọn đèn dầu,
Than thân với bóng thắm sâu ai thương ?
Năm canh một bóng một giường,
Ngọn đèn leo lét đoạn trường ai hay ?*

7.5 TÌNH KHÍ TƯỢNG

Ngày xưa có nha khí tượng, nên trong công việc đồng áng các nàng chỉ trông vào trời, mây, mưa và gió như sau :

*Lạy trời mưa gió thuận hoà,
Để cho lúa tốt hoa tươi em mừng,
Bắp khoai chẳng được thời dùng,
Được nếp, được lúa em mừng lắm thay !*

Hoặc :

*Người ta đi cấy lấy công,
Em đây đi cấy còn trông nhiều bề :
Trông trời trông đất, trông mây,*

*Trông mưa, trông gió, trông ngày trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên bể lặng mới an tâm lòng.*

Và lẽ tất nhiên, một khi đã có thiên thời và địa lợi rồi thì áp dụng Tôn Tử binh pháp, tạo thêm nhân hoà cho hợp với luật trời đất :

*Mua từ trong núi mưa ra,
Mua khắp thiên hạ, mưa sa ruộng lúa,
Đôi ta bắt gặp ở đây,
Như cặp bò gầy, gặp bãi cỏ hoang !*

Tuy vậy, nhưng mà vẫn có khi thất bại, vì thời tiết đổi thay bất ngờ, nên nhà khí tượng, khó lòng mà bảo đảm chính xác mãi được :

*Mưa xuân lác đác vườn Đào,
Cổng anh đắp đất ngăn rào trồng hoa,
Ai làm gió táp mưa sa,
Cho cây anh ngã, cho hoa anh tàn ?*

Nhưng đối với những Ái Hữu tha hương nhớ nhà như chúng mình, thì không có câu ca dao nào cảm động và thiết tha bằng câu ca dao .“*Vì nhớ mà buồn*” học thời tiểu học tiền chiến :

*Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện chăng tơ.
Nhện ơi, nhện hỡi nhện chờ mối ai.
Buồn trông chênh chếch sao mai,
Sao ơi, sao hỡi nhớ ai sao mờ.
Đêm đêm tưởng giải Ngân Hà
Chuôi sao Tinh Đầu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn.
Tào Khê nước chảy vẫn còn tro tro.*

8. TÌNH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tình yêu rất đặc biệt trong chế độ xã hội chủ nghĩa thời trước 1975, cũng được dân chúng diễn tả bằng ca dao. Ví dụ ở các tỉnh miền Trung, sau hiệp định Geneva 1954, chánh sách Việt Minh là buộc tất cả thanh nam trước khi tập kết ra Bắc Phải “*đột xuất khác*

phục lấy vợ khẩn trương” và bỏ vợ lại nhà để làm cơ sở tiếp liên móc nối sau này. Cưới hỏi tất nhiên không cần cha mẹ và đám cưới tập thể tập thể do Bác và đảng tổ chức tại chỗ. Do đó :

*Việt Minh ăn đũa hai đầu,
Đàn bà con gái là dâu cụ Hồ.*

Còn phụ nữ cứu thương trong bộ đội, cũng bị phê bình và giải tán, trước khi những đoàn cán bộ hộ lý được tổ chức :

*Phụ nữ cứu thương,
Cái bụng chuông ương, cụ Hồ giải tán.*

Đối với quần chúng thì sự phân biệt giữa những cô ở thành hay ở chiến khu rất dễ dàng vì :

*Trắng da vì bởi má cung,
Đen da vì bởi ở bụng mới về.*

Thuở ấy (1945) dân chúng miền Bắc đang còn tiêu tiền của ngân hàng Đông Dương (Việt, Miên, Lào) nên khi bị kiểm kê, các nàng than rằng :

*Rủ nhau đi họp chợ phiên,
Mua được cái váy bằng tiền Đông Dương,
Trở về cho đến chợ Chuông
Công an tước mắt còn nuông tởm hô ...
Muôn năm chánh sách cụ Hồ !*

Bây giờ nghe đâu kể từ 1975 trở đi bên nhà có rất nhiều ca dao rất hợp thời hợp cảnh, vậy mong quý AH nhờ để ý sưu tầm giúp và gửi qua Lá Thư AH để nhờ chuyển cho tôi. Đồng thời nếu kèm theo luôn những ca dao thuộc về “Tình quê” có quan hệ với địa danh thì thật là quá quý. Tôi sẽ cố gắng dùng những tài liệu trên để tạo ra những món ăn ngon lành cho “Lá thư Ái Hữu”.

Ca dao là tiếng nói chân thành của dân tộc. Đó là những tài liệu lịch sử, quý giá mà không ai có thể phủ nhận giá trị tuyệt đối của nó, đối với thời gian và không gian ...

Để ngăn chặn phong trào ca dao phát triển, Nhà nước ngày nay mở chiến dịch kiểm soát chặt chẽ các quán cà phê, phòng trà và bắt bớ các văn sĩ, thi sĩ đem đi học tập dài dài. Thậm chí đến những bậc tiền bối già nua, như cụ Hiếu Chân (Trên 70 tuổi) hay cụ Quách Tấn (trên 80 tuổi) cũng bị bắt trong những năm 1983-1984, để chuẩn bị

cho kỷ niệm 10 cách mạng kiểu Liên Xô ở miền Nam (1985).

TÌNH ĐẶC BIỆT ...

Nhưng không sức mạnh vũ lực nào, mà có thể ngăn cản được bước tiến của ca dao, tiếng nói truyền thống của dân tộc Việt : Nhà nước “đệ tam quốc tế” ấu trĩ đành bó tay chịu thua phong trào có thể gọi là trí thức “Đệ nhất quốc gia” này.

Và oai oăm thay, những câu ca dao hay nhất lại phát xuất từ thủ đô Hà nội, đất ngàn năm văn hiến.

Sau đây là một thí dụ, xảy ra đúng ba mươi năm sau vụ kiểm kê ở chợ Chương làm “Tô hồ” miền Bắc, để chứng minh câu nói bất hủ của “Bác Hồ” biến thành ca dao hài hước áp dụng cho mọi chánh sách độc tài của xã hội chủ nghĩa :

*Sông có thể cạn, núi có thể mòn,
Nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi !*

Năm 1975, khi bộ đội tiến vào làm “nghĩa vụ quốc tế” ở miền Nam, nhà nước có ra một lệnh cấm ngặt “Không được lấy cây kim sợi chỉ” của dân chúng. Nhưng vì lệnh bịp bợm ấy được thi hành quá đúng theo nguyên văn và được triệt để áp dụng nên ca dao có câu :

*Lệnh truyền tướng sĩ ba quân :
Chỉ kim đừng lấy, áo quần tự do,
Kiểm kê vợ vết tha hồ,
Miền Nam vượt biển tô hồ không quần ...
Muôn năm dân chủ nhân dân !*

HÀ HUY BẢO VÀ TỬ EM

Hồi Ký và Lược Khảo Về Ai Lao (Laos)

Hai dân tộc Việt và Lào có liên hệ với nhau mật thiết từ nhiều thế kỷ.

Khoảng tiền bán thế kỷ này, quý vị và đồng bào miền Bắc và các tỉnh miền Bắc Trung phần từ Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình qua thị trấn Xiêng Khouang là tỉnh lỵ của tỉnh Trấn Ninh do chính quyền Việt Nam đặt tên cho phần đất mà ngày nay tên mới là tỉnh Xiêng Khouang đều có thấy đền thờ ngài Lê Duy Mật quanh năm hương khói, để chứng minh sự hiện diện của người Việt từ xưa.

Tại Vientiane, trước là Vạn Tượng, do tên Lào “Lán Xháng”, vạn con voi, thủ đô của Pháp đặt cho cả xứ Lào dưới quyền bảo hộ của họ, có đền thờ “Đức Thánh Trần Hưng Đạo Đại Vương”. Cả hai đền thờ này cũng đồn sộ uy nghiêm, như các đền thờ ở nước ta.

Từ đầu thế kỷ này về trước, khi Pháp chưa đặt chân vào xứ Lào, chưa đặt nền đô hộ trên đất Lào, xứ này gồm nhiều vùng lãnh thổ, mỗi nơi do một vị vương hay lãnh chúa trị vì. Miền cực Bắc xứ Lào, hai bên sông Mê Kông bên tả ngạn rộng hơn, có vương quốc Luang Prabang mà vị quốc vương cuối cùng là Savang Rathana bị Pathet Lào lật đổ, xoá bỏ chế độ quân chủ.

Giòng họ này có uy tín nhưt, khôn khéo nên được người Pháp tôn lên làm quốc vương cả nước Lào, trong cõi Đông Dương, để dễ bề cai trị.

Cũng trong giòng họ này có vị phó vương, hoàng thân Phetsarath và hai em trai là Souva Phouma và Souphanouvong.

Phong tục của giòng họ này, cũng như nhà Trần ở nước ta ngày xưa và Thailand (Xiêm la) là kết hôn cùng người trong thân tộc vì sợ lấy người ngoài vào, có thể xảy ra sự chiếm ngôi hoặc làm mất sự chính thống đi. Vì vậy mà H.T. Phetsarath cưới một bà chúa trong Hoàng tộc, còn hai em du học ở Pháp, hấp thụ nền văn hoá Tây Phương nên bỏ không theo phong tục. Hoàng thân Souvana Phouma cưới một phụ nữ Pháp, con gái một sĩ quan Pháp, về ngành Tư pháp, làm việc ở Vientiane.

Hoàng thân Phouma mất ở Pháp cách nay vài năm và vợ con sinh sống trên đất Pháp. Người em út trong ba người là H.T. Souphanouvong vốn là một kỹ sư kiều lộ tốt nghiệp ở Pháp. Tốt nghiệp xong, Pháp bổ về làm việc ở Đông Dương với chức vụ giám đốc phòng kỹ thuật khu công chánh Nha Trang năm 1938. Có tiền duyên, H.T. Souphanouvong kết duyên với bà Kỳ Nam ái nữ một chủ khách sạn lớn người Việt trên bờ biển Nha Trang. Rồi từ đó, ông được bọn cán bộ Việt Minh tuyên truyền theo đường hướng chính trị của họ, lần lần về Ai Lao làm chủ tịch mặt trận Pathet Lào đến chủ tịch nước Lào ngày nay.

Các lãnh chúa ở các vùng khác như Sầm Nưa, Xiêng Khouang (Trần Ninh), Vientiane Savanakhét, Paksé (Chambassac) quá suy bại, lần lần tự tiêu vong, chỉ còn lại một vài hậu duệ đến ngày nay :

Ở vùng Xieng Khouang, có Tiao Săy Khâm các đồi núi cao có giòng Hmong (Mèo) Tou Bi ; vùng Vientiane có Tiao Owrot Souphanouvong ; vùng Paksé có Tiao Boun Um.

Theo các nhà nhân chủng học thì người Lào cùng nguồn gốc giống Thái ở Trung quốc, như người Thái ở miền Thượng Du Bắc nước ta, người Xiêm (Thailand) phong tục, ngôn ngữ gần giống nhau tùy theo nơi định cư nên thay đổi ít nhiều mà thôi.

Người Lào chính gốc hiền lành chất phác, vui vẻ, sống gần thiên nhiên, không thích tranh đua, không gây gổ, thích ca hát, âm nhạc, sống một cuộc đời êm đềm, bình dị.

Nếu các bạn có sống trên các vùng đồi núi, rừng xanh của đất Lào mà cao độ từ 1200 mét trở lên, các bạn có cảm giác sống giữa

cảnh thơ mộng, thần tiên.

Các bạn đi bộ hay đi ngựa trên các đường lượn theo sườn đồi, hay triền núi, các bạn có cảm tưởng mình du ngoạn trên các tầng mây, khi nhìn xuống thung lũng, dưới sâu xa tấp chân đồi, mây trắng lửng lơ bay như những thảm bông gòn trắng xoá.

Trên lưng đồi thoải thoải, giữa thảm cây thảo xanh tươi, vượt lên rừng hoa tím lợt, pha màu hồng, các cô thôn nữ người Mèo, áo quần thêu viền ngũ sắc kim tuyến, cổ và tay nặng trĩu kiềng và vòng xuyên bạc, trắng bóng, đương nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, gọt nhựa trái thầu, đem quệt chưa vào lon, để về đóng lại thành bánh bán cho các nhà nấu thuốc phiện (vàng sâm).

Các cô vừa làm vừa ca hát nhẹ nhàng trong lúc các chàng trai thổi nhạc cụ “Khèn” trầm bổng du dương hoà nhịp với lời ca. Ta như quên mình đương sống ở trần gian.

Ồi ! Những cảnh ấy ngày nay còn tồn tại hay không trước luồng sóng hung tàn của chủ nghĩa duy vật.

Dân Lào cũng như dân Việt, rất sùng tín đạo Phật. Ở giữa thủ đô Vientiane, có một ngôi chùa vĩ đại uy nghi : VAT PHRA KEO (chùa Phật Ngọc).

Theo các vị bô lão người Lào kể lại thì pho tượng Phật Ngọc mà người Thái Lan (Xiêm) hiện đương tôn thờ lễ bái ở trong Vat Phra Keo trong vòng Hoàng thành thủ đô Bang Kok nguyên là của Vat Phra Keo của Vientiane xưa, khi người Xiêm qua đánh phá xâm chiếm nước Lào, trong các thế kỷ trước, đã cướp lấy pho tượng, Phật Ngọc, bằng ngọc thạch màu xanh lá cây đậm, cao gần 0,50 mét, rất xinh đẹp quý vô giá, đem về Bang Kok xây Vat Phra Keo để thờ. Nên Vat Phra Keo ở Vientiane ngày nay chỉ thờ tượng Phật thếp vàng, không còn Phật Ngọc nữa.

Các bạn thấy : Lẽ vô thường. Không có gì tồn tại miên trường ! Nền văn hoá Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, Ba Tư, nay chỉ còn những tảng đá điêu tàn.

Chỉ có “Chân Như” là thường tồn mãi mãi.

Ngày Trọng Hạ Năm Bình Dân

LÊ TIÊM

HÁI RAU VI

*Ngày xưa bên Tàu, không chấp nhận chế độ,
có ông Bá Di và Thúc Tề vào núi sống, hái rau “vi” ăn.*

Những ngày căng thẳng nhất vào cuối tháng tư năm 1975 tôi gặp An vài lần. Có người hỏi An có định “đi” không ? An buồn bã :

—“Đi đâu ? Làm gì ? Sống cách nào ? Thôi đành chờ định mệnh. Nếu, có bề nào đi nữa thì chắc cũng không đến nổi bi đát lắm. Họ cũng cùng là người Việt Nam cả, chung máu mủ tổ tiên. Thôi, ở lại để cùng chung nhau xây dựng đất nước sau bao năm tàn phá. Dù có đi đập đá Trường Sơn, thì đá đó cũng xây đường, xây nhà cho con cháu chúng ta mai sau. Đi ra ngoài, dù làm được gì đi nữa, cũng làm cho người !”

Quân cộng sản Bắc Việt ngo ngác, kéo vào thành phố, ngồi lom khom trên xe, áo quần rộng thùng thình, mặt mày non choẹt. Dân chúng lo lắng nhìn thành phố đổi chủ.

Trước khi đi tù cải tạo, tôi gặp lại An một lần ở góc đường . An nói :

—“Chúng ta gắng hoà đồng tối đa, càng sớm hội nhập vào xã hội mới, càng có lợi cho đất nước, và càng có lợi cho bản thân. Mỗi một cá nhân cần phải hy sinh nhiều thứ cho quyền lợi chung.”

Một năm ở tù, tôi may mắn được thả sớm, vì nhu cầu chuyên viên kỹ thuật đang cấp bách. Thì ra cái nghề kỹ thuật cũng đem lại

may mắn cho tôi bất ngờ.

Ra tù, tôi gặp lại An. An là giáo chức tư thực, không dính líu nhiều với chế độ cũ, khỏi đi cải tạo dài hạn. Mới ra tù, tôi hoang mang và sợ sệt vô cùng. Tôi hỏi ý kiến An về đời sống dưới chế độ mới. An thở dài :

—“Thiện chí đến mấy cũng khó mà hoà đồng nổi, ngoại trừ chối bỏ hết các điều đã lỡ hiểu biết, và làm con bò ngu si, làm con vẹt lặp lại lời người khác, may ra mới sống được với họ. Nhiều khi ức đến hộc máu.

Mình đã chuẩn bị tinh thần để chấp nhận độc tài độc đoán, nhưng không ngờ sự độc tài vô lý quá mức như vậy.

Họ sửa đổi cả văn chương lịch sử. Những vị anh hùng xưa đều yêu nước theo lối “phản động”, vì yêu nước mà không yêu xã hội chủ nghĩa. Tất cả mọi thứ triết lý khác đều phản động, ngoại trừ Karl Max. Kiêu căng ngông cuồng. Chỉ có họ là đúng, ai cũng sai cả. Không ai có quyền nghĩ khác với điều họ đã nói. Họ tưởng cả nước đều ngu dốt, ngờ nghệch, ngây thơ.”

Những điều An nói, tôi đều đã thấy rõ từ khi đang ở trong tù. Thời buổi khó khăn này, tai bay vạ gió bất ngờ, mọi người đều có thể nghi kỵ, báo cáo nhau. Tôi nghe mà im lặng, không tỏ ý tán đồng, mà cũng không vờ phản đối. An Nói tiếp :

—“Nhìn vào kinh tế miền Bắc thì biết khả năng quản trị kinh tế của cộng sản. Mọi thứ hàng hoá sản xuất đều cổ lỗ si, xấu xí, kém cả phẩm lẫn lượng.

Mới một năm cầm quyền, nhân dân miền Nam đã điều đứng khổ cực vô vàn. Mỗi cá nhân đều nơm nớp lo sợ màn lưới công an, không biết mình còn được tự do ngày nào. Đời sống bất ổn, khốn khó...”

An còn muốn nói nhiều nữa, tôi thì sợ. Mới đi tù cải tạo về trong lòng còn hoang mang lo lắng lắm. Khó tin được ai ngoài những kẻ thân thích trong gia đình. Cộng sản gài người thử lòng mình, nguy hiểm vô cùng. Trước khi bắt tay từ già, An còn nói thêm :

—“Không lẽ phải làm lại một cuộc chiến tranh khác để nhân dân đau khổ thêm, và kết quả thì chưa biết thế nào...”

Từ đó, tôi không gặp lại An. Nỗi đơ đũa của nhân dân miền

nam càng ngày càng sâu đậm. Hết chính sách này, đến chính sách khác quàng lên đầu, đè nặng xuống mỗi thân phận. Trên đôi mắt của mỗi người dân đi qua phố, hiển hiện rõ ràng lòng u uẩn không dấu che. Dáng đi rã rời vì đói khát, vì tâm tư chán ngán.

Ngồi buổi trưa ngồi tán gẫu trên công trường, có người mơ ước được sống trên hoang đảo biệt lập như anh chàng thủy thủ Lỗ bình Sơn (Robinson Crusoe) khỏi ai dòm ngó, khỏi ai rình rập, khỏi phải học tập chính trị, khỏi bị hăm dọa.

Con người đã mất đi những hứng thú của cuộc sống. Một anh đề nghị chung tiền đi tìm một hoang đảo, rủ nhau ra đó sống, tránh ràng buộc của luật lệ khắt khe, khó khăn của xã hội này..

Cuộc sống kéo dài trong thê thảm của ngày tháng ngột ngạt tối đen, làm nhiều người muốn phát điên. Khi nghe các giả thuyết về đĩa bay, rằng có thể là sinh vật từ các thái dương hệ khác xuống thăm thình tìm hiểu quả địa cầu.

Nhiều buổi trưa anh em bàn luận không ngớt ước muốn đĩa bay xẹt xuống bắt đi. Đem anh em về hành tinh khác nhốt vào sở thú. Như vậy có lẽ còn sướng hơn sống ở xã hội này. Một buổi trưa, tôi nằm ngủ lơ mơ trên tấm ván kê làm bàn tại công trường, nằm mơ thấy đĩa bay hạ xuống, tôi mừng quá reo lên sung sướng, để báo tin cho anh em biết, đĩa bay đã đến bắt. Bị đánh thức dậy, tôi kể cho họ nghe về giấc mơ, cả bọn thần thờ tiếc nuối. Suốt buổi chiều tôi buồn bã không nói.

Một năm sau, An tìm gặp tôi tại nhà. Da An đen hơn, khoẻ mạnh hơn. Đó là điều lạ, trong lúc mọi người hao gầy thân thể vì bữa khoai bữa sắn, ngày đói, ngày no, thêm vào tinh thần khốn đốn, thì An khác hẳn.

Sau một hồi thăm hỏi qua loa, An cho biết đã thôi đi dạy gần một năm nay, từ bỏ xã hội, vào rừng hái rau “vì” sống.

Bắt chước ông Bá Di Thúc Tề ngày xưa. Tôi xa gần ước hỏi có phải An đã vào núi lập chiến khu chống lại cộng sản không. An lắc đầu cười hiền hoà. Theo An thì cộng sản đã sai lầm trong mấy mươi năm để làm cuộc chiến tranh, gây không biết bao nhiêu khổ đau và đổ vỡ cho đất nước. Đập đổ một cái xấu để xây nên một cái xấu xa tồi tệ hơn nhiều lần. An không muốn làm chiến tranh. An chỉ muốn tránh xa cái xã hội bẩn thỉu này. Để đừng bị trời buộc, đừng nghe, đừng thấy và đừng đau lòng vì đất nước tuột xuống hố thẳm không

đừng thấy và đừng đau lòng vì đất nước tuột xuống hố thẳm không phương cứu vãn. Tìm đến một thung lũng giữa núi rừng miền Trung, nơi không có sự kiểm soát của chánh quyền cộng sản. Để còn được làm người lương thiện, không phải tự dối mình, dối người, giữa xã hội này, suy nghĩ và biết sự thực đã là điều nguy hiểm cho bản thân. Nói lên sự thực còn nguy hiểm hơn, chẳng khác nào tự tra tay vào cùm.

Để được tự do, An đã chọn một thung lũng nhỏ, có thác nước, và suối nước, dựng chòi, trồng trọt khoai sắn, lúa bắp, để tự nuôi sống.

Chưa biết An sống được bằng cách nào, nhưng khi nghe hai chữ “tự do”, máu trong người tôi rộn rã, như muốn thoát ra vòng kiểm soát của buồng tim. Tôi thêm khát lắm. Hỏi An có thể cho tôi vào núi cùng sống ? An mời tôi ghé chơi một lần, nếu thích thì ở lại luôn.

Tôi sắp đặt chuyến đi thật kỹ : Xin nghỉ việc mười ngày về quê dời mộ lấy đất canh tác theo kế hoạch của nhà nước, mua thêm một giấy đi đường của công an khu vực làm giả bán ra. An cũng mua được giấy đi đường do công an xã lân cận bán...

Leo lên xe đò đi về miền Trung. Đến các trạm kiểm soát, tôi lo lắng hồi hộp, An thì tỉnh như không. Chìa giấy giả ra cho công an xem trước khi nó hỏi đến. Tôi bắt chước lối đánh phủ đầu của An. Chúng tôi trót lọt dễ dàng. Trong lúc đó, nhiều người bị lôi xuống xe, giữ lại vì nghi ngờ giấy giả.

Sau nhiều lần đổi xe, có đoạn đi xe ngựa, có đoạn đi xe đạp thồ, và một quãng đường khá dài đi bộ băng qua đồi núi, tôi đến một thung lũng nhỏ. Bón bề núi cao khuất lấp, mảng trời trên đầu xanh lơ, hiền hoà.

Một căn chòi lợp lá khô nằm tro tro. Cột chính của căn chòi là một thân cây khá lớn, trên ngọn còn nhánh và lá xanh. Bên trong bày biện đơn sơ, một bếp lửa bằng đất như cái thùng lớn, còn ngún khói um được đặt chính giữa căn chòi. Tôi chợt hiểu, còn có người nào đó sống chung nơi đây với An. Một sơn nữ chăng ? Hay một nàng tiên nào đó bị đọa xuống trần gian ? Nhìn quanh để tìm dấu vết của đàn bà, tôi nhớ lời một người bạn cũ, rằng không phải sơn nữ nào cũng đẹp để duyên dáng cả. Một số lớn các sơn nữ đều có mùi thoang thoang , không dễ chịu cho khứu giác. Vì núi rừng lạnh, gió

máy thất thường, không phải lúc nào cũng tắm suối được. Người con gái nào đủ lãng mạn để vào đây xây tổ uyên ương cùng An ? Những ngày An đi xa đám ở đây một mình ? Làm sao chịu đựng nỗi cô quạnh ?

Ý nghĩ tôi bị cắt ngang, bởi tiếng reo ngoài cửa :

—“Kìa anh đã về ! Mua được gì không ?”

An không trả lời, giới thiệu tôi cùng Can :

Cậu em trai 16 tuổi, da mặt đen sạm, bởi nắng rừng, tóc dài, cười để lộ hai hàm răng trắng. Mắt Can sáng lên khi nghe tôi có ý định sẽ về sống nơi đây.

Trên liếp treo hai cái nồi có dây điều chỉnh khoảng cách từ lửa đến nồi. Một nồi là nước sôi nóng, có mùi lá thơm. Đường xa khát, tôi uống một chén nước, ấm áp lan toả trong thân thể. Can đã nấu sẵn nồi măng hầm thịt heo khô, ăn luôn mấy ngày qua ớn. Phía trên cao của bếp lửa treo lồng thông mấy bao lớn, gói bằng giấy xi măng, dầu mỡ ướt đầm bên ngoài. An cho biết đó là mấy tảng thịt khô, phải bọc lại tránh ruồi nhặng. Thịt treo dần khói giữ được lâu ngày. An vẫn thuốc hút, và cho rằng ở rừng thuốc lá xua đuổi được lạnh lẽo và bệnh tật, khói thuốc làm muỗi mòng tránh xa.

Dẫn tôi vào một căn phòng dùng làm nhà kho, An chỉ cho xem những thùng gỗ đựng lương thực : bắp khô, khoai mì khô cắt lát, gạo, đậu, nếp, muối.

Thời gian đầu, khi mới khai phá thung lũng, mỗi tháng An phải xuống các làng kế cận mua thực phẩm. Đem măng khô, nấm, thịt rừng đổi lấy ngũ cốc. Cũng may tên chỉ huy phó đồn công an huyện, là học trò cũ của An. Bảy giờ thì khoai mì, bắp và một ít lúa có thể gặt hái được. Khỏi phải đi mua xa.

Một phòng khác, vách tường đắp bằng đất sét, trộn cỏ khô, cửa sổ có khung lưới muỗi, cửa vào hai lớp lưới. Đó là phòng ngủ, cần kín đáo và tránh muỗi độc, trên nóc phòng có ống thông dùng sức gió đẩy chong chóng hút không khí. Cầm một lọ lớn thuốc viên màu đỏ, An cho biết quanh năm phải uống thuốc phòng ngừa sốt rét. An dự trữ loại thuốc này rất nhiều, đủ cho vài năm. Có dịp thì mua và trữ lại.

Trong nhà luôn luôn xông khói đuổi muỗi, khói bám lên da thịt

cũng tránh được muỗi mòng. Tất cả các thức ăn uống đều phải nấu sôi và chín. Săn củ tội gì không nấu. Ngay cả mía cũng nấu chín mới ăn.

An lấy việc phòng bệnh làm căn bản, bởi không ai chữa trị cho mình.

Trên một sàn thấp phía sau là sàn nước. Ống tre dẫn nước từ con thác nhỏ bên hông nhà chảy vào khắp. nước tràn trề lênh láng. Theo An thì xoi mắt tre để làm ống dẫn đòi hỏi nhiều công phu. Phải xoi từng đoạn ngắn. Chắp nối bằng cách thap buộc và trám bằng mủ cây. Nước chảy đến tận nhà, khỏi phải đi khiêng từng hũ như dân Thượng. Có phòng tắm nhỏ, bốn mùa tha hồ tắm. Nước nóng nấu rất mau. An dẫn tôi vào khu vườn rau, cải bẹ xanh tươi, và các loại rau màu, mọc ngang dọc. Đất được dọn cỏ từng mảng nhỏ, bên trong trông trọt, bên ngoài thì cỏ dại, cây hoang vẫn um tùm. Theo An, mình không đủ sức để khai phá đất hoang, dọn cỏ, đào gốc, nên nơi nào thấy đất mềm, dễ làm thì chỉ cần cuốc và làm sạch chừng vài ba thước vuông, rồi trông trọt. Khoai mì mạnh khỏe, cỏ thể trông lẫn lộn với cỏ cây hoang. Chỉ cần xới một khoảng đất nhỏ, cắm thân mì xuống, để mặc cho nó tự do lớn lên. Điều cần nhất là phải cắt tận gốc các loại cây leo. Khi bới mì ăn, thì thân của nó cắt ngắn đem dăm ở nơi khác. An chỉ cho tôi những trái bí ngô nằm ngổ ngang trên đất. chỉ cần xới một mảng đất nửa thước vuông, rồi gieo hạt, quên đi. Đến mùa nó nở hoa đơm trái. Bí ngô ăn không xuể, đem cho dân làm củi, nặng quá, họ cũng không mang về nổi. Trái xu đeo thông lòng trên các nhánh của một cây khô. Lột một khoanh vỏ cho cây chết, bên dưới làm một ít ô vuông đất trông xu cho leo lên. Trái xu có thể cắt lát phơi khô dự trữ.

Ruộng bắp và lúa xạ ở đồi bên kia. Phải đốt rẫy lấy tro làm phân như dân Thượng, dùng cây nhọn xoi lỗ, gieo hạt giống. Không đủ sức làm cỏ nên thu hoạch kém, nhưng cũng đủ cho hai anh em ăn. Một vòng rào cao có cây đóng sát cạnh nhau, bên trong có các ụ đất và hang thỏ lỗ chỗ. Thỏ mẹ, thỏ con, đang gặm lá dây leo. An nói rằng, cứ rào đất lại, thả thỏ vào. Nó tự đào hang làm tổ, sinh đẻ, ăn uống, cứ vài ngày bứt dây leo thả thêm vào. Khi nào thiếu thịt, bắt thỏ mổ ruột, đổ nước sôi cạo sơ lông, dọn rau đậu vào bụng, xiên cây

nướng lửa than trên bếp, phết mỡ hành muối, nướng đến khi vàng rộm như heo quay, cắt ra ăn. An kể làm tôi phát thèm.

Sống trong chế độ mới, mỗi tháng chỉ có nửa kí lô thịt cho hai cha con tôi. Com gạo thiếu, ăn độn thường trực, bỗng nhiên tôi chợt nghĩ ra An là người sung sướng. Đã có tự do, còn đủ ăn. Ý nghĩ của tôi bị cắt ngang bởi tiếng dê kêu, mấy con dê vú lông thông căng sữa đang ăn lá cây, cổ bị buộc vào một dây dài mắc trên nhánh cao.

Mỗi ngày An vắt sữa dê vào buổi sáng, nấu chín và uống, sữa dư làm “yaourt”. An định làm một ít bơ và pho mát, nhưng không biết cách chế biến. An cho biết dê tạp ăn, ăn cả lá gai, dây leo, không cần phải chăm sóc nhiều. Một ngày kia chúng sinh sản đông đảo thì có thể làm thịt được.

Bây giờ nuôi để lấy sữa, và chúng cũng phụ vào việc dọn cỏ khai hoang rất nhiều. Chỉ có gà là khó nuôi vì bị chồn cáo bắt. Nhưng cũng phải nuôi để lấy trứng và gây giống. An định nuôi một con ngựa hoặc bò để cõi và chuyên chở, nhưng ngại phải chăm sóc mệt. Vả lại, không phải mua dễ dàng súc vật trong giai đoạn này.

An dẫn tôi ra thác nhỏ, chỉ một hốc đá dựng, bảo rằng tiếc không có xi măng để xây thành cái hồ nhỏ chứa nước. Bên cạnh thác, một bánh xe quay đều đều do sức nước tác động trên các gàu chắn gần quanh vòng tròn. Sức quay rất mạnh, được chuyển qua một sợi dây đai, làm quay một trục khác. An định dùng để xay lúa và quay một “dinamô” nhỏ phát điện. An đã thử dẫn điện vào nhà nhưng chưa thành công, vì điện thế giảm quá nhiều, và vòng quay không đều làm đứt dây của các loại bóng nhỏ. Tôi cũng không biết gì nhiều để giúp An ý kiến dẫn và làm điều hoà giòng điện. Một hệ thống dẫn nước bằng ống tre cắt đôi, gác trên các chân chéo, đưa đến vườn rau. Rau không dám trồng nhiều ăn không hết, mà sâu rầy phá hoại không có thuốc trị.

Buổi chiều, An đưa cho tôi viên thuốc ngừa rét. Can đã nấu com xong dọn ra sà. Măng tươi hầm thịt khô nhúng cải cay đang sôi bốc khói. Trái su luộc cắt lát, một đĩa nấm xào mỡ.

Tôi nói với An :

— Ở đây sung sướng và sang trọng quá. Com không độn, thức ăn ngon lành, có đủ rau thịt nấm ... Trong các năm qua, dân Sài Gòn

phải dọn khoai, sắn, mì bữa đói, bữa no, thiếu thốn đủ thứ ... Sao thiên hạ không vào rừng khai phá đất mà sống ? Sao các vùng kinh tế mới đều thất bại và dân chúng đói khát bệnh tật, bỏ trốn về thành phố sống vất vưởng bên hồ. Có phải lỗi tại dân chúng thiếu tin tưởng thiếu cộng tác với chính quyền, và thiếu cố gắng để xây dựng cuộc sống mới chăng ?

An cần trái ớt xanh vừa ăn vừa nói :

— Buổi ban đầu, khi mới dựng chòi nơi đây, tôi cũng đã trải qua rất nhiều khó khăn, thiếu thốn đủ thứ, tha các thức lật vật về, từ cây đinh đến con dao. Mỗi nửa tháng phải xuống núi mua gạo, cùng ngô khoai, đem nấu măng xuống đồi. Buổi đầu, ăn dọn măng, nấm, và các loại rau rừng. Công việc cũng rất nặng nhọc vì chưa quen, đất còn hoang, do đó, tôi mới nảy sinh ra ý kiến chỉ dọn quang từng khu thật nhỏ, chỉ đủ trồng năm ba cây mà thôi. Sau đó lần dần đất hoang. Nếu hai anh em tận lực trồng lúa cũng không đủ ăn cho quanh năm, đất rừng lúa xạ năng xuất rất thấp. Nhờ có rau quả nhiều để làm thức ăn, cơm ăn ít thôi cũng đủ. Trong ngày ăn dặm khoai sắn, bắp thì bụng cũng lưng lưng. Thời gian gần đây, dân làng thiếu chất đốt, phải lên rừng làm than về bán. Mỗi lần đi là cơm gạo mang theo, để đủ thời giờ đốn củi, đập lò, đốt củi, chò thành than, mới vào bao mang về. Hai anh em tôi đập lò lớn, lấy than đổi gạo muối, và các thứ cần dùng khác. Dân làm than thấy phải cực nhọc, mất thì giờ, lại có lợi, đua nhau vào mua than, đổi chác. Để đỡ tốn công, thỉnh thoảng, tôi thuê vài người khoẻ mạnh đốn củi, đập lò. Đãi họ ăn ngon, cơm có thịt, nấm rau. Trả công cho họ khá cao, nhưng than củi mình bán đổi rất có lời. Tôi cũng không dám làm nhiều, vừa phải thôi, sợ cộng sản nó vào thu thuế. Nó đánh thuế thì mình chỉ có nước dọn sâu vào nữa. Một lần. Trái su su bán rất được giá. Su su cứ đâm và trồng, như dây leo rừng. Chăm sóc cũng dễ, chỉ việc cắt gốc các dây leo dại, thì su mọc tha hồ. Bỏ ngô bôi vôi vào cuống, để được rất lâu. Đói thì không bao giờ lo đói, nhưng phải sống theo lối sang trọng, ăn thức ăn nhiều hơn cơm, bỏ ngô thì cho không dân làm củi. Họ cũng chỉ mang về ít ỏi, ngại nặng đường xa. Gánh than về qua các làng, các trạm là họ phải đóng thuế nặng lắm. Bởi vậy họ phải đi đường tắt ban đêm. Thế mà thỉnh thoảng cũng bị bọn công an phục kích bắt và tịch thu. Những người làm than đốn củi

vùng này, ai cũng ghé qua nhà tôi uống nước, đôi khi ngủ lại. Săn có bí ngô, thêm một ít gạo đậu xanh, nấu nồi cháo, đãi họ một vài tô. Họ rất hoan hỉ. Thời buổi khó khăn đói khát, được mời ăn, người ta biết ơn lắm. Khi nhờ vả tiếp tế vài thứ cần thiết, họ không ngại đi lòng tìm mua. Dân các vùng này xưa bị cộng sản tuyên truyền, nhiệm nặng. Và lại thời chiến tranh là vùng tự do oanh kích, đa số thiên cộng... Nay thì sáng mắt ra cả, chỉ còn một số nhỏ được hưởng ưu tiên, nói giọng cộng sản. Dân chúng chán ghét cộng sản lắm, và cộng sản không còn dễ dàng phỉnh gạt họ như ngày xưa. Cái lão khoét ấu trĩ trắng trợn của cộng sản không gạt gẫm được dân miền Nam, sau 20 năm đã trưởng thành trong tư tưởng, hiểu biết.

Điều có thật do cộng sản nói ra, dân cũng nghi ngờ.

Dân chúng đã đồng hoá với sự bịp lão khoét, dóc lác. Trong thung lũng này, nổi một cách khôi hài, mình đã phát giàu, giàu là so với lợi tức dân chúng trong nước. Tại sao mình ở đây thong thả mà các vùng kinh tế mới của nhà nước đã thất bại ?

Có lẽ trước hết là hệ thống tổ chức. Công thức cộng sản không phù hợp với nhân tính, không kích thích được khả năng làm việc của con người. Làm việc thiếu hứng thú, vì không thấy lợi rõ rệt cho mình, cho gia đình mình. Thứ đến là cán bộ ngu dốt, hạng người chỉ biết ca tụng đảng, chỉ biết thi hành, quản trị. Việc gì cũng bắt buộc, hăm dọa, miễn cưỡng tự nguyện, làm việc vì sợ, làm lấy có.

Dân thành thị vốn đã không quen nghề nông cũng là một yếu tố. Nhưng yếu tố quan trọng nhất là đất đai. Đất đai các vùng kinh tế mới không đủ khả năng sản xuất để nuôi dân. Ví dụ như cái thung lũng này chỉ đủ khả năng nuôi sống chừng hai mươi người, nếu cắt lực lao động.

Nếu đưa vào đây hai trăm gia đình, thì đói và chết là điều chắc chắn. Do đó kinh tế mới được dân chúng miền Nam ta hiểu như vùng đất đi đây. Ai mà không sợ, lại nữa, quanh vùng kinh tế mới, có công an du kích canh gác, để giữ dân bên trong. Thế thì chẳng qua là trại lao động tập trung để đoạ đây. Ai mà thích sống trong đó.

Bữa ăn rất ngon miệng, làm tôi nhớ đến những tiệc tùng ngày xưa trước khi cộng sản chiếm đóng. Măng tươi mềm ngọt, nấm xào

chấm trương hột đậm đà. An bảo, ăn thật nhiều thức ăn, đỡ tốn gạo. Thức ăn nơi đây dễ tìm, trồng trọt được, gạo thì khó hơn. Tôi hỏi An làm sao nghĩ ra được cách sống này, và biết có thể sống được. An thêm củ tươi vào bếp để tạo thêm khói, chậm rãi nói :

— Sống với cộng sản chán quá. Từ tinh thần đến vật chất. Lúc nào cũng lo âu, làm gì cũng sợ sệt. Không thể có một dự kiến nào cho tương lai, nay chính sách này, mai chính sách kia như chúng ta đã thấy. Đói, đói thường trực, không đủ thức độn vào bao tử cho đỡ xót xa. Tôi chợt nghĩ đến dân Thượng, từng bộ lạc nhỏ sống với nhau, mà vẫn tồn tại cả ngàn năm trong núi sâu. Thế thì tại sao mình không bắt chước họ được. Ông anh họ của tôi, ngày xưa theo quốc dân Đảng, thời đệ nhất cộng hoà của ông Ngô đình Diệm, bị lung bắt, vào núi cả rừng cấm tại sống với dân thượng nhiều năm. Đã chết trận Hạ Lào trong liên đoàn thiết giáp. Tôi cũng đã tìm đến một vài buôn thượng xem tình hình. Đời sống của họ cũng bị chi phối và đe dọa. Thôi thì tốt nhất là lập cho mình một buôn riêng biệt. Can nó thường gọi đùa tôi là “tù trưởng”. Hai anh em lập một bộ lạc. Nó là “phó tù trưởng”.

Tìm được tự do, ẩn nơ trong xứ cộng sản này thì cũng xem như đã hoá bướm thành tiên. Nó không cần học hành nữa, nhà trường trở thành nơi nhồi sọ, tuyên truyền. Càng học càng ngu dốt, càng hiểu sai lạc sự thật. Vấn đề khó khăn nhất cho nó, trong năm ba năm nữa, là kiếm cho ra một người đàn bà ... Can đỏ mặt, xì một tiếng :

— Em cần đàn bà để làm gì ? Anh có cần đâu ?

Cơm nước xong, chúng tôi nằm quanh bếp lửa, sương rừng bắt đầu xuống núi đá lạnh lẽo như cảm được , từ bên ngoài đang len lén vào nhà.

Ngọn lửa ấm áp nổ lách tách, khói um mờ. Tôi cảm được cái tự do của An, tách rời xã hội xấu xa. Tự do quả quý thật, khi mất đi mới quay quắt xót xa. Niềm hân hoan ngập tràn trong lòng, tôi đã tìm được đất sống, có tự do. Thoát khỏi vòng kèm kẹp của lũ người ngu dốt, độc ác, kiêu căng.

Niềm khao khát tự do trong những năm qua, có cơ giải quyết. Tôi cảm phục An đã có sáng kiến và quả quyết để lấy lựa chọn này.

An chuyển cho tôi điều thuốc lá, tiếp tục nói :

— Mỗi gầy được ba tổ ong mà thôi. Nuôi ong lấy mật thay đường. Ít nhất mỗi tổ cung cấp được mười lít mật mỗi năm. Mình dùng bảy lít, để dành ba lít cho ong ăn mùa mưa. Mặc dù mía ở đây trồng và sinh sản rất mau, dùng không hết. Tôi định cán mía làm đường, nhưng rắc rối quá, và lại cũng chẳng được bao nhiêu. Những người làm than thường được tặng mía đem về, vừa gánh nặng vừa ăn cho đỡ khát, đỡ mệt. Mía trồng như lau mọc hai bên bờ suối, chỗ đất thấp.

Mỗi khi cắt mía, thì găm gốc và đọt xuống đất, thế là có thêm hai cây mía mới, chưa kể cây con nảy nở thêm. Lối trồng này cũng áp dụng cho khoai mì. Một bụi mì bới lên, thân mì cắt ngắn và găm ngay lại trên đất cũ, găm thêm vài nơi khác. Chịu khó tưới nước cho ẩm đất lúc đầu và đừng để quá khô về sau. Rồi để cho trời đất chăm nom. Khoai mì mọc mạnh che lấp cả cỏ dại. Chỉ cần cắt gốc cây leo cho khỏi vẩn lên cây mì.

Can lõi bên hông nhà cây mía đã đẵn hai đầu, cắt thành khúc, bỏ vào nồi hấp. Theo An thì hấp và nấu chín tất cả thức ăn, vì trùng cũng chín, đỡ lo bệnh hoạn, lo sốt rét. Rau sống trái sống, An cũng cẩn thận không dám ăn : Biết đâu muỗi mòng đẻ trứng, ruồi sinh dòi bọ bên trong mà mình không biết. Săn củi rừng, tội gì không dùng.

Cán yêu cầu An kể chuyện “Tam quốc”. An vừa ăn vừa kể, không biết An đọc bao nhiêu lần, mà kể lại rành mạch chi tiết, đủ cả tả cảnh, tả tình. Đang kể đến đoạn Lưu Bị đi mời Khổng Minh, “tam cố thảo luận”. Tả cảnh mà Khổng Minh trong triền núi, An thêm thắt cho thơ mộng, thần tiên. Can chăm chú nghe và mỉm cười thích thú.

Can cắt ngang câu chuyện :

— Sao nơi Khổng Minh ở giống cảnh thung lũng mình thế ? Hay là ngày xưa chính Khổng Minh cũng ở nơi này ? Mà không thể được, thảo luận của ông ta xem bộ sang trọng, và vườn ruộng xem ra rộng rãi màu mỡ hơn. Đời sống ở xã hội bên ngoài có nhiều tự do hơn chúng ta bây giờ. Sao ông ta ở ẩn trong rừng mà tinh thông thời cuộc được ? Chúng ta có cái radio mà sợ tốn điện, và bốn phía núi phủ không bắt được đài phát thanh nào. Giá như bắt được đài BBC và đài VOA

nghe thì cũng đỡ lắm. Biết được mọi đổi thay của thế giới bên ngoài.

An ngừng lại :

— Ủ ! giá như nghe được tin tức bên ngoài thì cũng vui lắm, không biết văn minh thế giới đã đi về đâu. Mình ẩn khuất trong này. Mà thôi biết làm chi cho thêm xao xuyến. Có được tự do, cơm áo là quá đủ. Cả mấy mươi triệu dân Việt Nam hiện nay, có bao nhiêu người được sung sướng tự do như anh em mình. Muốn làm gì thì làm, muốn nghỉ thì nghỉ, đời sống thông dong, mấy ai bằng.

Ngày xưa khi còn có tự do, ai vào núi sống như mình, bị xem như điên hoặc đại ẩn sĩ.

Bên ngoài, tiếng chim đêm vang dội trong thung lũng, tiếng thác ào ào càng rõ, thỉnh thoảng điểm vài âm thanh tắt nghẹn. Đêm rừng, hoang vắng và rờn rợn. Nói chuyện đến khuya tôi thiếp đi lúc nào không biết. Đường xa mệt ngủ rất say.

Buổi sáng sương mù dày đặc bao mờ cảnh vật, mù bay nhẹ nhẹ vào cửa sổ. An ngồi uống nước trà, thả khói thuốc mơ màng. Thanh thản như một thiền sư. Bếp lửa ấm áp. An rót nước vào chén, mỉm cười ngâm thơ :

*Đói rau, khát nước trên ngàn
Đêm trăng đá tảng chơi bàn cờ tiên
Thông dong giữa chốn thiên nhiên
Thế gian hồ dễ đã quên bao giờ...*

Uống thêm một ngụm nước, An tiếp :

— Ở đây lý tưởng nhất là có chừng ba gia đình, giúp đỡ và nương tựa nhau. Đông hơn nữa thì vui, nhưng đời sống lại trở thành khó khăn. Nhiều thứ nhu cầu xã hội khác nảy sinh, không đủ điều kiện để cung ứng. Và lại, ở đông, cộng sản nó xen vào cuộc sống, ép buộc và tổ chức theo chúng hòng cả.

Bữa điểm tâm dọn ra sắn, một củ khoai mì đã bóc vỏ một chậu sữa dê nấu chín còn bốc hơi. Sữa tươi nóng và béo. An ép tôi uống hai ly sữa đầy : “Nên uống hết sữa mỗi ngày, để lâu không tốt, uống sữa có nhiều chất bổ dưỡng, nhiều sinh tố để chống lại bệnh hoạn. Theo ý của An, Khoai sắn tuy đầy bụng nhưng chất bổ dưỡng kém ? ” An nói tiếp :

— An xong, chờ nắng lên đi một vòng chăm sóc ruộng rẫy. Thật ra thì cũng chẳng có công việc gì nhiều. Cỏ dại thì mình không đủ sức triệt hạ, chỉ cắt gốc dây leo, gầy thêm vài bụi khoai mì, bứt thêm một ít lá cho thú ăn. Rảnh rỗi thì đốn. Một ít tre lồ ô về làm hệ thống dẫn nước.

Tôi đi theo An qua rẫy bắp, cây đã mọc cao, chưa trổ trái. Cỏ dại chen đua mọc um tùm. Bắp trồng thưa thớt trong các ô đất nhỏ. An chỉ cắt thân cỏ nào leo lên vào làm trở ngại cho sự tăng trưởng của bắp. Tiện tận gốc các mầm dây leo. Lột một vòng vỏ cây gần sát gốc các loại cây gai lớn. Lột hết vỏ thì cây tự nhiên chết héo. Mấy vòng đậu xanh bị sâu ăn thủng lá, không có hy vọng có trái. Mướp và bầu lỏng thong leo trên các nhánh cây khô. Có trái đã trở màu da nâu. Bì ngô nằm ngổn ngang trên mặt đất chen lẫn với cây hoa dại, cỏ rừng.

mía mọc như lau sậy hai bên bờ suối. An dẫn tôi đến xem lò than đang đốt, đất đắp cao như ụ mỗi đùn, khói uốn éo trên đỉnh lò. An cho biết, chỉ cần đốt than bán và đổi gạo cho dân chúng cũng thừa sống, nhưng mình phải đạt đến mức tự túc, không cần liên lạc với xã hội bên ngoài mà vẫn không thiếu thốn. An lo xa là phải, cộng sản bày ra đủ chình sách, ép dân chúng vào cái khuôn khổ kỳ quái do chúng tưởng tượng dựng lên. Cứ đem dân làm vật hy sinh, thử nghiệm, xem nhẹ nỗi khổ đau của con người. Dẫn đến thác nước có bánh xe quay, An nói :

— Mình chưa tận dụng được sức quay của bánh xe Phải nghĩ cách để chế biến, nó có thể giúp đỡ mình nhiều hơn. Hoặc khi cần thì có thể quay cái “dinamô” phát điện. Hoặc dùng sức để cắt, bào, tiện v.v....Nhưng ở đây, mình cũng chẳng cần chi nhiều.

Tôi đang suy nghĩ về việc nuôi thêm súc vật. Nuôi một con bò hay ngựa, để chuyên chở và giúp mình di chuyển, mình chưa có kinh nghiệm chăn nuôi. Phải chăm sóc nó như thế nào. Phải dự trữ cỏ cho nó ăn trong mùa mưa hay không ? Chắc cũng phải thử xem, có con ngựa cũng đỡ lắm, chở củi, chở than, và khi đi đâu xa, cũng dễ dàng. Hoặc chở bì bầu xuống bán cho dân làng kế cận mà thôi, xuống đó bọn công an bắt bẻ kiểm soát. Nuôi thêm con chó cho có bạn, nó có thể tự túc lương thực bằng chuột rừng, nó giúp mình thêm tai, thêm

mất, để đề phòng chung quanh, khi có thú dữ. Nhưng nghĩ đến mùa mưa, Minh phải chia bớt lương thực cho nó, nên còn e ngại. Quên nữa, con ngựa cũng có thể giúp mình cày xới đất, đỡ mệt nhọc, may ra lương thực được thông thả hơn.

Chúng tôi đi vòng qua sườn núi bên kia, chỉ những cây đại thấp trên khoảnh đất nhỏ, An cho biết có ba cây trà rừng, An muốn trồng thêm cho được vài chục gốc, có thể hái lá phơi khô để dùng và đổi thực phẩm. Xa hơn nữa là vườn chuối xanh um. An chặt hai buồng chuối sắp chín, phần dưới đã bị chim ăn thủng nhiều trái. Chúng tôi cột vào đôn cây hai người gánh về.

Buổi chiều, Can nấu được con cá lớn bên suối, ướp hành mỡ, nướng trên bếp lửa, mùi thơm ngào ngạt. Rượu để thơm nồng, chúng tôi nhâm nhi suốt buổi tối. Đêm rừng lạnh, rượu vào như đốt nóng từng tế bào, ngọt lịm trong cổ họng. An hứng chí ngâm thơ, lời thơ sang sảng. Tôi thầm nghĩ đến cảnh đốt lửa rừng, trai gái ca hát múa vòng quanh hơi ấm, vui đùa. Những đêm trăng sáng, trai gái hẹn hò bên bờ suối của một buôn Thượng.

Đời sống dễ dãi, thanh bình. Con người đặt ra luật lệ, đặt ra chủ nghĩa, để làm khổ nhau, giết chóc nhau.

Đã cuối thế kỷ thứ hai mươi, mà phải vào núi sống, để tìm tự do hạnh phúc. Tôi sung sướng nghĩ đến ngày dọn hân vào đây ở, lấy lại được tự do, dù tự do đó không dùng để làm gì cả. Cởi bỏ lại những lo âu thấp thỏm, được sống đàng hoàng, làm lại kiếp người với nhân quyền tối thiểu, đứng thẳng trên đôi chân. An nói, suy nghĩ. Cũng may cho tôi, chưa có gia đình. Tình yêu cũng đang bế tắc, không lối thoát.

Giữa một xã hội bất ổn, đói khát, bấp bênh, sinh mệnh bị đe dọa, tình yêu trở thành lạt lẽo, nếu không nói là phù phiếm.

Yêu nhau, lấy nhau, để ngồi nhìn nhau khổ, để thấy mình bất lực trong tổ chức của xã hội. Tình yêu không an ủi được tâm hồn khi đói khát, chạy ăn từng bữa, từng ngày. Buổi chiều đạp xe về qua phố, miệng nhạt, bụng đói cồn cào, mắt hoa, thấy bóng dáng người yêu đàng xa, lòng cũng lạt lẽo không muốn gọi. Bao tử trống, làm rã rời cả trái tim yêu đương. Vào đây ở, đã có tự do, còn được ấm no. Đủ thoả nguyện niềm ước mơ.

— Anh nghĩ gì mà thần thờ ra thế — Can hỏi — Hay anh làm thơ ?

— Ở đây êm đềm thanh bình quá !

— Cũng có nhiều hôm sấm chớp, mưa rừng như trút nước, nằm trong chòi tường trời đất như sắp sụp đổ, tan tác hết. Ghê lắm. Những lúc đó, nhớ thành phố, nhớ xe cộ, đèn đường ...

— Thế thì ngày thường không nhớ ?

— Ở đây có cái vui riêng, mình làm “Tarzan”, khỏi phải đoàn thể bình bầu, kiểm điểm, phấn đấu, tố cáo nhau ... chán lắm, bụng thì đói mà nói toàn ăm no hạnh phúc ...

Thì ra, cộng sản cũng không lừa bịp được trẻ con, khi chúng đem so sánh đời sống hiện tại với quá khứ đã trải qua. Hứa hẹn hảo huyền về một tương lai, ăm no hạnh phúc không còn say mê được ai, khi hiện tại quá phũ phàng, cái hiện tượng bao trùm cái bản chất, hiện tượng phơi bày sự thực của bản chất.

Năm ngày sống trong thung lũng với hai anh em An tưởng như êm đềm trong mộng. Trong lòng bình yên thu thái. Bao nhiêu lo âu thấp thỏm, đều tan biến, cảm thấy mình như sống lại những ngày tự do xưa cũ. Niềm đau dịu xuống. An tiễn chân tôi ra khỏi núi, đưa về tận bến xe, hẹn ngày gặp lại nhau. Tôi buồn như kẻ bị đuổi khỏi vườn địa đàng, nhưng lòng cũng rất hân hoan khi nghĩ đến ngày quay lại. Tự do, no ấm, quý báu biết bao nhiêu ! Tôi sẽ thu xếp rất mau, để trở lại thiên đường, tránh xa, tránh xa xã hội đầy xấu xa, áp bức trôi buộc. Chuyển xe chở tôi về Sài Gòn với tấm lòng nhẹ nhõm, tôi có cảm giác như mình hết liên hệ với xã hội này, với những bộ mặt công an hung hãn khó khăn, những xách nhiễu tra hỏi, những dòm ngó bởi móc đời tư, những hăm dọa tù tội. Vào núi sống đời tự do thênh thang. Đâu cần phải mơ ước bị đĩa bay bắt về hành tinh khác nhốt vào sở thú. Đâu cần phải đi tìm hải đảo xa xôi làm Robinson.

Con đường tự do có sẵn. Tôi mê mẩn vì sung sướng, vì có một mơ ước, một tương lai để nhìn đến, một khoảng đất an bình để dung thân.

Tâm sự cùng Dung, người yêu của tôi, về miền thung lũng tự do. Dung lắc đầu với đôi mắt tràn lệ, không tin tưởng, và cũng không

dám gạt bỏ gia đình. Dung làm việc cho một cơ quan tự trị, trong vòng thành bộ công chánh, nàng cố hết sức hoà đồng vào xã hội mới, sinh hoạt công đoàn, thể thao, văn nghệ. Thi hành đúng đường lối, chính sách và sinh hoạt của bí thư chi bộ đảng cộng sản đề ra. Một số bạn cho rằng Dung quá nghiêng theo chiều gió mới. Phấn đấu quá nhiều và quá sớm.

Ban đầu Dung cũng tin tưởng rằng hai mươi năm nữa, đất nước Việt Nam sẽ phồn vinh như đảng cộng sản dự tính. Bởi vậy, nàng cố gắng, và tin tưởng rằng mọi người đều cố gắng thì thời gian sẽ rút ngắn lại mười tám, mười lăm năm.

Nhưng càng ngày, sự thực càng lộ liễu không che dấu được, tương lai tối mờ phía trước mặt. Tương lai thăm thẳm.

Nhiều lúc, Dung thở dài mệt mỏi, nhưng vẫn hết lòng xây dựng, làm việc. Dù thấy cả nước đang tuột dốc. Dung lý luận, nếu tất cả chúng ta đều cố gắng, thì sức tuột cũng chậm lại. Dung không thể tưởng tượng được, là phải thay đổi đường đi, làm sao thay đổi được khi họ đã đi hơn ba mươi năm, dù càng đi thì càng xa dần mục tiêu công bằng ấm no hạnh phúc. Tôi biết phải chấm dứt tình yêu ở đây. Tự do là trên hết.

Tôi về nhà bàn chuyện với cha tôi, ông cụ đã 74 tuổi. Nghe đến tự do, khuôn mặt cha tôi rạng rỡ. Nhưng khi nghe đến núi rừng tách biệt thể nhân, cha tôi ôm ngực ho. Tôi biết sức khoẻ của cha tôi đã yếu lắm, không còn sống được bao năm nữa, vào núi chắc không tránh được bệnh hoạn đổ ập đến. Tôi cũng không thể bỏ cha tôi lại một mình, giữa hoàn cảnh khó khăn đói khát, bữa thiếu, bữa no này. Chỉ còn một mình tôi cho cha già nương tựa. Cha tôi suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Ba già yếu quá. Sợ đi không nổi. Hay là ... con đi một mình. Ở lại, Ba rằng xoay sở ...

Nói đến đó, cha tôi úp mặt vào hai lòng bàn tay và khóc. Tiếng khóc tuyệt vọng. Tôi ân hận, đã làm cho cha già buồn khổ :

— Không. Con không đi đâu cả. Ở lại đây với Ba. Ba đừng buồn nữa. Con chỉ hỏi ý kiến Ba, chứ con chưa có quyết định nào cả.

Cha tôi buồn rầu bảo :

— Trong chế độ này, không biết mình còn được sống đến ngày nào, ngày mai còn có ăn hay không, đêm nay có bị bắt hay không. Con đi tìm tự do là đúng, chỉ khổ nỗi Ba đã già cả yếu đuối.

Tôi gác lại ý định vào núi hái rau “Vĩ”, tìm tự do. Hai năm sau, nghe tin anh em An bị cộng sản bắt, vì tội làm than không nộp thuế, đốt rừng phá hại tài sản của nhân dân. Khu thung lũng An ở đã biến thành vùng kinh tế mới. Chính quyền đem mấy trăm gia đình vào lập nghiệp, phá núi, vỡ rừng, trồng cây. Đói khát và bệnh tật đã giết hại rất nhiều người vô tội. Dân chúng trốn về thành phố, dù công an, du kích, canh gác rất nghiêm mật. Chỉ còn lại đám cán bộ ăn lương nhà nước và được tiếp tế lương thực từ đồng bằng lên. Cuối cùng, tất cả rút đi, trả lại hoang vu cho thung lũng ...

Một lần về miền Trung bốc mộ cải táng cho mẹ tôi, vì cộng sản buộc phải dời tất cả mộ lên núi, để lấy đất canh tác. Ngồi trên xe đò, tôi miên man nhớ và thương tiếc miền thung lũng tự do. Khi đến một khoảng đèo, xe phải dừng lại, vì một nhánh cây lớn nằm chắn ngang đường. Một người mang súng kêu tất cả xuống xe, ngồi qua bên lề đường. Xa xa thấp thoáng một toán khác canh gác. Hai tên cán bộ cộng sản mặt mày xám ngắt. Bị tước khí giới. Dân chúng thì hân hoan tươi cười lẫn âu lo. Sau khi đã ngồi tất cả xuống bên đường, một người mang súng ngắn, đứng nói “... Cộng sản làm đất nước điêu tàn, nhân dân thống khổ. Chúng tôi từ nhân dân đứng lên võ trang lật đổ bạo quyền, đem lại tự do, no ấm, gạt bỏ gông cùm áp bức...” Rồi kêu gọi đồng bào ủng hộ, bỏ tiền vào một cái nón. Họ dặn ai bỏ bao nhiêu, thì nhớ để sau này đất nước được dành lại, thì sẽ được bồi hoàn. Mọi người hoan hỉ cười nói, dốc hết túi đóng góp. Hai tên cán bộ cũng móc hết tiền bỏ vào nón. Khi đã thu góp xong. Người mang súng ngắn nói :

— “Chúng tôi vô cùng cảm ơn đồng bào, đã bày tỏ cảm tình nồng hậu với Phục Quốc chúng tôi chỉ thử lòng đồng bào thôi. Ai bỏ bao nhiêu thì xin lấy lại đúng số. Chúng tôi sẽ nhờ đồng bào lúc khác. Lúc này chúng tôi chưa cần đến tiền đó.

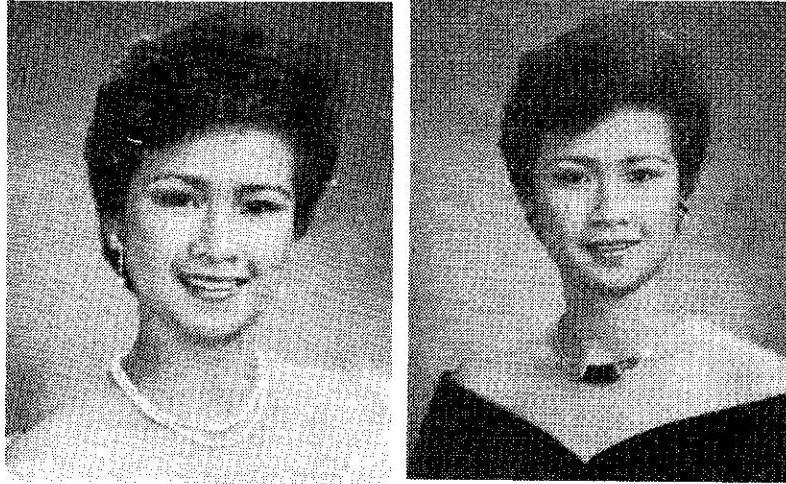
Phần các anh cán bộ cộng sản, các anh chỉ là nạn nhân của đảng cộng sản, các anh bị lừa bịp, và bị hăm dọa, nên mau mau từ bỏ cộng sản, để trở về với nhân dân, chúng tôi không giết các anh làm

chi. Để các anh tự giác...”

Chiếc xe được phép chạy, tôi ngoái nhìn lại, thấy một người từ chỗ ẩn núp đi ra. Vai mang súng máy, lưng súng ngắn, mái tóc xoà trên trán. Đúng là An, không thể lầm lẫn được. Đồng bào trên xe xôn xao nô nức bàn tán, họ vui mừng rộn rã. Hai anh cán bộ sâu thẳm lo lắng cúi đầu. Tôi bàng khuâng suy nghĩ đến niềm đau chung của dân tộc Việt, chỉ vì tham lam quyền lực của một nhóm cầm đầu đảng cộng sản mà cả dân tộc chìm đắm trong lửa than. Bao nhiêu thế hệ đã chết trong cuộc chiến Bắc Nam, bao nhiêu đổ vỡ mất mát, rồi dành được một đất nước tả tơi, và càng ngày càng làm cho tan nát bằng hoại, hư hỏng xấu xí. Đau thương ngất trời. Cả miền Nam, An chỉ là một trường hợp điển hình. Ban đầu muốn ở lại để chung lưng xây dựng đất nước, muốn được hoà đồng. Không sống được, lên núi ẩn mình xa lánh tổ chức xã hội. Cũng không được. Không muốn bạo động, cũng không được. Cộng sản đã dồn nhân dân miền Nam đến chân tường, chỉ còn con đường duy nhất là cầm súng chống lại, mơ một ngày cởi bỏ hết thương đau gông xiềng cho dân tộc.

N.T.

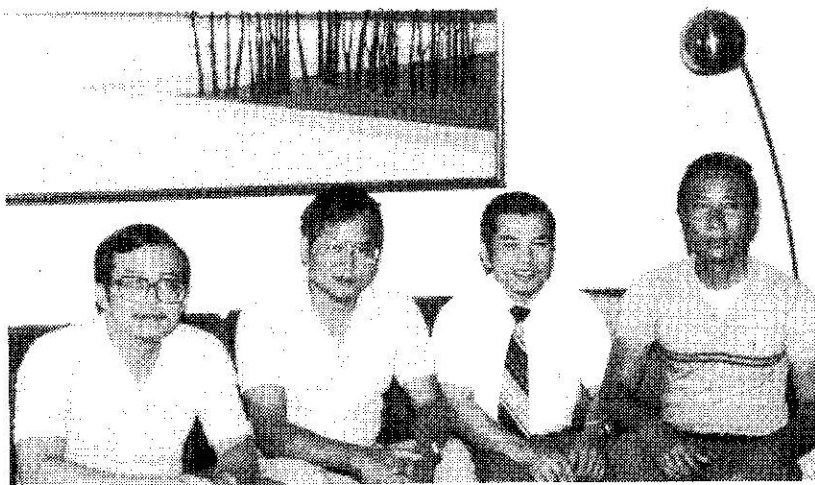
THI SẮC ĐẸP



Cô Nguyễn Phương Thủy, sinh năm 23-11-1967 tại Sài Gòn, sinh viên San Jose State University, thú nữ của AH Nguyễn Ngọc Mỹ. Cuộc thi còn tiếp tục.



*Khóa 9 kỹ sư công chánh năm 1969.
Hàng đứng : Nguyễn Thu, Tôn Thất Thiện, Tôn Thất Ứng, Lê Trung Định, Nguyễn Văn Liễu, Trần Đức Thuận. Người ngồi : Lê Kim Thảng.*



AHCC họp mặt ở Oklahoma City.

Từ trái qua phải : AH Phạm Văn Ân, Ngô Anh Tề, Nguyễn Đình Viễn, Phạm Hữu Quang.



AHCC họp mặt ở Sacramento

Từ trái qua phải : AH Trần Sĩ Huân, AH Bửu Hiệp



AHCC họp mặt ở Úc Đại Lợi

*Từ trái qua phải : AH Huỳnh Thành Quân, Tiến sĩ Kiệt [bà con với
chị Quân] Chị Quân, chị Lê Cảnh Túc, Chị Trần Văn Ánh, AH TRẦN
Văn Ánh, AH Lê Cảnh Túc.*

[Ảnh chụp ở Wollongong, phía Nam Sidney]

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG Của Cố Ái Hữu Trương Văn Huế

T.S.H.

Lúc thiếu thời, tôi chỉ “Văn Kỳ Thanh” ông Tham Huế, tỉnh người cương trực, từng bạt tai Tây, chống Nhật, bị Việt Cộng ám sát hụt ở An Cựu năm 1947 v.v... Nhưng mãi đến năm 1954, sau khi tốt nghiệp làm việc ở Khu Công Chánh miền bắc Trung Nguyên Trung phần tại Huế, và Đà Nẵng, tôi mới “Kiến kỳ hình” ông Trương văn Huế.

Tiết thay chỉ ba năm sau thì ông từ chức trưởng khu công chánh MB/TNTP vì bất đồng chính kiến với gia đình họ Ngô mà ông là một thành phần trụ cột trong phong trào cách mạng quốc gia thời ấy.

Mười năm sau, tôi lại gặp ông hồi hưu ở Nha Trang vào lúc tôi đang giữ chức vụ Trưởng khu công chánh miền Nam Trung nguyên Trung phần.

Lúc đó tôi hỏi ông có cần gì thì xin cho tôi biết, ông trả lời nếu được, cứ mỗi đầu tháng cho tài xế lái xe đưa ông đến Ty ngân khố lãnh hưu ; Nhà ông ở trên đồi Đồng Đế, mà bàn chân của ông bị lở lói, vì theo lời ông trước đây, trong thời gian làm ở Hydraulique agricole đi công tác dầm chân dưới nước lâu ngày, nay bị phát lở đi

đứng bất tiện.

Từ đó, thỉnh thoảng cuối tuần, tôi đến thăm ông và chính nhờ những dịp này, mà tôi được nghe những kinh nghiệm quý báu trong đời công chánh của ông. Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là cuộc sống thanh bần, đạm bạc của ông trong một căn nhà nhỏ chỉ gồm có một phòng ngủ, một phòng khách (vừa là phòng đọc sách và phòng ăn).

Các tủ kiếng đặt sát theo tường đựng đầy sách quý đóng bìa cứng, mạ chỉ vàng. Bên phải có một căn nhà nhỏ khác do gia đình người cháu ở, lo việc cơm nước hằng ngày, vì ông chỉ ở đó có một mình, còn gia đình ông thì ở Sài Gòn.

Bên trái ông có thuê đào một hồ nước thả sen, xây non bộ, để “chiều chiều bắt ghế ra ngồi, dựa lưng vào núi, nhìn hồ sen, thở gió biển, cho qua tuổi già...”

Một hôm tôi đến gặp lúc ông đang đọc cuốn “Lịch sử thế giới”. Ông nói :

— “Nghĩ cho cùng, đời xưa Tần thủy Hoàng chôn sống hai trăm tri thức cùng phải. Thử đồ gàn ấy, để thêm cản trở việc nước...”

Rồi ngấm nghĩ một chốc, ông lại tiếp như nói một mình :

— “Chế độ này không tồn tại được lâu đâu. Nổi Vương đạo mà làm Bá đạo. Đồ vô ơn bội nghĩa”.

Tôi thầm nghĩ chắc ông đang cuu mang một mối u hoài nào đó vì ông là người khảng khái, không chịu xu nịnh, đua đòi, nên bỏ về đây “lão giả an chi”.

Rồi một hôm vào mùa hè năm 1972, tôi được người cháu của ông cho hay ông bệnh nặng và muốn gặp tôi gấp. Tôi qua trạm y tế của nhà dòng ở Đồng Đế vào gặp ông nằm lim dim trên chiếc giường gỗ thô sơ. Nghe tiếng tôi chào, ông mở mắt nhìn tôi rồi cầm tay tôi nói thủ thỉ :

— “Năm nay 70 rồi, chết cũng vừa, thôi cảm ơn anh.” Xong ông thả tay ra, lạnh dần và nhắm mắt...

Trời ơi, tôi hoảng hốt vì quá đột ngột, quay hỏi bà xơ đứng bên cạnh tại sao không chờ ông đi như thương thì bà bảo ông không chịu. Tôi chạy ra ngoài tìm kiếm vị linh mục sở tại chở đến làm lễ cầu nguyện cho ông.

Ngày hôm sau, gia đình ông từ Sài Gòn ra đã đưa linh cửu của ông về quán tại nhà và an táng ngay trong vườn, bên cạnh hồ sen. Khi đào huyệt, các phu phen gặp một hòn đá to tướng xeo lên không nổi, tôi phải cho xe cần trục đến xeo lên. Khi sắp hạ huyệt, người trưởng nam là nha sĩ Trương Văn Ngọc hỏi tôi nên đặt quan tài theo hướng nào. Tôi nhớ lại lúc bình sanh, ông thường ra ngồi đó nhìn hồ sen nên tôi đề nghị gói đầu lên núi, gác chân xuống hồ sen, hướng về biển Đông vừa hợp với địa lý, vừa hợp với ý ông lúc sinh thời...

Thế là xong một đời Ái Hữu Công Chánh đã ra đi về bên kia thế giới cực lạc, sau mấy chục năm rông phụng sự quốc gia. Xin cầu nguyện cho linh hồn cố ái hữu TRƯƠNG VĂN HUỆ được an giấc nghìn thu nơi nước chúa. Amen.

□ Trần Sĩ Huân



TÙY BÚT

MỘT CHUYẾN ĐI

*Mén tặng những bạn VN phục vụ
cho Quý TTQT*

Tân ngồi ăn ở quán Quang An, một quán “tìm xắm” nhỏ tại thành phố Sài Kung ở vùng New Territories ở Hồng Kông. Mọi lần, khi ghé đến Hồng Kông, Tân không nghĩ đến Sài Kung, nhưng lần này Tân lại thích lại đây ăn sáng, và nhìn ra bể, tám trạng ử rữ, chán chường.

Quang An nằm trên đường Hải phòng, và Sài Kung là tiếng người Tàu gọi cho Sài gòn. Cạnh đường Hải phòng là đường Monkay, rồi đường Cần Thơ và đường Hà nội. Thành phố Sài Kung nhỏ bé, nhà cửa cũ kỹ, đường xá chật chội, rác rến, làm Tân nhớ Sài gòn, các vùng chợ cũ, vùng Bàn cò, vùng Tân Định.

Sau hai tuần họp làm việc tại Singapore, và không có kết quả gì, và buổi họp kế tiếp sẽ được diễn ra sau ba tháng tới, mọi người trong phái đoàn đã trở về Mỹ. Riêng Tân còn ghé lại Hồng Kông mấy ngày nghỉ ngơi.

Tân giúp việc cho quỹ tiền tệ Quốc tế tại Hoa thịnh Đồn. Phái đoàn đi hội nghị Singapore gồm ba người trong đó có Tân. Mục đích của hội nghị là giải quyết vụ chính phủ Singapore xin quỹ TTQT bảo đảm cho một dịch vụ buôn bán với Cộng sản Việt Nam.

Sáu tháng trước đó, theo lời yêu cầu của chính phủ Singapore quỹ TTQT có đem ra mổ xẻ dự án xin tài trợ, hoặc bảo đảm cho Chính phủ này trong một dịch vụ với Cộng sản Việt Nam. Quỹ TTQT thường thường không muốn dính líu đến những nước Cộng sản vì thành tích bất hảo về việc trả lại nợ cũ. Nhưng dự án này do Singapore đưa ra đã lâu và sau chuyến viếng thăm của Thủ tướng Lý Quang Diệu, các viên chức cao cấp của ngân hàng này miễn cưỡng đem dự án này ra mổ xẻ, và Tân được đề nghị góp ý kiến, và bàn thảo trong nhóm chuyên viên của quỹ.

Singapore nhỏ bé, nhưng là nơi để chuyển vận và giao dịch buôn bán hàng hoá cho cả vùng Đông Nam Á Châu, từ Ấn Độ Bangladesh, cho đến Phi luật Tân, Nam dương Úc châu. Singapore phồn thịnh, và chỉ sống nhờ buôn bán.

Nhờ ưu điểm đó mà Singapore đã giúp Mã lai Á bán cao su đi khắp thế giới. Sau khi Việt Nam tự do mất, các nhà buôn và các nhà trồng tỉa cao su người Pháp đã qua lập văn phòng buôn bán cao su tại đây, như hãng Michelin, Plantation des Terres Rouges, v.v...

Mấy năm sau khi tiến chiếm miền Nam, và quốc hữu hoá tất cả các đồn điền về cho chính phủ cộng sản, thì việc khai thác cao su trở nên uể oải, cũng như mọi khai thác kinh tế khác, của những nước cộng sản, mức sản xuất cao su sút kém, phẩm chất không đủ để cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Trước thế chiến thứ hai, Việt Nam đứng hàng nhì về sản xuất và xuất cảng cao su, sau Mã lai Á, với trên 200.000 tấn mỗi năm.

Trong những năm chinh chiến quốc cộng, từ 62 đến 75, mức sản xuất chỉ còn lỏi 75.000 tấn và số xuất cảng xuống còn 50.000 tấn mỗi năm. Người Pháp đã hầu như độc quyền về việc xuất cảng này, vì họ xuất cảng số cao su mà họ tự sản xuất lấy qua thị trường Pháp và Phi châu.

Nay đuổi người Pháp đi rồi, bọn cộng sản đã chơi với vì không tìm ra được thị trường, và cũng không mấy nước chịu mua, ngoại trừ Nga và các nước chư hầu của Nga, mà ngoại tệ thì không có để trả.

Và cứ theo cái đà này thì không bao lâu nữa tất cả những đồn điền cao su tại Việt Nam, có hơn 200.000 mẫu tây, sẽ có thể điều tàn

hết, không cứu sống lại được.

Các nhà buôn Singapore thì muốn khai thác tình trạng Việt Nam, nói rằng giúp đỡ, nhưng cốt để thu lợi nhiều về phần họ. Tuy vậy, họ cũng biết những điều kiện làm ăn tại Việt Nam không dễ dàng gì, cho nên họ mới đề nghị lên chính phủ Singapore tìm kiếm sự bảo đảm quốc tế cho việc đầu tư của họ qua Việt Nam. Và quỹ TTQT đã được chính phủ Singapore yêu cầu nghiên cứu và giúp đỡ cho Singapore đầu tư qua Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu dự án, chuyên viên của quỹ TTQT nhận thấy rằng quỹ không thể giúp thẳng đến Việt Nam vì Việt Nam không phải là hội viên của Quỹ, và cũng không thể bảo đảm cho Singapore được, mà chỉ có thể giúp cho Pháp vay vốn với nhẹ lãi, trong 10 đến 20 năm. Nếu chẳng hạn như hãng Michelin bằng lòng đầu tư vào Việt Nam thì quỹ sẽ cho vay để người Pháp tự chăm bón, trông tỉa, khai thác và biến chế cao su và xuất cảng lấy.

Người đầu tư Singapore có thể hợp tác với Pháp để lãnh một phần cao su xuất cảng ra.

Lập trường của quỹ là chỉ có thể giúp cho hội viên của quỹ đã có thành tích tốt trong việc trả lại nợ, và chịu nghe theo những khuyến cáo của quỹ.

Nhận xét cuối cùng của quỹ là nếu giúp cho Pháp thì cũng gián tiếp giúp cho cộng sản Việt Nam.

Vì vậy mới có cuộc hội nghị tay tư giữa quỹ TTQT, Pháp (và hãng Michelin), Singapore và cộng sản Việt Nam.

Hội nghị đã kéo dài gần hai tuần, nhưng chưa đạt kết quả, cũng vì Việt cộng không chịu nhượng bộ những điểm nhỏ nhỏ, đối với thế giới tự do, nhưng họ là then chốt ghê gớm lắm.

Quỹ đề nghị với hội nghị :

1.) Giúp vốn trung hạn cho Pháp vay, với nhẹ lãi, để đầu tư vào Việt Nam, trong việc khai thác lại những vườn cao su bị bỏ hoang của người Pháp trước đây.

2.) Cao su sản xuất sẽ được xuất cảng và một số ngoại tệ nào đó sẽ được trao lại cho Việt Nam;

3.) Quỹ cần được bảo đảm của Việt Nam chấp nhận những điều

kiện của Quỹ và của Pháp đưa ra, giúp cho việc khai thác có hiệu quả;

4.) Quỹ mong muốn người Singapore cộng tác với Pháp trong việc đầu tư này.

Pháp chấp nhận sự giúp đỡ của quỹ TTQT, và bằng lòng đầu tư vào Việt Nam, và Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện tối cần như sau :

1.) Pháp sẽ đầu tư vào Việt Nam từ 40 đến 50.000.000 MK trong vòng năm năm, bằng máy móc, nhân viên, phân bón ;

2.) Chương trình đầu tư và khai thác sẽ kéo dài trong vòng tối thiểu là 30 năm ;

3.) Pháp được tự do nhập cảng dụng cụ và chuyên viên, không bị kiểm soát và bị ràng buộc bởi những luật lệ hiện thời của Việt nam, xét là khó khăn cho ai đầu tư vào Việt Nam ;

4.) Pháp có thể tuyển dụng những nhân viên cũ của Pháp trước đây, và trả lương theo công thức của Pháp ;

5.) Pháp chỉ muốn khai thác những đồn điền của họ trước đây, và được cộng sản trao trả lại cho họ, ít nhất cũng trong vòng 30 năm.

6.) Tổng số ngoại tệ thu về sẽ chia ra làm 3 phần :

A. Trả lại nợ cho quỹ TTQT (trong vòng 10 năm, vốn lẫn lời).

B. Trả lại tiền đầu tư của Pháp và của Singapore (20).

C. Số còn lại sẽ chia hai : 1/2 cho Pháp và Singapore và 1/2 cho Việt Nam. Việt cộng thì hình như quan tâm ít đến khía cạnh kinh tế, và chỉ khư khư muốn bảo vệ mấy điểm mà bọn chúng cho là then chốt, như là :

1.) Chủ quyền của cộng sản VN là tối cao, không ai được xê xộn vào mà trong đó việc tuyển chọn nhân công và việc định mức lương phải được cộng sản cho phép mới được.

2.) Sở hữu chủ những vườn cao su là của cộng sản, chúng muốn giao sở nào là Pháp phải nhận sở ấy, Pháp không có quyền đòi hỏi cộng sản phải trả lại những sở cao su của Pháp trước đây lại cho Pháp.

Ngoài ra việt cộng lại đưa thêm mấy điều kiện thứ yếu nữa :

— Pháp không được nhập cảng quá 100 chuyên viên, và không

được đem người có gốc gác Việt Nam trở về làm việc ;

— Số vốn Pháp đầu tư sẽ được về trong vòng 30 năm thay vì 20 năm do Pháp đề nghị.

Sau hai tuần bàn thảo, và trong khi ấy phái đoàn VC đã gọi hằng trăm lần điện thoại về Hà nội, lập trường của Hà nội vẫn không thay đổi, đưa đến sự từ chối hợp tác của Pháp, cũng như của quỹ TTQT, mặc dầu Pháp đã đưa ra những dự án hợp tác kinh tế giữa Pháp và Nga, hoặc với những nước chư hầu của Nga, trong đó Pháp đều được hưởng những điều kiện như Pháp đưa ra cho Việt cộng.

Như vậy là hội nghị đã hoàn toàn thất bại trong dự án muốn giúp cho cộng sản Việt Nam, chống nạn đói khổ cho hơn 50 triệu người, mà Liên Hiệp Quốc cho rằng đã khổ cực nhất thế giới.

Hội nghị sẽ trở lại họp sau ba tháng, cốt để cho bọn đầu xỏ Hà nội thấu hiểu vấn đề hơn.

Những ngày ở lại Singapore, tối tối Tân vẫn đi ăn, và giao thiệp với gia đình ông Phạm... mà trước đây làm tham vụ toà đại sứ Việt Nam tại Singapore, và với gia đình Hoàng lê Hợp, mà chồng là đại diện cho hãng Michelin của Pháp tại Đông nam Á.

Nếu chỉ nghĩ rằng bọn VC rất cần ngoại tệ và chúng sẽ giải quyết sự khan hiếm cũng như mọi nước khác trên thế giới, thì sẽ chẳng cần gì buổi hội nghị cả. Sự thất bại về kinh tế của các nước cộng sản là đương nhiên, mà nguồn gốc chắc chắn là vì chủ thuyết Mác lê, không cho bọn chúng giải quyết gì được cả.

Hiện giờ bọn con buôn Singapore và Hồng Kông đã thu lợi đến phân nửa, số ngư sản của VN sản xuất ra đều phải do chúng vào bao bì lại mới bán ra được.

Và vì vậy VC chỉ thu được một nửa ngoại tệ, để cho các nhà buôn ngoại quốc khác thu lượm phân nửa kia. Còn các sản phẩm khác, thì không cạnh tranh nổi với các nước láng giềng, như Thái Lan, Hồng Kông v.v... như trái cây đông lạnh, bún bánh phở, nước mắm, mắm, mứt, bánh v.v...mà hơn một triệu người Việt Hải ngoại vẫn phải mua qua ngõ Thái Lan hay Hồng Kông ; mặc dầu nhân

công của Việt Nam rất rẻ, nhưng vì phẩm chất xấu, đã không tìm kiếm ra thị trường.

Tân đã thu thập những sản phẩm VC, nhờ ông Phạm giúp để so sánh với những sản phẩm khác và nhận thấy rằng, sản phẩm VC thì ăn ngon, nhưng vì thiếu kỹ thuật biến chế và cách trình bày không đẹp mắt, đã là lý do của thất bại.

Tân nghĩ lại bọn Trung cộng cách đây mười năm cũng như bọn VC bây giờ. Không có một kỹ thuật gì cả. Tàu yếu thì xuất cảng qua Hồng Kông, bằng lu to tướng, nặng nề và kèn càng, nay chúng đã có những nhà máy tối tân để vô chai, đầy nắp đẹp đẽ, chúng đã có những nhà máy plastic làm bao bì rất tinh vi, nhờ vậy mức sản xuất đã gia tăng gấp bội. Những nhà máy mới tại Trung cộng đều do những nhà đầu tư ngoại quốc đem vào, đổi lại những điều kiện làm ăn dễ dàng và cởi mở. Tân được quen biết mấy nhà kinh doanh như vậy. Một nhóm đã đầu tư ba nhà máy vào Trung cộng.

Nhà máy thứ nhất làm bột lúa loại rẻ tiền, có thể bột 500 trăm lần rồi vớt bỏ. Nhà máy này có thể sản xuất được 15 triệu máy mỗi năm. 90% để bán tại Trung cộng. 10% để xuất cảng. Chỉ 10% phần trăm thôi mà nhà đầu tư có thể thu về tiền đầu tư trong vòng 18 tháng. Giá mỗi bột lúa xuất cảng chỉ 60c/US, nhà máy này chỉ tốn có 1.000.000 đồng đô la mà thôi. Sau đó nhà đầu tư vẫn tiếp tục kiếm lời trong 15 năm liên tiếp.

Nhà máy thứ hai là nhà máy sơn thoa môi. Nhà máy này sản xuất được 40. triệu cây sơn mỗi năm. 90% để bán tại trong nước, 10% sẽ xuất cảng, cho thị trường Á châu. Ngoại tệ thu về cho 4.000.000 cây sơn là 500.000 đô la mỗi năm sẽ giúp nhà đầu tư thu lại vốn trong vòng 3 năm, và tiếp tục thu lợi như vậy trong vòng 15 năm.

Nhà máy thứ ba là nhà máy rửa và ép lông vịt, để xuất cảng qua Pháp và Đức. Nhà máy chỉ tốn có 650.000 mỹ kim, và mới 6 tháng đầu đã xuất cảng được trên 750.000 mỹ kim lông vịt. Nhà đầu tư được thu ngoại tệ về trước, sau đó được chia 30% lời mỗi năm, có thể lên tới trên nửa triệu mỹ kim mỗi năm.

Tân cũng nhận thấy rất nhiều những dự án khác, mà Trung cộng phải hy sinh rất nhiều để có thể có kỹ thuật để cạnh tranh.

Tỉ dụ như họ cho phép đầu tư vào khách sạn với những điều kiện

rất hấp dẫn. Nhà đầu tư ngoại quốc có quyền đem vào nhân viên, máy móc, vật liệu và dụng cụ, không có hạn chế nào. Nhà đầu tư có quyền tuyển chọn nhân viên Trung cộng và muốn trả lương bao nhiêu cũng được.

Khách sạn được điều hành hoàn toàn theo lối Âu Mỹ, tiêu chuẩn Quốc tế v.v... Họ cho nhà đầu tư được hưởng tất cả tiền lợi khi khai thác khách sạn và trong vòng 15 năm, sau đó quyền sở hữu lại trở về với Trung cộng.

Các nhà đầu tư thì thấy rằng với mức độ du khách tới lui Trung cộng hiện giờ, thì chỉ trong vòng năm năm là thu về đủ ngoại tệ đầu tư, và vì vậy việc vay, hay gọi vốn đầu tư vào Trung cộng rất dễ dàng. Và điều đó là nhờ ở cái không khí hiểu biết của những nhà lãnh đạo Trung cộng bây giờ.

Tân được biết Quĩ TTQT mà Tân là một chuyên viên, không mấy hăng say giúp đỡ cho VC, nhưng Tân nghĩ rằng, nếu bọn đầu sỏ VC mà coi mở ý thức được, cần làm điều gì cho dân đói đói khổ, thì Tân có thể giúp đỡ phần nào, ở địa vị một chuyên viên về tiền tệ. Tân chỉ mong rằng, bọn VC chỉ coi mở bằng 10% bọn Trung cộng, thì vấn đề cũng trở nên bớt nan giải đi rất nhiều.

Tân nghĩ bọn VC cần ngoại tệ, thì việc làm sở hữu chủ mấy vườn cao su có quan hệ gì đối với việc thu hồi ngoại tệ vào cho nước họ ? Và việc thu dụng nhân công vào làm cho mấy nhà đầu tư ngoại quốc, thì phải để mặc cho họ tìm kiếm và tuyển dụng, thì mới hội đủ những điều kiện tài lực, và tại sao bọn VC cứ khư khư muốn xiá vào những việc con con này ? Để hỏng đại sự ?

Phải chăng vì những việc nhỏ đó, chạm đến ý thức hệ của cộng sản là không ai có quyền làm sở hữu chủ, ngoài đảng ra.

Những anh chàng VC ngồi chỉ biết đưa đề nghị, nhưng chẳng bao giờ có tí quyền hành chi để bàn cãi, và cứ mỗi giờ lại xin nghỉ giải lao để gọi điện thoại về Hà nội, mà lập trường của mấy anh già tại đó là đảng trên hết ; và tất cả là kẻ thù của đảng ; không thể tin ai được cả, nhất là những thằng thực dân chủ những đồn điền cao su trước đây.

Tất cả chuyên viên tiền tệ của thế giới tự do đều một mực nghĩ rằng VC vẫn cần ngoại tệ, mà đem ngoại tệ về, chúng lại không

muốn mà chỉ muốn làm chủ những cây cao su, làm chủ đất đỏ hay đất cát, tại những vườn cao su ấy để làm gì?

Chúng đang đói, đang thiếu ngoại tệ?

Tân nhìn dân Singapore với đồng lương lao động đã tăng lên đến trên 120 mỹ kim mỗi tháng, so với lao động tại Mã hay Thái chỉ mới 50 mỹ kim mỗi tháng mà thôi, và trong khi đó lao động tại Việt Nam chỉ 3 mỹ kim mỗi tháng.

Tân biết rằng so sánh như trên không đúng 100% nhưng cũng là một lối so sánh để biết được sự chênh lệch về mức sống của thế giới tự do.

Dân Singapore, hề có công việc làm là được chính phủ cấp cho nhà ở và chỉ dùng 1/3 đồng lương là đủ trả nợ tiền mua nhà nói trên trong vòng 20 năm. Nhờ chánh sách này mà dân Singapore thật sung túc, nhà cửa mọc lên khang trang, cao ốc đầy rẫy, đường sá sạch sẽ, và công việc làm ăn thịnh vượng vô cùng.

Những ngày hội nghị Tân khổ tâm, nhọc trí vì những cái ngu xuẩn không đáng của những tên đầu sỏ Hà nội, khiến cho sự hăng say giúp đỡ của nhiều người, chẳng tiến được bước nào. Khách quan mà nhìn Tân thấy nhục nhã, chủ quan mà nhìn Tân thấy đau đớn cho toàn dân Việt Nam.

Người Nhật họ đâu có mỏ sắt, nhưng đã sản xuất sắt hàng đầu trên thế giới, sản xuất xe hơi thứ nhì thế giới, máy điện tử hàng nhì trên thế giới. Vậy làm chủ mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ than làm chi, nếu không đủ kỹ thuật để tận dụng sản xuất nó?

Đã qua 12 giờ trưa, mà Tân vẫn còn ngồi thờ người ra ở quán Quang An, đầu óc thần thờ, suy nghĩ vẩn vơ. Nười bồi bàn nhắc Tân uống thêm trà, chàng mới nhớ ra là mình đã ngồi trên 3 tiếng đồng hồ tại đây với mấy đĩa “tầm xám”. Tân hơi ngượng gọi thêm la ve, và gọi thêm thức tráng miệng.

Từ Hồng Kông bay qua Singapore, rồi trở lại Hồng Kông, Tân đã qua lại trên không trời VN mấy bận mà không sao thăm viếng được Việt Nam, và Tân cũng nhận thấy bất lực trước những vấn đề thấy ra thật đơn giản, nhưng mà không làm sao giải quyết được với loại chủ thuyết điên cuồng của cộng sản.

Tân nghĩ rằng đường lối của quỹ TTQT, sau bao năm kinh nghiệm làm việc với cộng sản là rất đúng, và nếu gạt hết những thiện nghĩ chủ quan thì Tân thấy bọn VC không cách gì giải quyết nạn đói kém trong nước nếu đặt đảng lên trên tất cả, vì Tân cũng dư biết là bọn đầu sỏ này cũng chẳng tin gì đảng của chúng, nhưng chúng phải cần dựa trên đảng để mà trị và để mà tồn tại.

Ngày hôm sau Tân lại trở về Hoa Thịnh Đốn, đem theo một bài toán không đáp số, và có lẽ còn lâu mới tìm ra được một. Khi đến phi trường Dulles, Tân gọi cho Lan đến đón, thì Lan đã chờ đấy từ lâu rồi. Thủ đô vào cuối xuân, nhưng trời còn ảm đạm, mây phủ tối tăm, gió lạnh heo hắt, không như những ngày nóng bức của Singapore mà Tân, cả ngày mồ hôi cứ nhòai nhòat ra làm Tân nhớ Sài Gòn quá sức.

Tân biết vì giờ giấc thay đổi cũng khó ngủ cho được, cho nên Tân cố rủ Lan đi ăn và đi nghe nhạc cho chóng hết đêm, vì Tân cũng không muốn suy nghĩ gì cho thêm mệt trí. Tân muốn ngày mai thư hai trở lại làm việc, cũng sẽ như những ngày khác, cố quên đi một chuyến đi thất bại của kíp chuyên viên Quỹ TTQT vừa qua. Tân cũng bán khoản không ít trước khi đi, rằng chàng có phải nên cố hết sức để cho hội nghị thành công, nghĩa là sẽ giúp cho nền kinh tế Việt cộng sẽ có thêm hàng trăm triệu Mỹ kim mỗi năm, hay là chỉ đi cho có lệ và lại mong muốn rằng dự án sẽ phải chìm đắm lấy vì Quỹ cũng đâu có thích giúp cho bọn cộng sản làm chi. Nay sự thất bại lại tới từ bọn cộng sản, Tân nghĩ âu cũng là cái số kiếp ăn mày của bọn ngu xuẩn này, nhưng cái đau khổ là nó đã kéo theo sự đau khổ triền miên của năm mươi triệu dân Việt vô tội khác.

Tân biết rằng tất cả những bạn bè tại Quỹ có thiện chí với việc giúp đỡ cho dân Việt Nam đều sẽ hỏi han Tân ráo riết khi chàng vào sở, và Tân nhất định sẽ chẳng nói năng chi cả, chỉ muốn nói rằng “chuyện gì sẽ tới thì phải tới”, mình có muốn can hay muốn giúp cũng không chắc sẽ làm được.

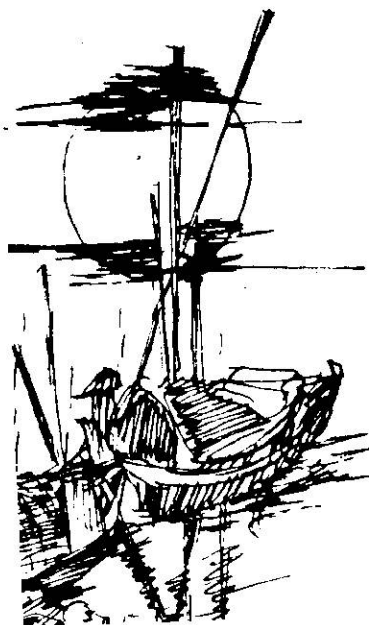
Và mĩa mai thay Tân nhớ Sài Gòn mà lại phải ghé thăm Sai Kung và Tân thêm phố Công Lý, phố Hiền Vương mà lại phải ăn tím xám, hắc cảo, của mấy anh chệt ở Kowloon này. Và Tân không khỏi không buồn tiếc cho hết thầy bà con, bạn bè, và hết thầy dân

Việt ta, không biết sẽ còn đói khổ bao lâu nữa, nếu bọn đầu sỏ bán nước, hại dân kia, còn tồn tại ở Hà Nội rách nát, lầm than này.

NAM CÁT

Hong Kong, Xuân 1986

*LTS. Viết theo tài liệu
thu thập được tại Singapore.*



Tiếng Nói của Nước Tôi

Thân mến tặng A.H. Nam Cát

Tùy bút của Đào Trọng Cương KTS

Để tạ lòng tri kỷ, và muốn các ái hữu có dịp thông cảm thêm nỗi u hoài của Nam Cát, đối với tiếng của ta trong giai đoạn khó khăn này, tôi xin một chút vấn đề ngôn ngữ thông thường và văn học của ta. Nhưng cũng sẽ chỉ giới hạn trong sự hiểu biết sơ đẳng về ngôn ngữ học của một chuyên gia trong những năm đã qua, quá bận tâm về nghề nghiệp mà đã ít để ý tới văn chương chữ nghĩa của mình.

Thật vậy, tiếng nói của ta rất phong phú nhờ ở lịch sử và vị trí địa dư của chúng ta. Nhưng tôi không dám nói là “hơn” các ngôn ngữ khác mà ta đã có cơ may học từ khi còn thiếu thời. Vì lẽ, theo tôi, tiếng nói của dân tộc nào, thì chỉ có dân tộc đó mới rung cảm được đúng mức trước một câu nói của họ. Tự điển đã dạy ta nghĩa của chữ, mà không truyền cho ta được, sự bén nhạy của tâm hồn trước một số chữ, một số câu. Xem như René Crayssac, một nhà văn thành thuộc tiếng Việt, vào bậc nhất của người Pháp đã dịch chuyện Kiều ra thơ Pháp, ta cũng thấy trong lời dịch, ông đã không rung cảm được như

ta trước nhiều văn thơ mê ly của Nguyễn Du.

Văn của một quốc gia, của một dân tộc, đều được cấu tạo ngàn năm nọ qua ngàn năm kia, do những giai đoạn lịch sử sống chung và giao dịch với các dân tộc khác. Pháp thì liên hệ với chữ La tinh, ta thì với chữ Hán. Tâm hồn của những giống người khác nhau, không thể hoà hợp hoàn toàn được với nhau, cho nên sự rung cảm trong tâm linh đối với văn chương của nhau, cũng phần nào khác biệt.

Trong một câu nói thường ngày của ta có tới ba mươi phần trăm (30%) do chữ Hán mà ra. Nếu là một bài văn thì bách phân đó còn cao hơn nữa. Thí dụ trong 14 chữ của hai câu thơ mà A.H. Nam Cát đã ghi trong tùy bút “Tôi yêu tiếng nước tôi”, thì cũng có tới bảy chữ thuộc loại đó (gạch ở dưới) :

*“Ngày xưa có lão từ quan.
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say”*

Theo Ngổ tất Tố, thì trong khoảng mười ngàn (10.000) chữ trong một bài văn, thì có tới sáu ngàn (6.000) chữ do chữ Hán, và do Huỳnh tịnh Của, thì trong mười ba ngàn (13.000) chữ cũng có tới tám ngàn (8.000) chữ do chữ Hán. Cho nên các học giả của ta, như Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Dương quảng Hàm, v.v... cho tới một bạn công chánh đã sớm bỏ nghề để theo nghiệp văn chương là Nguyễn hiến Lê đều nhận rằng văn học Trung hoa đã tạo nền móng cho văn học nước ta. Dù linh mục Kim Định, với chủ thuyết “Phục Việt” cao tới đâu với ý phủ nhận sự thật này, tôi cũng khó mà đồng ý với ông được. (Xin đọc cuốn sử điệp Trống Đồng, v.v...).

Sự xâm nhập chữ Hán vào tiếng nói có thể cho là bắt đầu từ thời kỳ Triệu Đà (từ 207 trước công nguyên) nhưng với một tầm rất hạn chế. Suốt trong thời kỳ Bắc thuộc (từ 111 trước công nguyên tới 939 sau công nguyên) hơn một nghìn năm, ảnh hưởng đó trở nên sâu đậm dần dần, và sau khi đã dành được độc lập, dân tộc ta vẫn lấy chữ Hán, làm văn tự quốc gia, cho tới nhiều năm sau ngày quốc gia ta do người Pháp cai trị, chữ quốc ngữ được xuất hiện cho tới ngày nay. Và từ đó, văn Pháp mang thêm ảnh hưởng tới văn học của ta. Cách hành văn của ta, cũng bắt đầu theo luồng tư tưởng của người Pháp, cũng như thơ phú (loại thơ mới). Cho nên ngót hai ngàn năm biến cải, văn chương, lời nói của ta ngày nay, hẳn là không còn

giống được của các cụ tổ đã sống từ đời công nguyên. Nay các cụ Tổ có linh thiêng, hay khoa học có tân tiến đến mức nào, để ta có thể đàm thoại được với các Cụ thì hẳn là ai nói người này nghe mà thôi !

Văn thơ của ta có nhiều loại riêng của ta. Còn về văn thơ theo luật thơ Đường, các cụ và tới cả ngày nay chúng ta còn ưa dùng, nhất là đối với những ai hiểu biết về Cổ Thư Kinh sách Trung hoa. Vì có liên lạc mật thiết với chữ Nho là một thứ văn tự rất phong phú, nên ta có thể mượn được những chữ ấy nhiều danh từ để diễn đạt các ý tưởng và sự vật mới. Có những bài thơ, tác giả xen vào mấy vần chữ Hán với hậu ý muốn ta hiểu ý của tác giả muốn nói một cách khéo léo, nhẹ nhàng, kín đáo, không trơ trên nếu như phải dùng tiếng Việt. Mà ta đọc thấy du dương, ý bay bướm hơn. Thí dụ phần “khổ thi” của bài hát nói (hát ả đào) “Hong hong Tuyết tuyết” của Tam nguyên Yên Đỗ có hai câu :

*“Ngã lãng du thời quân thượng thiếu,
Quân kim hua giá ngã thành ông”*

thì thật là tuyệt cú. Bài hát đó muốn nói lên : vào tuổi già sao trở trẻ lại gặp được “cô bé” khi xưa cũng ở trong chốn cầm ca, nay đã trở thành cô gái kiều diễm trong tuổi dậy thì , mà ta thì đã già mất rồi...

Thật là cách nói kín đáo, lịch sử, tiếc nuối, kiểu “kià bạch phát với hồng nhan chùng ai ngại”... mà không sao tả nổi bằng tiếng Việt được. Đến Tản Đà có lẽ cũng phải “chào thua”.

Viết tới đây, tôi liên tưởng tới hai câu thơ của một lão hữu tại Ottawa này cũng đã muốn tỏ sự tiếc nuối của mình, có lẽ trước một mỹ nhân tóc nâu mắt biếc nào đó, như sau :

*“Tâm dương trời khúc tỳ bà,
Ngũ Hồ húng đội đã già mùa yêu...”*

Những ai đã rung cảm trước những éo le của Giang Châu Tư Mã tình cờ gặp được một nữ ca sĩ danh tiếng trở về già hết duyên trên bến Tâm Dương (bên Tàu) qua bài thơ Tỳ bà Hành bất hủ của Bạch cư Dị (bài do Phan huy Vịnh dịch), Và những ai đã say sưa trước cuộc đời của Phạm Lãi sống trong cảnh hưu trí bên Ngũ Hồ với nàng Tây Thi thì mới rung cảm được đúng mức ý nghĩa của hai câu thơ này. Hay thì thật hay, nhưng vì làm sao được với khổ thi nói trên, vì sự nuối tiếc đã không cần phải nói ra, nhưng tự nhiên là ta hiểu qua

hai vần thơ tuyệt tác ! Câu thơ *“Quán kim húa giá ngã thành ông”*.thì chưa chất đến mức nào !

Mượn những chữ ngoại quốc để diễn đạt ý tưởng của mình cũng thường thấy trong giới văn nhân Pháp (liên hệ với văn La tinh). Ta cũng thấy nhiều cuốn truyện đã dành trang đầu với vồn vẹn mấy câu La Tinh muốn nói lên được nhiều, nhất là với những ý nghĩ nói ra bằng tiếng mẹ đẻ thấy kém du dương mà không lột được hết ý mình.

Cũng như trong cuộc nói truyện, ta đã có dịp dùng chữ La Tinh *“Errare humanum est”*, *“Vanitas vanitatum, omnia vanitas”*, hoặc chữ Anh *“Time is money”*, *business is business* v.v...

Với chữ trên với ta đã trở thành những thành ngữ, nghĩa là những lời nói *“có sẵn”* để tiện dụng mà diễn tả một ý gì, hoặc tả một trạng thái gì, một cách vắn tắt mà có mẫu mề. Cũng giống như một số câu của Trung hoa đã trở thành những thành ngữ thông dụng của ta như : *“Phú quý sinh lễ nghĩa”*, *“Sinh ký tử quy”*, *“Thiên cơ bất khả lậu”*, *“Kính cung chi diệu”*, *“Nhân vô thập toàn”* v.v...

Cũng nên nói thêm về ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo (Lão tử) cũng rất lớn đối với ngôn ngữ, văn chương của ta. Những tư tưởng phóng khoáng, yếm thế là do đạo giáo, thí dụ những tập thơ của Nguyễn Bình Khiêm, và trong tập hát nói của Nguyễn công Trứ (những bài vịnh cảnh nhàn). Còn những tư tưởng về khổ ải, trầm luân, nhân quả nghiệp báo là do Phật giáo (Cung oán ngâm khúc, truyện Kiều). Những vần thơ nói trên đều đã làm phong phú rất nhiều cho tiếng nói của ta.

Ảnh hưởng sâu đậm của văn học Trung hoa, lớn lao như vậy đối với những ai còn thấy thích thú trong việc viết văn, trong lúc nói tiếng Việt một cách đúng với tâm hồn kín đáo của người Việt. Những người yêu văn học Trung Hoa thường thấy tâm hồn mình lằng lằng mỗi khi có dịp đọc những cổ thi từ nhiều trăm năm về trước. Đó là do sự cảm thông tự nhiên giữa những người đồng điệu, mà lạ thay, rất nhiều người xưa sống trước ta bảy tám trăm năm cũng có những trạng thái tâm hồn như chúng ta ngày nay. Và bây giờ, muốn đi sâu vào văn học Trung Hoa, tôi mới dần dần hiểu được cái thích thú của thân phụ tôi khi xưa trước ly rượu cúc, ẩm trà thơm, ngâm say sưa nhiều văn cổ thi, thơ phú mà tôi chẳng hiểu tí gì

và cái thích thú đó do đâu mà có nữa !

Và cũng từ bấy giờ, câu nói của Nguyễn hiến Lê đã làm tôi rất cảm động khi ông bắt đầu viết cuốn “Đại cương văn học sử Trung Hoa” trong phần tựa đề :

“Đêm nay, tôi muốn thả hồn tìm thi nhân cùng danh sĩ Trung hoa thời trước. Hồn hương hồn các chư vị ấy ! Tôi mang ơn chư vị rất nhiều, gần bằng văn nhân của nước tôi, và từ hồi mới sanh, tôi đã được nghe lời ngâm Chinh Phụ, Thúy Kiều, xen lẫn với lời trích bình văn thơ của chư vị, và ngay nay trong Văn Học nước tôi cũng thường thấy ẩn hiện nỗi lòng của chư vị.”

Và để nhớ ơn một đồng nghiệp Công chánh đã trở thành người thiên cổ từ một hai năm nay tại Sài gòn, suốt đời phục vụ cho tiếng nói, cho văn chương của ta để trở nên một học giả danh tiếng, tôi xin khấn :

“Hồn hương hồn bạn Nguyễn Hiến Lê, xin hiện về họp với các đàn em Công Chánh Kiến Trúc, phù hộ cho chúng tôi và các thế hệ nối tiếp sống tại những nơi tạm cư này giữ “tiếng nói nước tôi” được lành mạnh, không làm tui vong linh của những bậc tiền bối đã suốt đời bồi đắp cho tiếng nói và Văn Học của dân tộc chúng ta.”

OTTAWA, 16 juillet 1986

ĐÀO TRỌNG CUƠNG K.T.S.

TÂY ĐỨC HẬU CHIẾN

□ Nguyễn Văn Hiến

Âu châu sau thế chiến thứ nhì hầu như tan nát. Riêng Đức Quốc vừa bị thất trận ê chề vừa phải chịu vô số tổn thất, tàn phá vượt khỏi mức của Nga, Mỹ và các nhà quan sát đều không tin sẽ có thể tái thiết và hồi phục lại. Nhìn các xưởng máy rệu rã sản xuất trước chiến tranh nay chỉ là những đồng gạch vụn khổng lồ. Hệ thống một thời đã từng là mạch máu chánh của nền kinh tế cũng đã sụp đổ.

Nền thương nghiệp được thiết lập, bền vững từ lâu bị tắt nghẽn. Nạn đói kinh hồn đang đe dọa 40.000.000 dân Tây Đức trong khi nền nông nghiệp tê liệt, không đủ phân bón nông cơ. Lại thêm mười triệu dân Đức từ Ba Lan và Tiệp Khắc bị trục xuất về thêm gánh nặng khổng lồ để lên con bịnh Tây Đức. Chiến tranh để lại cho nước Đức đa số người già, phụ nữ và đám đông vị thành niên thiếu chuẩn bị các nghề chuyên môn để xây dựng, tái thiết quê hương họ. Những năm hậu chiến đen tối và ước mơ một nước Đức được hồi phục chỉ là ảo ảnh, xa vời trong tâm tư đa số người dân Đức. Cũng đen tối ê chề như một Việt Nam ở cuối thế kỷ hai mươi. Chỉ có một điều khác xa là trong khi Hồ chí Minh và bè đảng nỗ lực gian manh, vay lạy khối cộng để dày xéo chia cắt quê hương, thiêu hủy biết bao là xương máu, tim óc, mồ hôi nhân dân, xâm chiếm lân bang để tạo oán thù với đế quốc luôn luôn áp lực mặt Bắc, tạo hoàn cảnh cho Nga xô chiếm đóng Cam ranh, Đà Nẵng làm tiền đồn cho thế giới cộng sản, tham hiểm và bần tiện với nhân dân, tạo cảnh ai ai cũng muốn ra đi, đưa quê hương vào tử địa oan nghiệt nhất lịch sử dân tộc, thì DR.ADENAUER họp cùng những người có tài và ái quốc thực sự đã như là một phép nhiệm màu, đưa nước Đức trở lại địa vị, văn minh,

phồn thịnh hơn xưa. Chỉ trong vòng không đầy mười năm. Ngoài Nhật, ở Âu châu chỉ có Tây Đức là đồng tiền lên giá trị so với đồng mỹ kim, trong khi tiền Anh, Pháp yếu kém hơn nhiều. Mức sống dân chúng cao trở lại hơn mức tiền chiến. Sản xuất và xuất cảng gia tăng vượt bậc. Nạn thất nghiệp hàng nhất Âu châu đã biến mất. Trữ kim và nền tài chánh Đức ở thời điểm 1955 đã là niềm mơ ước của cả Âu châu.

Họ may mắn nhờ lãnh đạo thực sự có tài và thật sự ái quốc. Trừ một vài ngành kỹ nghệ quan trọng như sắt, và than bị chánh phủ kiểm soát chặt chẽ, ngoài ra thì Đức áp dụng và đã thành công chánh sách kinh tế tự do sau kỳ cải cách tiền tệ tháng 6-1948.

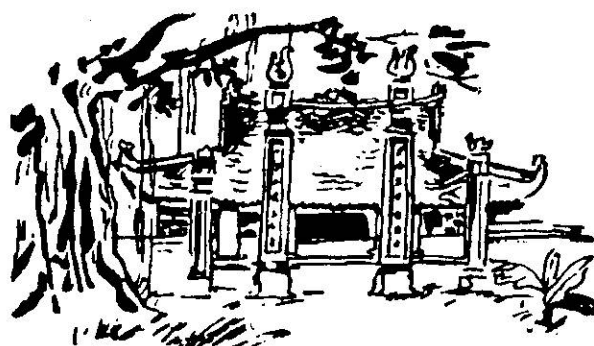
Chánh phủ khuyến khích, tạo hoàn cảnh cho các nhân tài, các ngành nghề nỗ lực phục vụ, phát minh, sản xuất, tự do ngoại thương xuất cảng. Ở giai đoạn đầu, nền kinh tế tự do đẩy giá cả lên cao gây vài chống đối, nhưng nhờ nhân công siêng năng và thiện chí phục vụ chấp nhận giá lương thấp để giảm giá thành trên hàng hóa sản xuất, đẩy mạnh xuất cảng qua Mỹ, các nước Âu châu, Á Châu... giúp Tây Đức quân bình được ngân sách và lãnh vực xuất nhập cảng.

Một phần cũng nhờ chánh phủ Tây đức, cố tình khuyến khích, tạo hoàn cảnh thuận tiện cho việc tái thiết quê hương, cố gắng giảm thuế để đẩy mạnh các lãnh vực đầu tư, xây cất gia cư, đóng tàu... Một phần họ nhờ những cơ may lịch sử đến cùng một lúc. Đầu thập niên 1950, Bắc Hàn với tham vọng nuốt trọn Nam Hàn, đã khởi xướng cuộc chiến kinh hồn, sau thế chiến thứ hai, các sản phẩm từ Tây đức đưa vào Nam hàn tiêu thụ không khó khăn. Và từ tháng 4-1948, đến tháng 4-1951, Tây đức nhận được viện trợ tái thiết tổng cộng một tỉ hai trăm triệu mỹ kim, qua trung gian các International bank và Import—Export bank, khoảng 10% của tổng số viện trợ tái thiết dành cho 16 nước Âu Châu do Hoa Kỳ bảo trợ qua Marshall Plan.

Con đường thù hận thất nhân tâm, phản khoa học (không hề giống bất kỳ con đường tái thiết, phát triển đã thành công tốt đẹp tại các nước kỹ nghệ tân tiến Âu châu, Nhật Bản) mà Hồ chí Minh và giờ đây bè đảng cộng sản man rợ cố tình dẫn quê hương Việt nam đi sẽ vô tử địa, nhục nhã ê chề, mỗi năm lún xuống thêm một tầng địa ngục. Với các chiến sĩ can trường vẫn còn chiến đấu giữa lòng quê

hương, với đại thể đồng bào quốc nội, và hải ngoại đồng nhịp, kiên trì, mưu lược, dũng mãnh, bạo quyền cộng sản rồi sẽ gục ngã như lịch sử bao đời đã chứng minh.

Con đường dân tộc nhân bản, tích cực khoa học và kỹ nghệ hoá quốc gia sẽ trả lại quê hương ta, Việt Nam Minh Châu trời đông, rực sáng hơn xưa, muôn đời.



ĐƯỜNG ĐẾN CPAC

□ Nguyễn Bộ Hành

Trước khi nói đến chuyến đi dự đại hội của đảng cộng hoà hợp tại Washington Hilton Hotel, lẽ dĩ nhiên là tại Washington DC ; tôi phải nói đến sự tình cờ đó !

Chả là tôi có vài người bạn họ hoạt động cho đảng cộng hoà từ bao lâu. Tôi không rõ ! Nhưng chắc chắn là từ ngày họ sang Hoa Kỳ, năm 75 đến nay. Anh em đến thăm tôi và rủ cùng đến dự đại hội cho biết. Theo lập luận của anh, chúng ta đã đến Hoa Kỳ gần được 11 năm.

Trong khoảng thập niên đó chúng ta đã làm, đã sống ; song chúng ta chưa hiểu rõ về những hoạt động chính trị của các đảng phái Hoa kỳ là một điều thiếu sót. Vì câu nói đó, tôi nhận lời đi, để có dịp quan sát cách thức sửa soạn triệu tập và sinh hoạt của đại hội ra sao ? Với tình cách học hỏi nhiều hơn.

Tôi có thời gian một tuần lễ để sửa soạn hành trình, tôi có mang điều này ra bàn với người em kết nghĩa. Anh em chúng tôi đều có chung một quyết định : lúc này tôi đang nghỉ ngơi, nên làm một chuyến du lịch có ý nghĩa. Nói là sửa soạn cho quan trọng, thật ra là chỉ thêm vài cái áo lạnh. Vì thời tiết của Washington lúc này còn lạnh khoảng 35, 40 độ F.

Chúng tôi chọn ngày khởi hành vào tối 28-2 năm 1986, để kịp dự đại hội khai mạc vào buổi tối ngày 29-2-86.

Chuyến hành trình của tôi hơi trục trặc, lý do là chọn chuyến bay rẻ tiền của hãng People Express đi Washington. Khởi hành ở phi trường Los Angeles lúc 8.30 tối ngày 28-2-86 sẽ thay máy bay tại phi

trường New York vào khoảng 4 giờ chiều cùng ngày. Đến phi trường New York ngồi trong phòng chờ đợi, chúng tôi được TV thông báo là phi trường National tạm đóng vì sương mù dày đặc máy bay không đáp được. Chuyển bay của chúng tôi chọn đáp ở phi trường cách nơi họp khoảng 45 phút xe hơi. Tôi không có người đón ở phi trường này, vì giờ đó nhóm bạn tôi đã vào phòng họp. Nhờ xe bus của phi trường đưa về khách sạn Hilton, đang ngẩn ngơ tìm manager office để biết phòng ngủ của mình ở lầu mấy, thì gặp hướng dẫn viên của hotel chỉ lên lầu một gặp Manager office. May thay chưa đến nơi, đã gặp anh bạn đứng sẵn trước office chờ tôi (X.X.T.S)

Anh cho biết về chương trình bốn ngày, của đại hội, đại hội gồm nhiều đoàn thể của đảng cộng hoà. Mỗi đoàn thể họ có phòng họp riêng cũng tại hotel đó. Tối ngày 29-2-1986, Tổng thống Reagan mời dùng cơm, nghĩa chữ mời đây có nghĩa là mỗi người, đoàn thể tùy theo phải đóng cho mỗi phần ăn là bao nhiêu, đã có giá trước. Bạn muốn tham dự bữa ai đó thì liên lạc với văn phòng để làm thủ tục ghi tên, bạn sẽ có một thiệp mời của Tổng thống. Mở đầu bữa ăn do Tổng Thống chủ tọa cũng có chào quốc kỳ, quốc kỳ diễn hành bởi một nhóm khoảng mười sinh viên của Republican College rước quốc kỳ, phần âm nhạc cũng do trường này phụ trách. Để giúp vui trước bữa ăn, có ba người thay nhau nói chuyện vui, chọc cười, làm cho hội trường thỉnh thoảng lại có màn cười rộ thật vui, tiếp phần diễn văn của Tổng Thống đọc trước phòng ăn khoảng gần hai ngàn quan khách tham dự gồm : Quốc hội, chánh quyền, các đoàn thể thuộc đảng cộng hoà. Sau bữa ăn, có phần cocktail tùy theo người nào thích uống rượu, nước ngọt v.v...

Thường người ta dùng thời giờ này để trao đổi những vấn đề quốc nội, quốc ngoại, chính trường hoạt động đoàn thể v.v... kín đáo hơn nữa họ hẹn nhau đến những bar hay cafeteria cũng ở trong hotel để đàm đạo riêng tư, hoặc mời về phòng riêng của mình để nói chuyện Đó là vấn đề vận dụng cá nhân, còn vận dụng cho một quốc gia hay tập thể như :

—Nicaragua, Mojambic v.v... họ cần có chuyên viên sắp xếp “Politic fund raising officer” họ lo cho có đủ khuôn mặt, có thể đồng ý hoặc phê chuẩn những dự án xây dựng cho đoàn thể, xứ sở v.v...kể

cả phần diễn văn nếu mình viết không được ăn ý cho mục đích trên, họ cũng có thể làm cho mình luôn. Nói như trên có nghĩa là họ sẽ thuê cho mình một căn phòng để làm diễn đàn có thể chứa được một ngàn dự thỉnh viên, bạn có cần báo chí đến phỏng vấn cho xôm tụ không ? Bạn cần người cổ súy vỗ tay cho bạn, mỗi lần chấm dứt một vấn đề gì, phải không đều có hết. Miễn là bạn phải có tiền để chi cho cuộc vận động đó.

Con mắt của người Mỹ, bạn có tiền, họ sẽ làm cho bạn có tiền thêm lên. Tỷ dụ :

—Bạn chỉ cho một buổi diễn thuyết hết 30.000 thì họ sẽ mời khách tham dự bữa ăn để bồi hoàn lại số tiền đã chi ra ở trên. Có thể bạn lỗ hay lời một chút không đáng bao nhiêu ? Làm chính trị ở Hoa kỳ sướng thiệt, nếu cuộc vận động đó diễn ra ở Việt Nam thì bạn chỉ có đi luôn chứ làm gì có chuyện hồi số phải không giúp bạn.

Trường hợp Nicaragua cũng nhờ nhân vật mà tôi vừa thưa ở trên tổ chức và đã thành công như vậy đó ! Những nhà yêu nước VN chúng ta có dám bỏ tiền thử thách như vậy chăng ? Nếu hoài nghi ? !

Xin liên lạc với toà báo để chúng tôi có những tài liệu dẫn chứng để quý vị biết : bằng tape, hình ảnh, tài liệu v v... Kẽ viết bài này đặt nhiều hy vọng vào thiện chí của quý vị hàng ưu tư đến đất nước hãy thử làm một bài toán xem kết quả ra sao ?

Ngày thứ hai, là ngày của Phó TT Bush mời ăn cũng không khác ngày trước của TT Reagan mời là bao nhiêu ? Song sôi nổi hơn nhờ bà Jeane Kirkpatrick cựu đại sứ Hoa kỳ tại Liên hiệp Quốc lên tiếng đòi hỏi chính phủ Reagan phải giúp các nước Châu Mỹ La tinh đổi đầu với cộng sản, không chỉ đổi đầu bằng miệng, mà phải đổi đầu bằng vũ khí tối tân. Sau đó bà giới thiệu với cử tọa các đại diện kháng chiến của Nicaragua, Mojambic và Ethiopie lần lượt đứng lên nói chuyện.

Kết quả, Nicaragua được giúp 120 triệu dollars đang còn chờ Hạ viện Hoa kỳ thông qua thì dân Nicaragua sẽ dễ thở một chút. Rất buồn !!! Chúng ta là những người đến Hoa kỳ cả 11 năm nay mà chưa có diễn đàn, tiếng nói của người Việt trước chính phủ, dân cử và đoàn thể Hoa kỳ. Trong khi đó Nicaragua ít hơn chúng ta mà mới đến Hoa kỳ được năm năm mà thôi ! Chúng ta nghĩ sao ? Tôi tin

tướng vào các bậc đàn anh hãy ngưng chia nhiều phe phái, ta hãy tập trung phương tiện cho một hướng đi với mục đích phải thắng được dư luận Hoa kỳ, như Nicaragua đã thắng. Khi quý vị có quyết tâm, chúng tôi xin làm viên gạch lót đường để dẫn quý vị tới đích : The 1986 Conservative Political Action Conference năm tới 1987.

Còn ngày thứ ba và thứ tư là những lá bài sáng giá của cộng hoà chuẩn bị cho cuộc chạy đua vào toà Bạch ốc năm 1988.

Kỳ sau, nếu không có gì trở ngại chúng tôi sẽ hầu quý ái hữu một kỳ về : Những lá bài sáng giá được chuẩn bị như thế nào ? Chúc quý ái hữu có sức khoẻ để vận dụng cho một tương lai tươi sáng Việt Nam.

NGUYỄN BỘ HÀNH



TÌNH ÁI HỮU

□ Nguyễn Đức Súy

Tháng sáu vừa qua, chúng tôi đi một vòng qua New Orleans, Washington DC và Montreal, và có dịp gặp gỡ một số anh chị ái hữu tại những nơi này. Đến đâu chúng tôi cũng được các anh chị ái hữu đón tiếp nồng hậu, nói lên tình ái hữu đậm đà mà có lẽ chỉ trong gia đình Công Chánh chúng ta mới có.

Đến New Orleans chúng tôi được anh chị Hoàng ngọc Ân dành cho xứ dụng căn nhà mặc dầu anh chị Ân đi nghỉ hè trong thời gian chúng tôi lưu lại N.O. Anh chị Phan đình Tăng tổ chức một buổi họp Ái hữu tại nhà và cho chúng tôi cơ hội gặp các anh chị ái hữu N.O. Ngoài các anh chị ái hữu trong gia đình Công chánh số anh chị như anh chị Trang, Cấn, Tào, Hợp, Bảnh, bữu v.v..., còn có một số anh chị trong gia đình Công binh như anh chị Phong và Nga. Các anh chị đem đến đủ thức ăn ngon, đặc biệt chị Tăng cho ăn caviar và anh bảnh tự tay làm lấy món ăn “gumbo soup”. Lâu lắm mới có dịp gặp nhau, câu chuyện nói hoài không hết, và buổi họp mặt đến khuya mới chấm dứt.

Ngày thứ hai, anh chị Tăng nghỉ đi làm một ngày, và đưa chúng tôi đi xem các thắng cảnh của N.O. Chúng tôi đi từ Nam lên Bắc, từ Đông sang Tây, không có chỗ nào đáng xem mà không đặt chân tới. Trong lúc đi, anh Tăng kể cho chúng tôi nghe những chuyện về New Orleans. Chuyện của anh Tăng rất ý nhị, chúng tôi nghe mãi không chán. Anh Bùi đức Hợp cũng tình nguyện đưa chúng tôi đi xem một khu thiên nhiên, gần N.O. Nhưng vì thời giờ eo hẹp, nên chúng tôi

đánh phải khước từ, hy vọng một dịp khác sẽ có thể đáp lại tấm thịnh tình của anh Hợp.

Ở Washington DC chúng tôi có đến thăm anh chị Bửu Đôn ở Silver Spring, Maryland.

Anh chị Đôn mới mua nhà ở đây khoảng một năm và anh Đôn tự làm lấy basement ; từ vách tường, đến điện, nước, thoát nước, máy nóng, máy lạnh, anh Đôn đều mua đồ, đọc sách và tự làm lấy hết, chúng tôi phục sát đất.

Sau gần mười một năm mới gặp lại nhau, chúng tôi thấy anh chị Đôn cũng không thay đổi gì nhiều, vẫn cốt cách phong nhã như xưa. Anh chị Đôn cho chúng tôi thưởng thức một châu Pizza và chuyện hàn huyên chưa hết thì chúng tôi phải từ giã.

Chúng tôi quá tiếc vì thời gian gặp nhau quá ngắn ngủi, vì chúng tôi bị kẹt xe trên xa lộ gần hai giờ. Chúng tôi cũng có dịp gặp anh chị Ngô Năm (Silver Spring, Maryland) và anh chị Nguyễn cửu Đạt (Greenville, South Carolina) trong một buổi họp mặt tại nhà một người em của chúng tôi ở Virginia.

Chúng tôi định đi thăm hay liên lạc với một số ái hữu khác như cụ Lê Sĩ Ngạc, anh Bùi thanh Dương, Anh Nguyễn sĩ Tấn v.v... Nhưng vì thời giờ không cho phép nên đành xin cáo lỗi với các ái hữu đó.

Đến Montreal, Quebec, chúng tôi được anh chị H.K.(anh H.K. khiêm nhượng không muốn nói tên) dành cho một căn nhà và xe để sử dụng trong thời gian ở Montreal. Điều đáng nói là chúng tôi và anh chị HK chưa biết nhau trước. Qua một người bạn, anh HK nghe nói chúng tôi sắp qua Montreal. Anh H.K. liền điện thoại cho tôi, và “offer” những phương tiện vừa nói cho chúng tôi. Quá cảm động, chúng tôi không biết làm gì hơn là nhận sự giúp đỡ bất ngờ đó.

Anh H.K. còn đưa chúng tôi đi chơi, và đi ăn ở một tiệm đồ biển rất nổi tiếng ở khu Vieux Montreal. Anh H.K. nói anh chị ái hữu nào định qua Montreal chơi và căn nhà ở, xe cộ hay hướng dẫn, anh H.K. sẽ sẵn lòng giúp đỡ chúng tôi vậy.

(ghi chú : vì anh H.K. không cho biết tên, xin liên lạc với tôi nếu cần). Chúng tôi cũng rất vui mừng vì được gặp lại anh Nguyễn Bách, trước làm ở Tổng nha kiến thiết. Anh Bách và cháu trai, Nguyễn bảo Quân, vừa từ trại tị nạn ở Nhật đến Montreal từ hồi tháng 12-85.

Mặc dầu mới đến và mới đi làm được mấy tuần, anh Bách cùng anh HK đến đưa đón chúng tôi ở phi trường Mirabel và nghỉ một ngày để đi chơi cùng chúng tôi. Chúng tôi cũng có cơ hội gặp một số anh chị ái hữu Montreal trong một buổi ăn tối. Mặc dầu không được báo tin trước, anh Phạm hữu Vĩnh cũng đã tổ chức cấp tốc một bữa ăn tối tại một nhà hàng ở Montreal, khi nghe nói chúng tôi qua.

Nhờ vậy, chúng tôi mới gặp lại được các anh chị Phạm hữu Vĩnh, Nguyễn quang Di, Tôn Thất Đồng, vũ ngọc Can và anh Phạm nam Trường (các anh H.K. và Nguyễn Bách cũng tham dự buổi họp mặt này). Trừ anh chị Vĩnh, chúng tôi có gặp cách đây mấy năm khi anh chị qua thăm California, các anh chị khác chúng tôi chưa được hân hạnh gặp lại, từ hồi 1975 cho đến nay.

Chúng tôi thấy các anh chị đều không thay đổi gì nhiều, so với trước. Các anh chị Vĩnh và Di nay đã hồi hưu, vui thú điền viên, không còn bận tâm gì, vì các cháu đều đã thành đạt.

Các anh Đồng, Can và Trường đi làm cho city hoặc cho một công ty quốc doanh, địa vị vững chắc; có lẽ nhờ vậy mà anh nào trông cũng trẻ và phương phi. Hai chị Đồng và Can vẫn trẻ và đẹp như hồi ở Việt Nam.

Chúng tôi chỉ tiếc là thời gian lưu lại Montreal quá ngắn, không cho phép chúng tôi đi đến thăm từng nhà và nói chuyện nhiều hơn.

Chuyến đi vừa qua giúp chúng tôi, có dịp gặp lại các bạn thân đã nhiều năm không gặp, và biết thêm các bạn mới. Gia đình Công chánh đông đúc, tình ái hữu Công chánh đậm đà, chúng tôi thấy may mắn thuộc vào gia đình đó và san sẻ mỗi tình ái hữu đó.

Chúng tôi mượn bài này, để cảm ơn tất cả anh chị ái hữu đã dành cho chúng tôi, một sự tiếp đón nồng hậu, và những cảm tình đặc biệt trong chuyến đi này. Chúng tôi mong sẽ có cơ hội gặp lại và đón tiếp các anh chị ở San Francisco.

NGUYỄN ĐỨC SÚY

QUÊ HƯƠNG XA VẠN DẶM

Bài của **Cao Nguyên**

Tối nay thứ sáu, sau khi com nước, tôi ngồi xem TV cùng với gia đình tại phòng khách. Sau một tuần “đi cày”, tôi muốn nghỉ xả hơi để sống với không khí gia đình.

Tối nay TV đài 13 chiếu đoạn cuối của phim The Longest Day vì phim này khá dài (liên tục khoảng 3 tiếng) nên đài 13 chia ra chiếu trong hai đêm, đêm qua và đêm nay. Đêm nay phim chiếu từ đoạn những chiến hạm Mỹ, bắt đầu tấn công và đổ bộ lên bờ biển Normandie vào ngày 6-6 và khởi đầu cuộc giải phóng nước Pháp cùng Âu châu khỏi sự thống trị của Đức quốc Xã. Phim thuộc loại lịch sử, dàn cảnh công phu và gồm nhiều tài tử danh tiếng, nên xem thấy thích thú.

Cốt chuyện phim The Longest Day lấy từ một cuốn sách đã bán chạy nhưt — best seller — ghi lại những sự kiện hay giai thoại có thực, do tác giả cuốn sách là Cornelius Ryan đã dày công tra khảo tài liệu lịch sử thế chiến thứ hai, của cả hai phe, Đồng Minh lẫn Đức.

Kỹ nghệ điện ảnh Hollywood vẫn thường làm như vậy, lấy nội dung những cuốn sách best sellers để quay thành những cuốn phim ăn khách khác. Love Story là một trong những thí dụ khác.

Tôi xin tạm mở ngoặc, tôi viết đến đây, vợ tôi đến hỏi tôi viết gì đó và xin được đọc. Đọc đến đoạn Love Story, bà xã ôm bụng cười một lúc mới nói được :

— “Ông ơi, con cái đã lớn hết rồi (đứa lớn nhất được 25) ông còn nhớ đến giai đoạn yêu đương khi chúng ta cùng nhau xem phim này (Love Story) ở rạp Rex, Sài Gòn hay sao ? Con cái đã lớn hết rồi, không lo dựng vợ gả chồng cho chúng, ở đó lo nhớ chuyện yêu đương lắm lắm ?”

Tôi chống chế :

— “Anh đang nhớ đến đoạn cuối của cuốn phim, câu kết — Love is not to say I am sorry — đó chứ ! ”.

Bà xã chịu quá, nói dả lả :

— “Sáng mai, nhớ đưa “người ta” đi chợ mua đồ ăn đó, nếu không cha con ông ăn cơm với nước tương, ráng chịu !” Tôi xin đóng ngoặc.

Sáng thứ bảy, tuân theo “Lệnh bà xã”, khoảng 10 giờ, tôi lái xe đưa bà xã ra vùng chợ VN trong little Sài Gòn để mua thức ăn cùng mượn vài cuốn phim Video loại chương.

Trước tiên, tôi lái xe đến khu nhà hàng Đồng Khánh, nơi có trụ sở tuần báo Lĩnh, để lấy một vài tờ báo VN (biểu không) cùng là mượn vài cuốn phim video (mỗi cuốn là 1 đồng một ngày).

Tôi chợt thấy một chiếc xe vừa lui ra, định lái vào chỗ đậu đó nhưng một chiếc xe khác, chủ vẫn còn tỉnh “chôm chia”, chạy ngược chiều thật nhanh, chiếm mất chỗ đậu rồi.

Tôi đành lái xe đậu dọc theo khúc đường vắng gần khu này. Sau khi lấy báo, mượn phim xong, tôi lái đến khu chợ VN, mang những tên hiệu Taiwan hay ngoại quốc xa lạ. Thôi thì tài tử giai nhân dập dìu, những tà áo dài thướt tha cũng những kiểu áo phụ nữ thời trang hay những kiểu tóc hiện đại “dựng đứng như rế tre”.

Tôi có cảm giác là “minh về thăm lại quê hương, nếu không có bảng tên đường Bolsa Avenue nằm ở góc đường !

Đi chợ xong, chúng tôi về nhà, vợ tôi lo nấu nướng, tôi kiểm lại hai đứa nhỏ, học High School, xem chúng đã làm home work hay chưa ? Sau khi đọc xong được một bài báo, tôi bắt chước áp dụng châm ngôn “No homework, no TV”. Bài báo thuật về hiện tượng trẻ em VN hay Á châu vẫn thường học trội hơn những trẻ em Mỹ khác. Nhiều nhà học giả nghiên cứu, điều tra xem tại sao có việc này, và

thuật lại một số chủ trương của những gia đình người Á Châu về vấn đề học hành của con cái. Một là việc học hành, đỗ đạt là con đường tiến thân của con trẻ sau này. Hai là “No homework, no TV”, áp dụng cho trẻ em lẫn người lớn, cha mẹ của chúng. Sau khi trẻ em làm bài tập, học bài xong, những người trong gia đình mới được xem TV hay nghe nhạc. Và nhiều phương châm khác.

Buổi chiều, tôi đưa mấy cuốn phim Video mới mượn cho hai đứa nhỏ để chúng xem vì chúng đã làm xong bài tập và học bài xong. Những cuốn băng này nằm trong truyện phim chương, loại trường thiên, “Lục chỉ cầm ma” gồm 13 tập. Những phim chương thông thường gồm từ 10 tập trở lên, có phim gồm đến 30 tập !

Những phim này đa số sản xuất tại Hồng Kông, chuyển âm tiếng Việt Nam. Xem những phim này chỉ đơn thuần để giải trí thôi, chớ tôi ngại vấn đề “tiếng VN” của loại phim này lắm. Văn phạm, cú pháp, hay giọng nói, v.v...nhiều khi theo lối Trung hoa !

Tôi ngại bọn trẻ xem nhiều phim loại này, một ngày nào đó chúng sẽ “nói ngọng” hết trơn ! !

Riêng tôi, tôi năm nghe những cuốn băng cassette, tân nhạc hay cổ nhạc, đã sản xuất trước năm 1975, nay được phát hành lại. Dân chúng vùng Nam California được dịp tiếp xúc với nhiều phương tiện truyền thông tiếng VN. Trước kia, tôi ở North Carolina, muốn kiếm một quán ăn thuần túy Việt Nam hay một cuốn băng cassette nhạc VN thật là khó khăn.

Tôi nghe nhạc trong phòng riêng trên lầu. Tiếng hát Khánh Ly, Thanh Thúy, v.v... vẫn ngọt ngào, truyền cảm. Tôi nghe đến những cuốn băng cổ nhạc, vẫn đầy đủ những tiếng hát ăn khách ngày trước như Thanh Nga, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Bạch Tuyết, v.v...hay giọng nam như Thành Được, Hữu Phước, Dũng Thanh Lâm, v.v... Một Thanh Nga đã đi vào lòng đất mẹ, những Lệ Thủy, Bạch Tuyết,... đang chịu kiếp đọa đày ! Phải chăng “Hồng nhan bạc phận” ?

Tôi đang nghe tường “Kiếp nào có yêu nhau?”, tường thuật lại cuộc sống chiến đấu và tình cảm của hai dũng tướng (nam, nữ) Mông cổ trên đất Trung nguyên (sic). Sau khi quân Mông cổ chiếm được thành Diệp Châu, nữ tướng MC (Lệ Thủy) hỏi chiến hữu MC (Dũng thanh Lâm) :

—“Đại ca, chừng nào mình về lại quê hương ?” đáp :

—“Sớm chừng nào tốt chừng đó !”

Kết cuộc vỡ tường là LT đưa xác người yêu DTL về chôn ở quê hương Mông cổ ! !

Tiếng hát lệ Thủy vẫn cao vút, đầy tình cảm, làm tôi nhớ lại thời gian trước 75, những lúc tôi về thăm quê ngoại, Bà Rịa.

Những buổi trưa hè, nằm dưới mái hiên, tôi nghe văng vẳng tiếng hát Lệ Thủy từ bên kia nhà, cách nhau hai khoảng sân thật rộng. Tiếng hát LT, Mỹ Châu hợp với không gian, thời gian này. Tiếng hát Thanh Nga đậm ấm chỉ thích hợp với khung cảnh “Thính phòng” hay sân khấu đô thị.

Những năm ở Sài Gòn, tôi được dịp xem vỡ tường “Người vợ hai lần cưới” do tổng hợp tài danh cổ nhạc, trong đó có Thanh Nga, Bạch Tuyết, trình diễn tại rạp Cao đồng Hưng, Gia định. Ông cụ thân sinh tôi cùng ký giả Thanh Tâm và một số người khác, đứng ra tổ chức buổi hát này để gây quỹ Hậu phương yểm trợ Tiền tuyến.

Xem hát xong, sau đó tôi cứ nghĩ ngợi và buồn nhiều, mặc dầu tôi vẫn biết đó là một vỡ tường được đặt ra. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng, nếu ai (hay những ai) lâm vào hoàn cảnh tương tự, có phải họ sẽ đau khổ biết chừng nào ? !

Thật vậy, sau năm 1975, biết bao nhiêu cảnh “NV 2 lần cưới” hoặc gia đình ly tán đã xảy ra.

Phải chăng nhà soạn giả của vỡ tường này là một nhà tiên tri ? !

Trước khi tiếp tục đọc báo VN địa phương, tôi đã phải khất với bà xã là sáng mai tôi sẽ sửa soạn lại mảnh đất nhỏ sau nhà để bà làm vườn rau. Tôi đọc báo, đọc được một bài trả lời của nhà văn Lê văn Khoa, để đáp ứng một bài viết của nhà văn Bình Nguyên Lộc. BNL đã viết, đại khái nói rằng những ca sĩ Sài Gòn không ai có thể ca hay bằng những ca sĩ phe Cộng !

Nhà văn Bình Nguyên Lộc (tên thật là Tô văn Tuấn) là một trong những văn sĩ miền Nam nổi tiếng, đóng góp rất nhiều cho lịch sử văn học (VNCH) cận đại.

Với bài báo trên, phải chăng ông đã bị bọn CS tẩy não hay là ông đã đưa đon hoá mù để che mắt CS, nhằm mục tiêu nào đó ?

Sau 75, đã xảy ra biết bao nhiêu đon hoá mù này ! Những công nhân tiên tiến được CS đề cao, những bảo vệ viên cơ sở được bọn CS khen ngợi, hình ảnh tay cầm súng AK được đăng lên lịch của báo Sài gòn giải phóng, rốt cuộc những người này đã vượt biên ! Tôi cho rằng những vị này mới là những kịch sĩ tài ba, đã để lại tặng bọn CS những quả “hỏa mù” đau điếng ! !

Đã đọc hết những mục tin tức liên quan đến cộng đồng Việt Nam, trên báo VN địa phương, chiều nay chủ nhật, tôi tìm sách đọc để nghỉ ngơi cho hết những ngày cuối tuần, hầu ngày mai tiếp tục “đi cày”.

Sáng nay theo lời hứa, tôi đã dọn sạch đám cỏ sau nhà để bà xã trồng một số rau vì tiết trời đã vào xuân. Tôi kiếm được cuốn The Longest Day và đọc lại một vài đoạn.

Trước ngày 6-6, đài BBC đã phát thanh đoàn 2 của mật mã nhằm báo hiệu cho phe kháng chiến Pháp, còn hoạt động trên đất Pháp, để họ đồng thời gia tăng phá hoại những trục lộ giao thông, tiếp vận của quân đội Đức. Điệp khúc 2 này là câu thơ :

“Blesse mon coeur d’une langueur monotone”.

.Dân chúng Pháp mừng rỡ, đón nhận (kín đáo) tin tức này, vì tin tưởng rằng giải phóng đất nước đã cận kề ! !

Sau cuộc Đồng Minh đổ bộ lên bờ biển Normandie, từ ngày 6-6, sau đó trong một thời gian ngắn, nước Pháp đã được hoàn toàn giải phóng.

Bao giờ, “điệp khúc thứ hai”, nhằm giải phóng đất nước VN khỏi ách thống trị CS, được phát thanh hướng về VN

□ Cao Nguyên

Mùa Xuân 86, USA



TÀU DU KÝ

Chúng tôi sáu người, gồm có hai cặp vợ chồng bạn, “Bà cụ thân mẫu” của các con tôi và tôi, theo đoàn đại biểu Hoa Kiều ở Los Angeles đi Đài Loan dự lễ Quốc khánh Trung hoa, mà người Tàu thường gọi là lễ Song Thập.

Mình là người Việt Nam, chẳng mắc mớ chi mà đi dự lễ Quốc khánh Trung hoa. Nhưng đi như vậy giá rất rẻ, vì chính phủ Đài Loan sẽ đài thọ một phần phí tổn ăn ở trong những ngày ở trong nước họ. Tôi muốn nhân dịp đó để đi luôn vào lục địa Trung Hoa để cho biết nơi tôi hằng mơ ước. Vì từ hồi còn nhỏ, vào những ngày nghỉ học, tôi thường hay đọc truyện Tàu cho mẹ tôi nghe. Do đó, những địa danh của nước Tàu, như Tô Châu, Trường An, Giang Nam cùng với tên tuổi của các nhân vật lấy lòng như Hạng Võ, Nhạc Phi, Điêu Thuyền, v.v... Tôi đều thuộc lòng. Tôi mơ ước được một lần đứng trên Vạn Lý Trường Thành của Tần Thủy Hoàng bạo chúa. Mơ ước được dạo bước trong Lâu Đài Mùa Hạ của Từ Hy Thái Hậu, người đàn bà phi thường của Trung Hoa. Tôi mơ ước được nhìn tận mắt ngôi mộ của Nhạc Phi, vị đại anh hùng của nhà Tống. Và tôi cũng mơ ước được một lần tham dự cuộc vui “Nhất dạ đế Vương” để cho biết thế nào là lạc thú của trần gian.

Những điều mơ ước ấy, tôi tưởng không bao giờ có được. Nhưng thật là kỳ diệu, nó đã đến với tôi trong tháng 10-85 vừa qua. Thích thú nhất là tôi có dịp tới vùng đất cộng sản Tàu, sau khi vừa tới Đài Loan, để có dịp so sánh giữa hai miền Quốc gia và Cộng sản. Dĩ nhiên đời sống của hai miền khác nhau xa. Nhưng trong mấy năm gần đây của báo chí và tin đồn rằng là ông Đặng Tiểu Bình đã nhận thấy sự sai lầm của chủ thuyết Mác Lê nên ông ta muốn canh tân

xây dựng nước Tàu bằng con đường tư bản. Tôi muốn nhân dịp đó sẽ nhìn cho rõ sự thật để ước đoán tương lai Việt Nam. Vì nếu quả thật nước Tàu đi theo con đường kinh tế tư bản và sẽ trở thành tư bản, thì chúng ta có quyền hy vọng trở về quê hương lắm lắm !

Trừ thời gian ngồi trên máy bay từ Mỹ sang Tàu, và từ Tàu về Mỹ, tính ra chúng tôi đã ở trên đất trên đất con cháu Tô Định hết hai mươi chín ngày, mười tám giờ và bốn mươi phút. Tay tôi đã sờ vào bức tường đá dài vạn dặm, chân tôi đã bước trong cung vàng điện ngọc của 33 vị Hoàng đế Trung hoa, mắt tôi đã nhìn cảnh nguy nga tráng lệ của lầu đài mùa hạ. Tôi đã đi qua hàng chục thị trấn, hàng trăm thôn xóm. Tôi đã đi thăm nhiều danh lam thắng cảnh của nước Tàu.

Nhưng tôi sẽ không ghi lại đây vẻ đẹp của xứ người, vì tôi nghĩ rằng quý vị ái hữu đã đi nhiều nơi, biết nhiều chốn, cảnh đẹp thì nơi nào cũng có, mỗi nơi, mỗi vẻ. Tôi không thể ca tụng xứ đẹp của xứ người, vì không nơi nào đẹp bằng quê hương yêu mến của chúng ta. Tôi chỉ muốn ghi lại đây những điều mắt thấy tai nghe ở hai miền Quốc Gia và Cộng Sản Tàu để quý vị thấy tại sao ông Tưởng Giới Thạch vào năm 1951 chỉ với một đám tàn quân và gần như là hai bàn tay trắng, đã xây dựng được, một quốc gia có thể nói là hùng mạnh và sống yên lành cạnh anh Cộng sản khổng lồ. Tôi cũng sẽ ghi lại đây, về chính sách chiêu đãi kiều bào của chính phủ Đài Loan. Tiếc thay chúng ta không còn Quốc gia, không còn chính phủ để lấy đó làm một bài học áp dụng cho nước mình.

Nếu ngày xưa chính phủ Việt Nam Cộng Hoà cũng biết chiêu đãi Việt Kiều hải ngoại thì có lẽ các Việt Kiều đã không bị Cộng sản mua chuộc để trở thành tay sai của Cộng sản.

Lý do sau cùng để tôi gởi đăng bài này trong LTAHCC là vì tôi nghĩ rằng trong tương lai gần đây sẽ có nhiều AH du ngoạn nước Tàu. Tôi muốn ghi lại đoạn sau, một vài kinh nghiệm nhỏ để quý vị tiện chuẩn bị cho chuyến đi chơi được thoải mái và hoàn toàn vui vẻ.

Tôi không phải nhà văn, và cũng chưa hề viết văn, nên không biết đặt tên cho những điều ghi chép này là chi ? Hồi ký ? Bút ký ? Tôi thấy đều có vẻ quan trọng quá nên tôi tạm đặt cho nó cái tên "Tàu Du Ký" cho có vẻ "Tếu" và dễ tìm sự dễ dãi nơi người đọc.

Cũng vì chưa quen viết văn, nên những điều tôi ghi chép sau đây sẽ rất lộn xộn, đoạn sau ra trước, đoạn trước thành sau, thiếu mạch lạc. Nhưng có điều tôi xin cam đoan là rất trung thực. Tôi chỉ ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, không thêm không bớt. Không như câu tục ngữ “đi xa về tha hồ nói khoác”.

Tôi sẽ chia “Tàu Du Ký” ra làm hai phần, phần một nói về Đài Loan của Tàu Tự do, phần hai nói về nước Tàu cộng sản. và trước khi vào phần một, tôi xin có vài giòng sơ lược về Đài Loan :

“Đài Loan là một hòn đảo nằm về phía Tây Nam Trung Hoa. Chiều dài tính từ Nam tới Bắc là 240 dặm, diện tích toàn thể 14.000 dặm vuông. Dân số hiện nay ước độ 19 triệu. Đồi núi bao bọc 2/3 lãnh thổ, trong đó có 62 ngọn cao hơn 10.000 ft. Sản phẩm chính của Đài Loan là tre và cẩm thạch.

Nguyên Đài Loan là một hòn đảo nhỏ của nhóm dân tộc thiểu số Trung Hoa sinh sống, thường được gọi là Taiwanese. Vì là một hòn đảo nhỏ (diện tích của Đài Loan chỉ bằng 1/500 Hoa lục), lại không có nhiều sản lượng bằng các miền khác ở lục địa nên Đài Loan không được các triều đại vua chúa lưu tâm. Lợi dụng chính quyền trung ương không để ý, năm 1895, Nhật Bản xua quân xâm lấn và chiếm đóng từ đó cho tới ngày 6-8-1945, khi quả bom nguyên tử nặng 9.000 lbs từ trong lòng chiếc phi cơ B29 của không lực Hoa kỳ do trung tá phi công Paul Tibbets điều khiển được thả xuống Hiroshima, và ba ngày sau một cuộc oanh tạc nguyên tử tương tự đã tàn phá Nagasaki, buộc Nhật đầu hàng đồng minh, thì Đài Loan được Nhật trao trả cho chính quyền Trung Hoa Dân Quốc.

Trước khi trao trả, quân đội Thiên hoàng cho chở đi hết những máy móc và tài nguyên quý giá, chỉ để lại những dụng cụ hư hỏng với những Taiwanese an phận thủ thường, không hề biết tới chính quyền Trung hoa là gì. (Ngay cả đến ngày nay, khi chúng tôi tới thăm miền sơn cước Hoa Liên, nơi còn nhiều Taiwanese sinh sống, tôi có hỏi một người dân địa phương là có đi Đài Bắc dự lễ quốc khánh không thì ông ta có vẻ ngơ ngác không biết ngày quốc khánh Trung hoa là chi).

Sau khi được Nhật trao trả, Đài loan vẫn bị chính quyền Trung quốc bỏ quên. Mãi cho đến mùa Xuân năm 1949, quân đội cộng sản

Trung Hoa, dưới quyền thống lãnh của tướng Lâm Bưu, mở cuộc vận lý trường chinh, tàn công quân đội Tưởng giới Thạch. Từ biên cương Mông cổ, cộng quân vượt Vạn lý trường thành tiến chiếm Bắc Kinh rồi vượt sông Dương Tử chiếm Nam Kinh và Thượng Hải. Tưởng giới Thạch phải di tản chiến thuật xuống Hoa Nam, đóng binh tại Phúc kiến.

Đầu năm 1951, bị quân của Lâm Bưu truy kích. Cùng đường tuyệt lối, Tưởng Giới Thạch cũng bộ tham mưu vơ vét đám tàn quân dùng tàu thủy vượt biển ra Đài Loan lập căn cứ kháng chiến, lấy hai đảo Kim Môn và Mã Tổ làm tiền đồn tử thủ. Kể từ đó, nước “Đài Loan” được khai sinh và Taipei được chọn làm thủ đô.

I.- ĐƯỜNG ĐẾN ĐÀI LOAN

Chiếc phi cơ của 747 của hãng China Air Line cất cánh từ phi trường Los Angeles lúc 3 giờ chiều ngày 4-10-85 đưa chúng tôi sang Tàu.

Trời hôm ấy thật tốt, trong và rất xanh, mây xuống thấp, chiếc phi cơ nhẹ trôi trong không gian, nhắm hướng Tây trực chỉ. sau bữa ăn tối tất cả mọi người đều bật lưng ghế ra ngủ để lấy sức. Khi tôi tỉnh giấc, chợt nghe tiếng của cô tiếp viên phi hành dịu dàng báo tin phi cơ đang giảm cao độ để đáp xuống phi trường Đài Bắc, khoảng 5 giờ chiều Đài Loan. Tôi nhìn đồng hồ nơi tay thấy kim chỉ đúng 3 giờ sáng Cali. Khoảng 10 phút sau chúng tôi đặt chân vào phi cảng Đài Bắc.

Đứng ở phi trường Đài Bắc, mà tôi cứ ngỡ là mình đang đứng ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Vì từ người phu khuân hành lý, cho tới cô nữ tiếp viên, ông quan thuế, ông cảnh sát, ai ai cũng đều da vàng mũi tẹt, làm cho tôi có cảm tưởng mình vừa về tới Tân Sơn Nhứt sau một chuyến đi xa.

Chúng tôi theo người hướng dẫn vào phòng khánh tiết phi cảng thì thấy một số đồng người Tàu ngồi ở đó. Họ cũng là Hoa kiều hải ngoại ở các nơi khác về Đài Loan dự lễ quốc khánh, và cũng từ các phi cơ khác xuống.

Vài phút sau thì ông Bộ trưởng kiều vụ Đài Loan đến. Ông ngỏ lời chào mừng tất cả đại biểu và cảm ơn kiều bào đã không ngại tốn kém thì giờ và tiền bạc về dự lễ quốc khánh lần thứ 74 của Cộng Hoà Trung Hoa. Để đáp lại lòng yêu mến quê hương của kiều bào, chính

Trung Hoa. Để đáp lại lòng yêu mến quê hương của kiều bào, chính phủ sẽ chiêu đãi năm ngày tại năm đại tửu lâu khác nhau để kiều bào có dịp thưởng thức những món ngon quê hương, và sẽ đưa kiều bào đi thăm các cơ sở quốc phòng, để kiều bào có dịp nhìn thấy sự hùng mạnh của quốc gia. tiếp theo, một nhân viên thuộc bộ kiều vụ nói cho chúng tôi biết hồi xuất trong ngày của đồng Mỹ kim, cùng giá cả của một tách cà phê, một chai bia v.v...để chúng tôi khỏi bị lầm lẫn khi mua bán. Sau đó, chúng tôi theo ông nhân viên này lên xe buýt về khách sạn, cất hành lý và đi dự một buổi cơm tối có ca nhạc do đoàn văn nghệ Bộ Kiều Vụ Đài Loan trình diễn.

Hôm sau, chúng tôi đi thăm thành phố Đài Bắc, và riêng nơi thờ phụng Bác Sĩ Tôn Dật Tiên, nhà cách mạng đã lật đổ triều đại nhà Mãn Thanh (Ching's Dynasty) của Từ Hy Thái hậu để lập nền trung Hoa Dân Quốc vào ngày 1-1-1912. Bác Sĩ Tôn dật Tiên qua đời năm 1925 tại Nam Ninh và được chôn cất tại đó. nay thuộc về phần đất cộng sản. Khắp ba miền Nam, Trung, Bắc Đài Loan đều có lập đền thờ để ghi nhớ công đức của ông.

Riêng tại Đài bắc thì đền thờ của ông lớn không thua chi nhà mồ của Mao trạch Đông ở quảng trường Thiên an Môn tại Bắc Kinh.

Chúng tôi cũng có đi thăm nơi để quan tài ông Tưởng Giới Thạch. Ông Tưởng giới Thạch mất năm 1975. Khi sắp mất, ông Tưởng yêu cầu được tắm liệm trong quan tài bằng cẩm thạch và quản tại ngôi nhà nghỉ mát của ông, chờ khi nào giải phóng được Hoa lục thì đưa về mai táng tại quê nhà ông ở tỉnh Hồ Nam.

Con trai ông là Tưởng kinh Quốc được quốc hội bầu làm Tổng thống, đã làm theo lời trăng trối của ông. Ngày nay, những người yêu mến và ngưỡng mộ ông vẫn thường đến thăm viếng nhục thể của ông đã được gói kín bởi chiếc quan tài cẩm thạch. Riêng giấc mộng đem nắm xương tàn về chôn chôn nhau cất rốn của con người có công lớn với 19 triệu dân Đài Loan sẽ không bao giờ được thực hiện, bởi lẽ rất giản dị là ... niềm mơ ước của ông Tưởng giới Thạch chỉ là “ảo mộng !”

Cho đến ngày hôm nay, không những chỉ những người Trung hoa Quốc gia mà ngay cả trong hàng ngũ cộng sản Tàu cũng còn nhiều người nhớ đến những cố gắng vô biên và lòng bất biến của ông

Tướng Giới Thạch, đã đem lại niềm hân diện cho dân tộc Trung hoa. Hoà ước ngày 9-9-1945 mà tướng Okamura đã nhân danh Nhật Hoàng ký kết với các vị tư lệnh quân đội đồng minh trên chiến hạm Missouri mà trong đó có ghi những giòng chữ lịch sử :

“Chúng tôi nhìn nhận lực lượng chúng tôi bị lực lượng đồng minh đánh bại hoàn toàn, và chúng tôi đầu hàng Thống chế Tưởng Giới Thạch không điều kiện.”

Ông Tưởng Giới Thạch đã làm cho toàn thể nhân dân Trung Hoa, hồi đó vững lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng trong trận chiến Trung Nhật. Dầu sau đó có ra sao chăng nữa, lịch sử cũng không thể quên được rằng Chính Tướng giới Thạch đã đưa xứ sở ông đến cuộc chiến thắng năm 1945.

Trong suốt mười hai ngày ở Đài Loan, chúng tôi đã đi từ Bắc tới miền cực Nam, đã đi thăm viếng rất nhiều nơi. Chỗ nào chính quyền địa phương cũng tổ chức tiếp đón rất rầm rộ, tựa như phái đoàn chính phủ đi kinh lý. Riêng ở hải cảng Kaoshiung lại có tổ chức mua lân trong sân ga và dân chúng tụ tập hai bên đường hoan hô vang dậy khi xe chúng tôi chạy qua. Trên đường chúng tôi đi qua , nhiều biểu ngữ với các khẩu hiệu :“WELCOME OVERSEA CHINESE”, “THE REPUBLIC OF CHINA WELCOME OVERSEA CHINESE ” v.v...

Thật là một sự chiêu đãi kỳ lạ và ngoạn mục. Từ Đài bắc chúng tôi được phi cơ quân sự chở đi thăm đường chiến lược ở Hoa Liên.

Phi cơ chở chúng tôi tới chân đèo rồi từ đó theo xe buýt vào đường chiến lược.

Đường ngoằn ngoèo giữa hai núi đá cao vòi vọi, dài 250km đã được công binh ông Tưởng khai phá và thiết lập vào mùa xuân 1951 để chuyển quân kháng chiến.

Công binh đã làm đường với những dụng cụ bằng tay và mìn. Số người chết vì bệnh hoạn và bị đá sập đè chết lên tới cả ngàn. Phải nói hồi đó mà tập hợp được công binh để làm đường Hoa liên thật là một kỳ công, vì khi chạy theo ông Tưởng ra Đài Loan, thì quân nhiều hơn lính, lính nhiều hơn súng và súng nhiều hơn đạn !

Trong cuộc đời, tôi đã đi nhiều nơi, tới nhiều chốn. Từ Ấn Độ, rồi gần khắp Âu Châu, đến Gia Nã Đại và nhiều nơi trên đất Mỹ, nhưng

không nơi nào làm tôi bồi hồi xúc động bằng những ngày ở Đài Loan ! Đi giữa lòng thành phố Đài Loan mà đôi khi tôi cứ tưởng đang bước giữa thủ đô Sài Gòn mến yêu !

Những cảnh xe Honda, vespa chen lấn với xe hơi, tiếng rao “hầm xôi phá xán” hoà lẫn với tiếng mõ “xúc xắc” rao hàng của anh bán hủ tiếu đã tạo nên một khung cảnh và âm thanh đặc biệt của Sài Gòn Chợ lớn thuở nào.

Đứng nhai phá lẩu ở giữa thủ đô Đài Bắc, mà tôi lại tưởng tượng đang đứng ở ngã tư Pasteur Lê Lợi, cạnh quán nước mía Viễn Đông mà bên kia bức tường là Tổng cục kiều lộ có mẹ Ai Văn trắng trẻo hào hoa với chiếc xe huê kỳ màu đen láng coóng.

Những ngày đi về miền quê thì thật là muôn vàn cảm xúc. Từ cảnh con trâu gặm cỏ bên vệ đường, đến lũy tre xanh, gian nhà gạch với những thân cây thẳng tắp, ngôi cổ miếu dưới tàng cây cổ thụ, có tiếng chim hót líu lo, và nhất là... mùi hương trầm thoảng đưa trong gió, cái gì cũng làm cho tôi gọi nhớ gọi thương !

Đời sống của nhân dân Đài loan nói chung là trung bình. Lợi tức đầu người hàng tháng là 50 dollars, nếu cứ tính mỗi gia đình bốn người có một người đi làm.

Nhà cửa của giới bình dân tuy không sang trọng như ở Mỹ, nhưng cũng có đầy đủ tiện nghi.

Về kinh tế thì Đài Loan sản xuất đủ thứ nhu cầu cho dân chúng, không phải nhập cảng một thứ gì. Hiện Đài Loan đang bắt đầu công việc sản xuất phi cơ mà nhà máy được đặt ra tại hải cảng Kaoshiung. Điểm đặc biệt là tôi không hề thấy một người ăn mày nào trong suốt thời gian tôi ở đó. Người bạn cùng đi với tôi, anh Thái Doãn Ngà, nguyên trưởng khu học chánh Đà Nẵng, năm 1973 đã qua Đài loan tu nghiệp, nay trở lại đó đã nói rằng sau 12 năm anh nhận thấy Đài loan tiến bộ gấp hai mươi lần. Theo tôi nghĩ, sở dĩ “nước” Đài loan có và tồn tại được là nhờ họ có những người lãnh đạo giỏi và quyết tâm. Nếu như ông Tưởng giới Thạch và hững người cộng sự của ông cũng hèn nhát và tồi tệ như Nguyễn văn Thiệu và bè lũ thì nhất định không có Đài loan tự do và tiến bộ như ngày nay. Trong tương lai thì chưa biết Đài loan đi về đâu. Vì dầu cho Đài loan có tiến bộ và hùng mạnh mấy đi nữa, nhưng so với Trung cộng thì

Đài loan vẫn chỉ là con nhai bén.

Do đó, tâm trạng người dân Đài loan luôn luôn phập phồng lo sợ, một ngày nào đó sẽ bị cộng sản thôn tính.

Ngày tôi sắp rời Đài loan thì ông Bush, phó tổng thống Mỹ đến Bắc kinh, thăm đáp lễ ông Hồ Diệu Ban, Tổng thư ký đảng cộng sản Trung Hoa đến thăm Hoa kỳ vào mùa hè 85. Khi tiếp ông Bush tại nhà đại sảnh nhân dân ở Bắc kinh, Đặng tiểu Bình đã lên tiếng cảnh cáo rằng nếu người Mỹ còn tiếp tục giúp đỡ Đài Loan, về ngoại giao, về chế tạo vũ khí và giúp đỡ những nhà tư bản Đài loan chuyển tiền ra nước ngoài, thì Bắc kinh sẽ dùng vũ lực “sát nhập” Đài loan vào Trung quốc sớm.

Ngay sau khi đài báo Bắc kinh loan tin trên thì cả thủ phủ Đài Bắc xúc động và mọi sinh hoạt bị xáo trộn tức thì Thị trường hối đoái của đồng Mỹ kim tăng vọt, từ 40NT ăn một mỹ kim vào buổi sáng, đã nhảy lên 43, 45 rồi 50. Cả thủ đô Đài Bắc nhốn nháo y hệt như Sài gòn lúc nghe tin Ban Mê Thuột thất thủ. Trông họ thật là tội nghiệp !

Tôi rời Đài loan vào buổi chiều có nắng hanh vàng ươm, đầy không khí ngọt ngào xáo trộn đó với tất cả lòng triu mến.

Giã từ Đài Loan ! Giã từ người bạn da vàng có nhiều liên hệ lịch sử. Mong rằng các bạn còn nhiều may mắn hơn chúng tôi là sẽ mãi mãi được sống trên quê hương và sẽ được chết ngay trên quê hương của các bạn.

2. ĐƯỜNG VÀO BA THỰC

Từ Đài Bắc, chúng tôi đáp phi cơ đi Hồng Kông và ở lại có một đêm, nửa ngày trưa 17-10 chúng tôi lên ga xe lửa để đi Quảng châu, vì Trung cộng chưa có đường bay nối liền với Đài loan và Hồng Kông. Chúng tôi ngồi ở phòng chờ đợi chừng nửa giờ thì một nữ cán bộ giao liên Trung cộng đến.

Với bộ đồ màu đen có băng đỏ nơi cánh tay, mũ tai hèo, chiếc xách da le kê bên hông. Á nữ cán bộ đến gặp người trưởng đoàn của chúng tôi, yêu cầu được xem danh sách những người du lịch. Sau khi kiểm soát tên từng người cô ta đưa chúng tôi ra sân ga và lên tàu, chỉ số ghế cho mỗi người. Trên đầu cửa ra vào tôi thấy một hàng chữ màu vàng ghi đậm nét trên tấm biển màu đỏ “Made in China”. Tôi

phóng mắt nhìn một lượt khắp toa tàu, thì thấy rất là tư bản.

Toa xe có máy lạnh, màn cửa màu thiên thanh, ghế được bọc nệm trắng. Cứ mỗi hai ghế đối diện thì có một bàn nước ở giữa với bộ ấm trà bằng sứ. Tất cả đều sản xuất tại Trung cộng, trừ nhân viên hoá xa là của Hồng Kông nên phục sức theo kiểu Áng Lê.

Tàu rời ga lúc 2 giờ 30 chạy khoảng nửa giờ đến ga Sonwu là ga biên giới. Bên này thuộc Hồng Kông, bên kia cầu thuộc chủ quyền Trung cộng. Tàu ngưng lại khoảng vài phút thì tiếp tục chạy. Một lát sau, cửa toa tàu xịch mở, hai chú bộ đội Trung cộng xuất hiện với nét mặt hầm hầm lì cổ hủ. Sau khi nhìn ngang ngó dọc một hồi, hai chú bộ đội lại lạnh lùng lui sang toa khác. A, té ra cộng sản nào cũng là cộng sản. Lầm lì và gian ác là bản chất của con cháu Mác Lê. Chính xác như mặt trời lúc nào cũng mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây !

Tàu tiếp tục chạy với tốc độ chậm nên tôi có dịp quan sát cảnh vật bên ngoài khung cửa.

Cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác : nhiều gian nhà gạch cũ kỹ, tường vôi loang lổ, mái tranh xơ xác, cỏ cây đồng ruộng ít xanh tươi, con trâu gặm cỏ bên đường gầy guộc hơn. Và ... tồi tệ hơn tất cả là nhiều nhà vệ sinh lộ thiên nằm rải rác dọc đường sắt.

Những con đường cái từ thôn xóm dẫn ra quốc lộ hầu hết là đất đỏ, bụi tung mù mỗi khi có xe hơi chảy qua. Có một quãng, đường xe lửa chạy song song với đường nhựa, tôi thấy một toán khá đông phu lục lộ làm đường. Họ di chuyển đá dăm bằng những chiếc xe một bánh bằng gỗ có người đẩy, mà ngày xưa dân miền Nghệ Tĩnh Trung phần thường dùng, có tên là “cót két”. Vì khi xe được đẩy đi, trục cọ vào bánh gỗ phát ra tiếng kêu cót két.

Trên đường một chiếc xe Huber, cỡ mười tấn đang ì ạch phun khói. Suốt quãng đường ước chừng năm cây số mà toán nhân công Trung cộng làm việc tuyệt nhiên tôi không thấy một dụng cụ cơ giới nào khác ngoài chiếc rouleau màu vàng cổ lỗ sĩ. Rất tiếc là hôm đó máy ảnh tôi để trong va li gởi ở toa hành lý nên không thể chụp được một “pose” cảnh công chánh Trung cộng ở cuối thế kỷ 20 làm đường với những dụng cụ của thế kỷ 19 để đem về dâng vào lá thu AHCC cho vui.

Tàu vẫn chạy với tốc độ chậm. Tôi vẫn tỳ tay vào thành cửa nhìn cảnh vật hai bên đường đượm màu thê lương bát ngát.

Càng đi sau vào đất cộng, cảnh nghèo nàn xơ xác càng hiện ra rõ rệt.

Đài Loan đối với Trung cộng cũng như đứng ở biên giới Mỹ nhìn vào thành phố Tijuana của Mễ tây Cơ. Thật đúng là hai phương trời khác biệt !

Xe lửa đến ga Quảng châu (thủ phủ tỉnh Quảng Đông) lúc 5 giờ. Tại đây có hai cán bộ du lịch đón chúng tôi. Họ đưa chúng tôi lên xe buýt, tự giới thiệu tên, họ, và chức vụ. Họ gọi chúng tôi là đồng chí. tiếng đồng chí phát âm như tiếng Việt.

Một anh cán bộ mặt mày sáng sủa đứng bên cạnh tài xế tay cầm micro nói : “Chúng tôi xin thay mặt sở du lịch tỉnh Quảng Đông chào mừng các đồng chí từ hải ngoại về và xin chúc các đồng chí nhiều sức khoẻ và vui vẻ trong những ngày nghỉ ở quê hương. Nền du lịch nước nhà con non trẻ nên chúng tôi nghĩ rằng các đồng chí sẽ gặp nhiều điều không vừa ý, mong các đồng chí giúp chúng tôi khắc phục. Hôm nay được tiếp đón các đồng chí, tôi xin được giới thiệu đến các đồng chí năm “cái khoải” của Trung quốc, đó là :

Đệ Nhất Khoải : ăn cơm ở Quảng Châu, vì tất cả đầu bếp danh tiếng của Trung Quốc đều xuất phát từ Quảng châu.

Đệ Nhị Khoải : Sống ở Hàng châu, vì Hàng châu có rất nhiều thắng cảnh đẹp, mà cảnh đẹp và thơ mộng nhất là Tây hồ.

Đệ Tam Khoải : Lấy vợ Tô Châu, vì Tô Châu là nơi sản xuất ra nhiều người đẹp. Tô châu cũng là nơi sinh ra tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc là Diêu Thuyền, Chiêu Quân, Tây Thi và Dương Quý Phi.

Đệ Tư Khoải : Mua sắm hàng hoá ở Thượng Hải, vì tất cả tư lỵ gấm vóc, châu báu quý giá đều đem bán ở thành phố Thượng hải, một thành phố thương mại lớn nhất Trung quốc.

Đệ Ngũ Khoải : Chết ở Liêu châu. Vì Liêu châu có thứ gỗ quý mùi thơm như xạ hương, dùng để làm quan tài, chôn một trăm năm vẫn chưa mục.

Hôm nay sở du lịch Quảng đông xin mời các đồng chí thưởng

thức cái đệ nhất khoái là dùng cơm tối tại một đại tửu lâu có đủ chỗ ăn cho năm ngàn thực khách cùng một lúc.”

Sau đó chúng tôi được đưa đến khách sạn Bạch Nga, ngay trên bờ sông Quảng Châu. Nghe nói khách sạn này do một người Tàu ở Hồng Kông có quốc tịch Anh đầu tư xây cất năm 1981. Cựu Tổng thống Nixon khi tới Trung hoa lần thứ hai cũng ở khách sạn này. Khi vào bên trong khách sạn tôi không nghĩ mình đang ở trên vùng cộng sản, vì quả nhiên là khách sạn của đại tư bản. To lớn và sang trọng hơn khách sạn Marriott và Hilton ở Mỹ. Nhìn toà nhà đồ sộ cao chọc trời, nhìn cách bài trí và lối sống bên trong khách sạn tôi chợt nghĩ đến những nhà lụp sụp xác xơ cách đó không quá nửa dặm. Tôi nghĩ rằng những người Mỹ du lịch ở Trung cộng, sau khi được ăn những bữa ăn thịnh soạn với sơn hào hải vị, được ở những khách sạn lộng lẫy như khách sạn Bạch Nga, họ sẽ thắc mắc không hiểu vì sao chúng ta lại chống cộng. Vì đối với họ, hiển nhiên cộng sản là chống thiên đường.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, mở cửa ra bao lơn nhìn xuống sông thì một cảnh tượng khá lạ lùng hiện ra trước mắt : trên sông ghe thuyền qua lại tấp nập, chiếc nào cũng đầy nhóc người. Nhìn sang bên kia bờ sông tôi thấy người nối đuôi để xuống phà dài cả cây số. Hai nhánh sông nhỏ dẫn ra từ các thôn xóm cũng có rất nhiều xuồng máy chở người qua bên này sông, cách chỗ tôi đứng chừng 100 thước. Hìn như họ chở người từ các làng mạc bên kia sông qua bên này để buôn bán và làm việc.

Từ xa một đoàn gồm nhiều chiếc ghe lớn đi lại. Khi đi qua trước khách sạn tôi nhìn thấy trong các ghe chở đầy sạn và đá. Trên mỗi chiếc ghe đều có tấm bảng ghi hai chữ Tàu khá lớn mà về sau tôi hỏi người Tàu ở phòng bên cạnh mới biết đó là hai chữ “Kiều lộ”. Như vậy có nghĩa đoàn ghe này là của sở kiều lộ Quảng châu di chuyển vật liệu làm đường. Thật không ai ở thế giới tự do có thể ngờ đến cuối thế kỷ 20 mà sở công chánh Tàu vẫn còn dùng xe “cót két” và ghe chài để di chuyển vật liệu và dân chúng vẫn phải dùng thủy lộ để sang một con sông rộng không quá 200 mét. Chỉ mới không đầy 24 giờ vào “Thiên đường ” cộng sản mà tôi đã thấm thía câu “Tiến nhanh tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa” như cộng sản Việt Nam

thường rêu rao.

Trưa hôm đó chúng tôi theo phi cơ đi Hàng Châu, kinh đô của mười lăm đời vua Tàu. Tại đây chúng tôi ở một khách sạn tương tự như ở Quảng châu ngay trước mặt Tây hồ, nơi được nổi tiếng là thơ mộng nhất Trung hoa và đã để lại rất nhiều thiên tình sử. Thị trấn Hàng châu là một thị trấn cổ kính nhất Trung hoa được thiết lập cách đây 2100 năm. Khởi đầu Tây hồ có tên gọi là Xihu Lake. Về sau đổi thành West lake vì hồ nằm về phía tây của thị trấn. Tây hồ có cái tên và hình dáng giống như hồ Tây ở Hà Nội nhưng lại giống Hương Giang ở Huế về phương diện thưởng ngoạn.

Trước kia Tây hồ ở Trung hoa cũng như Hương Giang ở Việt Nam, đều là nơi để cho văn nhân thi sĩ ngồi thuyền ngắm trăng và xướng hoạ ngâm thơ.

Nhưng từ khi bị cộng sản chiếm cứ thì cả hai nơi đó đều không còn hình bóng của trai thanh gái lịch nữa.

Nếu tôi nhớ không lầm thì đường kính của hồ Tây Hà nội chừng 13 km. Đường kính của Tây hồ Hàng châu 15km và có đường dạo mát chung quanh với hàng liễu rủ như hồ Tây Hà nội. Chỉ khác có con đường bên trong ra hai nhà nghỉ mát của vua và Hoàng hậu xây chính giữa hồ. Trong đó có rất nhiều hoa sen đủ màu sắc. Hôm chúng tôi đến gặp mùa hoa Sen nở, gió đưa phảng phất mùi hương quen thuộc của hồ Tịnh tâm ở Huế làm tôi chạnh nhớ đến hoàng cung của nhà Nguyễn, có lẽ giờ đây đã mờ phủ rêu phong !

Về phía Bắc của hồ, trên một ngọn đồi cao, có đền thờ ông Nhạc Phi, nguyên soái đời vua Khâm Tôn nhà Tống. Nguyên Nhạc Phi thi đậu trạng nguyên, cùng một số anh em kết nghĩa giúp vua đi dẹp giặc giặc Kim. Quân Tàu dưới quyền chỉ huy của Nhạc Phi đã liên tiếp thắng binh Kim làm cho Thái Tử Ngột Truật thất điên bát đảo. Nhưng về sau Tể tướng Tần Cối thông đồng với Ngột Truật lập mưu hãm hại. Tần Cối giả chiếu chỉ của vua, triệu Nhạc Phi về kinh đô giam vào ngục tối rồi sai ngục tốt giết chết.

Các em kết nghĩa với Nhạc Phi nghe hay tin bèn xúi dân nổi loạn, bắt vợ chồng Tần Cối trói lại bỏ vào vạc dầu để trả thù cho Nhạc Phi. Vẫn chưa thoả lòng căm giận, dân chúng còn làm hai bức tượng vợ chồng Tần Cối để ngoài đường cho mọi người phỉ nhổ, và

lấy bột mì làm hai cái bánh kẹp dính vào nhau đem chiên dòn để ăn điểm tâm đặt tên là “dầu cháo quấy”. Mỗi lần ăn bánh chiên này họ lại gọi là ăn thịt Tần Cối. Bánh dầu cháo quấy được lan truyền qua Việt Nam ta mà có lẽ quý AH đều có dùng qua.

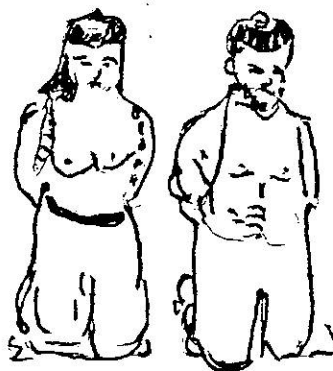
Cách đây 40 năm tôi đọc bộ truyện Nhạc Phi diễn nghĩa, đoạn nói về bánh DCQ tôi cứ tưởng là chuyện hoang đường. Ngờ đâu bốn mươi năm sau, khi đứng trong đền thờ ông Nhạc Phi được nhìn tận mắt hình tượng của vợ chồng Tần Cối ở Hàng Châu đã bị sút mẻ và hoen ố bởi thời gian tôi mới tin sự tích bánh DCQ là chuyện có thật.

Nhạc Phi chết lúc 38 tuổi, và được người Tàu coi như là vị anh hùng cứu quốc.

TƯỢNG VỢ CHỒNG TẦN CỐI Ở HÀNG CHÂU

Những hàng chữ ghi ở bức tường cạnh bức tượng tần Cối : “The figures of Quin Gui and his wife. They were direct killers of Yue Fei and were detested bitterly by the people”. Tôi vội ghi có thể sai.

Hai ngày chúng tôi theo máy bay đi Thượng Hải, một trong ba thành phố lớn của Trung cộng được đặt dưới quyền tài phán của chính phủ trung ương. Thượng Hải là tô giới cũ của Pháp, Anh, Nga và là thành phố thương mại và kỹ nghệ vào bậc nhất của Tàu. Nơi đây có trường quân sự Hàng Phố, nổi danh trên thế giới cũng như trường Saint Cir của Pháp và West Point của Mỹ.



Về thắng cảnh thì Thượng Hải không có chi đáng nói, ngoài cái cảnh “người đẩy người” trên đường phố.

Thật vậy, vì với 5.800 km vuông lãnh thổ mà phải chứa 12 triệu dân cộng thêm 50 ngàn du khách mỗi ngày đi dạo làm cho trên

đường phố Thượng Hải, lúc nào cũng như một bày kiến đang vội vàng di chuyển khi trời sắp đổ mưa.

Sau Thượng Hải, chúng tôi lại đáp máy bay đi Quý Lâm để viếng các hang động nằm sâu trong lòng núi. Đi trong các hang động thiên nhiên này giống như mình đang sống trong chuyện thần thoại, làm cho du khách có những cảm giác lạ lùng khó tả.

Tại Quý Lâm, chúng tôi có đi coi đền thờ của Phục Ba Tướng quân, tức Mã Viện, một viên tướng Trung hoa đã đánh bại Nữ hào kiệt Trưng Vương và dựng trụ đồng ở Biên giới Việt Hoa với hàng chữ “Đồng Trụ chiết, Giao Chỉ diệt”.

Trạm cuối cùng của chúng tôi là Bắc Kinh. Chúng tôi ở lại đó năm ngày, để đi viếng hoàng cung được thiết lập từ đời nhà Minh (Ming's Dynasty), viếng lăng tẩm của 33 ông vua Tàu, lâu đài Mùa Hạ của Từ Hy Thái Hậu và Vạn Lý Trường Thành. Khi đi trong Hoàng cung nhìn tam cung lục viện của các vua chúa Tàu, tôi thấy đời sống của quý vị Tổng Thống Mỹ không là cái gì cả. Lâu đài Mùa Hạ của Thái Hậu Từ Hy được xây cất trên một thửa đất rộng gấp bốn lần Disneyland.

Sự sa hoa lãng phí chính là đặc điểm của nơi hưởng lạc của người đàn bà nhiều tham vọng này.

Một số người Tàu nói rằng Từ Hy là hậu thân của Võ Tắc Thiên. Trước Từ Hy hơn 1200 năm, Võ Tắc Thiên đã một thời gây tai họa cho nhân dân Trung Hoa. Nếu AH nào đã đọc truyện Võ Tắc Thiên của Lâm Ngữ Đường, chắc hẳn vừa khâm phục vừa ghê tởm, người đàn bà phi thường này.

Khâm phục vì những đòn phép chính trị tuyệt vời của bà, ghê tởm vì những hành vi dâm dăng. Những trong các hành vi dâm dăng, bà đã khôn ngoan phủ một lớp sơn tôn giáo, để che đậy cho hành động xấu xa của bỉ ổi.

Võ Tắc Thiên đã thành công trong những tham vọng của bà, suýt đã xóa bỏ được triều đại nhà Đường, của giòng họ Lý để lập nên triều đại nhà Chu của nhà họ Võ. Võ Tắc Thiên làm vua được 49 năm (6) thì bị quần thần ép phải nhường ngôi lại cho người con thứ ba là thái tử Triết và được đưa đi an trí tại một khu vực phía Tây kinh đô. Mười tháng sau thì Võ Tắc Thiên đành buông tay chịu thua thần

chết. Lúc đó bà được tám mươi tuổi.

Nói đến nhân vật nữ dâm loạn của Trung Hoa, tôi xin nói thêm là không phải chỉ có VTT và THTH mà thôi. Trước Võ Tắc Thiên có Lữ Hậu (vợ của Hán cao Tổ Lưu Bang) còn hơn VTT một bậc về sự ham muốn nhục dục.

Theo sử Tàu ghi chép thì Lữ Hậu thường cho người đi tìm những đàn ông có “em bé” lớn đưa vào cung để cùng bà ân ái. Cả Võ Tắc Thiên lẫn Từ Hy Thái Hậu đều giống nhau một điểm là lòng ích kỷ và sự ham muốn hưởng thụ quá cao. Từ Hy Thái Hậu đã dẫm lên bước chân của Võ Tắc Thiên nên ngai vàng của nhà Mãn Thanh phải sụp đổ dưới làn sóng cách mạng Tôn Dật Tiên.

Khi tôi đặt chân lên thêm đá của Vạn Lý Trường Thành tôi lại nhớ đến Tần thủy Hoàng bạo chúa, người luôn luôn mơ ước thuốc trường sanh bất tử. Nhìn bức tường đá hun hút trải dài trên những triền đồi tôi lại suy nghĩ đến những thầy người đã ngã gục dưới công trình có một không hai này.

Vạn Lý Trường Thành là một kỳ quan, đó là kỳ quan thứ tư mà tôi được hân hạnh chiêm ngưỡng trong số bảy kỳ quan của thế giới.

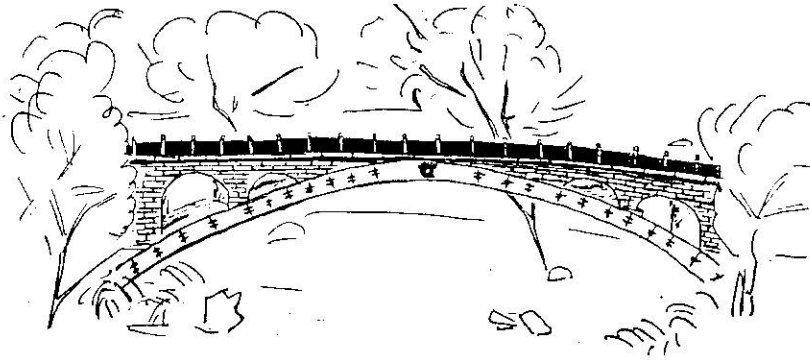
Có một sự mâu thuẫn tốt cùng không thể chối cãi là : Đối với nhân dân Trung Hoa thì Tần Thủy Hoàng và Từ Hy Thái Hậu là hai kẻ có tội lớn khi họ xây VLTT và LDMH. Nhưng ngày nay chính là nhờ hai thắng cảnh lịch sử đó mà Trung hoa đã thu vô số ngoại tệ. Theo thống kê của bộ du lịch Trung Cộng thì từ 1-1-1985 đến 31-8-85 số du khách đến viếng Trung cộng hơn 8 triệu người.

Vậy quý vị cư tính mỗi du khách vào Trung cộng chỉ ở lại mười ngày, vừa chi phí ăn ở vừa mua quà mang về mỗi người khoảng 2.000 mỹ kim thì sẽ biết Trung cộng thu được bao nhiêu ngoại tệ trong một năm ?

Tại viện bảo tàng Bắc kinh, tôi được xem mô hình của cây cầu đá có nhịp (span) lâu đời nhất thế giới, đó là cầu An Chi ở huyện Chao thuộc tỉnh Hopei. Cầu được xây cất theo đồ án của kiến trúc sư Lý Chun khoảng thời AD 605 và 617. Như vậy kể từ khi hoàn thành đến nay tính ra là 1.362 năm và đặc biệt là chưa hề bị hư hại nặng. Vì tôi thấy bên cạnh mô hình có ghi một hàng chữ “Not once severed during the pass 1.300 years. The span is the world’s oldest example

of an existing open arch bridge”. Bên dưới có hàng chữ nhỏ :“Architect Li Chun” Ngoài các hàng chữ trên đây, tôi không thấy ghi chi tiết gì về vật liệu dùng để xây cất cầu. Tôi chỉ nhớ mang máng người hướng dẫn gọi là stone bridge nên tôi tạm gọi là cầu đá.

Tôi có hỏi hướng dẫn viên là cầu có được thường xuyên sử dụng không hay chỉ để làm cảnh, nên không hề bị hư hại trong hơn 1.300 năm thì được anh ta trả lời rằng :“That stone bridge was an important link between the North South highway”. Tôi xin ghi nguyên văn câu trả lời bằng tiếng Anh của hướng dẫn viên. Vì tôi không hiểu khi dùng chữ highway là ý anh ta muốn nói hương lộ hay xa lộ. Vì qua bối cảnh trong mô hình, tôi thấy hình như cầu An Chi không nằm trên xa lộ. Tuy nhiên, cách đây hơn 1.300 mà người Tàu đã làm được một cây cầu bằng đá có nhịp thì quả là một điều đáng cho thế hệ này học hỏi.



Cầu An Chi nhìn nghiêng
(vẽ theo mô hình tại Viện Bảo Tang Bắc Kinh)

Rời Bắc Kinh chúng tôi theo máy bay một mạch về Quảng Châu ở thêm một đêm ở khách sạn Bạch Nga, để sáng hôm sau lên xe lửa đi Hồng Kông, và ở đó hai ngày trước khi trở về Mỹ, tiếp tục cuộc đời cày thuê gánh mướn.

Trong suốt 13 ngày ở Trung cộng, ngoài những lúc theo đoàn du lịch xem thắng cảnh, chúng tôi tự do đi lại những nơi mình muốn để “Thăm dân cho biết sự tình”. Tôi có dịp tiếp xúc với những người địa phương, có bà con là người Tàu cùng đi với chúng tôi để tìm hiểu đời sống thực của họ. Họ cho biết trước ngày ông Đặng Tiểu Bình thay đổi chính sách, dân chúng ra đường gặp người quen không dám chào hỏi chuyện trò. Nay thì tha hồ, dân chúng được tự do đi lại, tự do buôn bán, không còn phải đi hội họp phường, khóm như trước. Dĩ nhiên là nhà nước vẫn duy trì các hợp tác xã để phân phối nhu yếu phẩm cho dân số hơn một tỉ người.

Tôi có dịp quan sát các xóm nghèo lao động, tất cả đều dư cơm ăn, áo quần lạnh lặn, hơn hẳn những xóm nghèo ở Ấn Độ mà tôi đã đi qua, và chắc chắn là hơn hẳn xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tôi nhận thấy quả thực ông Đặng Tiểu Bình, muốn đưa nước Tàu theo kịp đà tiến của thế giới tự do.

Dân chúng đã bắt đầu làm quen với tiện nghi tư bản, nhập cảng tủ lạnh Nhật Bản. Phim chiếu của Hồng Kông và Đài Loan được chiếu ở Trung cộng; hình ảnh Lý Tiểu Long được in và dán trên các xe taxi. Xe gắn máy và xe hơi Nhật chạy đầy trên đường phố.

Đặc biệt ở hai tỉnh Quảng châu và Thượng Hải gần giống như Hồng Kông, xe cộ dập dìu, ca lâu tửu quán đầy dẫy và cũng có đủ bốn món ăn chơi.

Nói chung thì dân Tàu rất chịu họ Đặng, nhưng vì ông ta quá già (82 tuổi), họ lo sợ ông ta sẽ chết trước khi hoàn thành canh tân sứ s, và nhóm tư nhân bạn cùng đồng bọn có thể trở lại chính quyền, gieo tai họa lên đầu dân tộc, vốn có quá nhiều đoạ đầy thêm một lần nữa.

Năm vừa qua ông Đặng Tiểu Bình được chọn làm “Người trong năm” (Man of the Year) bởi tuần báo Time. Ông đáng được hưởng vinh dự đó. Một trong những lý do chính phải được kể đến là nỗ lực trong việc chuyển dịch nguyên cả một nước có dân số cao nhất thế

giới, với một ý thức hệ cứng nhắc đang từ chậm tiến đi vào con đường thực tế của kinh tế tư bản hiện tại.

Nhìn thấy Trung Cộng trên con đường cải tiến, tôi ngậm ngùi nghĩ đến quê hương đang đi thụt lùi vào thời tiền sử. Nếu... nếu Việt Nam cũng sẽ có một Đặng Tiểu Bình thì chúng ta còn có cơ hội trở về chốn chôn nhau cắt rốn. Theo tôi nghĩ, Minh chỉ có thể hy vọng hồi hương bằng con đường đó chứ khó có thể trở về bằng một cuộc nổi dậy dưới sự kèm kẹp sắt máu của cộng sản như hiện nay !

VÀI KINH NGHIỆM NHỎ

Nên đi Tàu vào khoảng cuối tháng 9 và tháng 10, khỏi lo mưa nắng, có thể gây trở ngại chương trình hằng ngày.

Phải đi theo tour, không nên đi riêng rẽ. Vì nước Tàu quá rộng lớn, không như các nước Âu Châu, du khách có thể tự vạch chương trình du ngoạn, đến nước nào thì nhờ bạn bè ở nước đó hướng dẫn.

Nên học một ít tiếng Quan thoại. Ít nhất cũng đủ để gọi món ăn hay đi mua sắm.

Vì hơn 90% bồi bàn và người bán hàng ở Đài Loan không nói được tiếng Anh và ở Trung cộng thì con số đó lên tới 99%.

Muốn thưởng thức cơm Tàu ngon thì khi tới Quảng Châu cứ ăn cho đã, đừng đợi tới Bắc Kinh. Vì đầu bếp Bắc Kinh nấu không hợp khẩu vị Việt Nam. AH nào nghiện ăn ớt nặng, thiếu ớt là bữa ăn mất ngon, nên đem theo một gói ớt hiểm khô để dùng trong những ngày ở BK, vì các tiệm ăn ở Bắc Kinh không có ớt, nhiều lúc kêu khan tiếng mới có một chút tương ớt.

Nên đem theo giày thể thao để dùng, trong những ngày phải đi bộ nhiều, và đừng đem theo nhiều quần áo. Tới Hồng Kông và Đài Loan tha hồ mua sắm, giá chỉ bằng 1/3 ở Mỹ.

.★

★★

Hôm nay giữa khung trời nắng ấm Cali, ngồi ghi lại những giòng này, tôi cảm thấy vô cùng luyến tiếc, hai mươi chín ngày vàng son ngắn ngủi, những ngày có kẻ hầu người hạ, cơm bưng nước rót, làm giường thay gối. Bỗng nhiên mắt tôi nhìn lên chồng bills để trên mặt

Nào là bill tiền nhà, tiền điện, tiền gas, tiền điện thoại, tiền nước, bill tiền bảo hiểm v.v...

Những tấm giấy vô tình lạnh lùng đó đã kéo tôi trở về với thực tế của “Người cày không có ruộng” mà xót xa cho thân phận lưu đày.

Nếu có vị nào đã tự mãn với cuộc sống nơi đất tạm dung này, tôi xin nghiêng mình bái phục, vì đối với riêng tôi chỉ có QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM mới đích thực là nơi chôn đáng yêu. Đúng vậy, chỉ có nơi đó ngày xưa tôi mới luôn luôn cảm thấy “Yêu đời và ham sống”. Dù cho hiện tại tôi đang ở trên giải đất màu mỡ, mà trên đó có tượng Nữ Thần Tự Do, một công trình tim óc của nhà điêu khắc Frédéric Auguste Bartholdi luôn uôn như vậy tay chào đón những con người bất hạnh quyết tìm nhân phẩm và Tự Do.

Cali tháng 4 năm 1986

TÔN THẤT TÙNG



Bản Tin

1.) AH Lê Ngọc Diệp lưu ý tác giả bài “Hội Độc Thân”, ký tên Nguyễn Lâm Anh Thư đăng trong Lá Thư số 33 + 34 trang 57 đã lấy địa chỉ tư gia của AH, làm trụ sở Hội Độc Thân. Hành động như vậy không đẹp và yêu cầu PTLT soát xét kỹ lưỡng các bài trước khi cho đăng vào Lá Thư.

(Tin này đáng lẽ đăng ở LT số 36 khi vừa mới nhận được song vì quá nhiều bài vở, nên phải cho hoãn lại - PTLT).

2.) AH Ung Sơ, nguyên Chánh sở Vệ Sinh Đô Thành, sau nhiều lần trốn thoát bất thành, nay bị giam tại trại Phan Đăng Lưu, tỉnh Gia Định. Anh Ung Sơ nay đã thành tàn phế, tay chân bại xụi. Chị Ung Sơ có viết thư qua xin nhờ giúp đỡ. AH nào muốn giúp đỡ, xin liên lạc với AH Bửu Hiệp.

- Vì tình hình tài chánh không được dồi dào, và tiếp theo lời yêu cầu của các AH Úc Đại Lợi, LT số 37 sẽ gởi đi Canada, Âu Châu, Úc Châu bằng phương tiện hạng ba và tàu thủy.

- LT số 37 được hạn chế số trang còn nhiều bài vở không đăng được sẽ có thể đăng vào LT số 38.

- AH Nguyễn Văn An (Sở Mãi Dịch Kiều Lộ) mới đến Úc tháng 7-1986 trong chương trình ODP.

TIN VUI

Được tin :

- **AH Nguyễn Thành Danh** ngày 5-7-86 sẽ làm lễ vu quy cho thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Khuê đẹp duyên cùng Cậu Nguyễn Hữu Lâm, thứ nam của ông bà Nguyễn Văn Hưng.
- **AH Đào Trọng Cường** ngày 27-6-86 sẽ làm lễ thành hôn cho Thứ nam Đào Trọng Phúc đẹp duyên cùng Cô Vụ Thị Lan Anh thứ nữ của Ông Bà Vũ Thiên Uyên.
- **AH Phạm Ngọc Xuyên** ngày 28-6-86 sẽ làm lễ Vu quy cho Thứ nữ Phạm Thị Phương Thảo đẹp duyên cùng cậu Jacques Binard.
- **AH Nguyễn Văn Tiến** ngày 17-8-86 sẽ làm lễ thành hôn cho Trưởng nam là cậu Nguyễn Văn Tánh, đẹp duyên cùng cô Lê Thị Tuyết Mai, Trưởng nữ của Ông Bà Lê Liêm.
- **AH Nguyễn Xuân Hoàn** ngày 2-8-1986 sẽ làm lễ vu quy cho Thứ nữ là Nguyễn Mộng Thủy đẹp duyên cùng Cậu Trần Minh Trị thứ nam của Ông Bà Trần Văn Chấn.

AHCC xin mừng Hai Họ và xin cầu chúc Cô Dâu Chú Rể trăm năm hạnh phúc.

TRANG NỮ CÔNG GIA CHÁNH

DƯA CẢI CHUA

I — VẬT LIỆU :

- 1 Lb dưa cải
- 1 củ hành tây nhỏ + 1 ít gừng
- 2 thìa súp muối gạt
- ½ thìa súp đường
- 4 cup nước ấm ấm.

Rau cắt vừa ăn, rửa sạch. Hành tây thái mỏng trộn với rau và gừng. Pha nước, muối và đường, rồi bóp một nắm rau nhúng vào nước pha, rồi bỏ vào liễn đựng dưa lần lượt làm phết (cho dưa thấm đều). Đổ hết nước còn lại vào liễn, nước phải ngập mặt dưa rồi lấy bát hay đĩa chặn dưa xuống.

Bà Trình Hữu Dục

BÁNH CÚC

□ NGUYÊN LIỆU

Theo thứ tự từng phần cần dùng cho mỗi giai đoạn làm bánh ghi ở phần sau :

PHẦN 1

- 1 pound đậu xanh không vỏ
- 1 chén nhỏ (cup) hành cây tươi thái nhỏ (hành chỉ lấy khúc trắng, bỏ phần lá xanh). Nếu làm bánh chay thì dùng cây “pô-rô” (leed) thay thế hành.
- ½ chén nhỏ (cup) dầu ăn. Nếu không kiêng mỡ thì dùng ½ pound mỡ heo thái hạt lựu thay thế dầu.
- 2 muỗng cà phê muối
- 2 muỗng cà phê đường
- 1 muỗng cà phê bột ngọt
- 2 muỗng cà phê tiêu xay.

PHẦN 2 :

- 1 bó rau dền (spinach)
- 2 chén nhỏ (cup) nước lạnh
- 1½ muỗng cà phê muối
- 7 chén nhỏ (cup) bột nếp “Tinh Khiết”

PHẦN 3 :

- 1 chén nhỏ (cup) nếp nấu xôi.

CÁCH LÀM :

Giai đoạn 1 : Nhân bánh

Đậu xanh ngâm nước độ hai tiếng đồng hồ.

Đãi sạch vỏ và loại đậu hư.

Nấu chín đậu (một phần đậu, một phần ruối nước theo thể tích. Nước có thể gia giảm tùy loại đậu, để đừng bị khô hoặc nhão).

Bỏ đậu chín và cối giã nhuyễn

Xào hành tươi thái nhỏ với dầu ★ cho thơm, xong trộn với đậu đã giã nhuyễn, nêm muối, đường, tiêu và bột ngọt.

(★ Nếu không kiêng mỡ, có thể dùng lồi ½ pound thịt mỡ heo thái hạt lựu để xào nhân thay thế dầu).

Vo tròn nhân đậu thành 30 phần đều nhau.

GIAI ĐOẠN 2 :

Rau dền cắt chân rửa sạch, bỏ vào máy xay sinh tố (Mixer) với hai chén nhỏ (cup) nước lạnh, xay nhuyễn.

Trộn rau rền đã xay nhuyễn với bột nếp và muối cho thật đều, xong chia thành 30 phần đều nhau.

Nắn từng miếng bột dẹp mỏng, xong bọc kín nhân đậu xanh vào giữa, rồi vo tròn cho đều đặn.

GIAI ĐOẠN 3 :

Nếp nấu xôi chín xong trộn vào nước lạnh cho các hạt xôi tách rời nhau. Rãi xôi rơi vào trong một đĩa lớn. Lăn tròn bánh trên xôi rơi để hạt xôi bám quanh vào vỏ bánh.

GIAI ĐOẠN 4 :

Để bánh trên từng miếng lá chuối cắt tròn (đường kính lồi 8 phân), bỏ vào xúng hấp khoảng 15 phút là vừa chín.

□ Bà Phan Ngọc Cơ

GÀ LÓC XƯƠNG HẤP CẢI BỆ XANH

- Gà nửa con — Dầu hào (1 thìa canh) — Săng sáu (1 café) — Rượu thơm (1 café) — Nước leo (3 thìa canh) — Tiêu (1 chút) — Cải bẹ xanh (1 kí) — Bột ngọt (1 café) — Dầu mè (1 café) — Hắc xì dầu (2 café) — Nấm đông cô (1 cái).

CÁCH LÀM :

Cải xanh cắt bỏ lá, đun nước sôi cho 1 café tiêu ramặn, rồi cho cải vào luộc chừng 5 phút, đem ra rửa lại nước lã cho sạch hết lá chỉ lấy cọng và cắt cây rau dài chừng ngón tay.

Gà luộc chín, bỏ hết xương và cũng cắt dài như rau, nấm ngâm nước cho mềm luộc qua. Xong đem hòa tất cả gia vị kể trên trộn vào gà và rau, rồi bày vào 1 cái tô, cứ 1 miếng thịt gà 1 miếng rau cho đến khi đầy bát. Đem úp lật vào một cái đĩa lớn để cải nằm lên trên, trên nấm cắt một cái hoa cúc hay một cái hình bằng carotte để trên cùng rồi dội sauce lên.

LÀM SAUCE :

— Dầu (1 thìa canh) — Bột năng (2 thìa café) — Rượu thơm (1 thìa café) — Dầu hào (1 thìa canh) — Hắc xì dầu (2 thìa café) — Săng sáu (1 café) — Bột ngọt (1 café) — Nước Leo (2 giá) — Dầu mè (1 café, Tiêu, muối một chút).

CÁCH LÀM :

Cho dầu với một thìa rượu thơm vào chảo, xong cho tất cả các thứ kể trên đun sôi rồi hòa chừng một thìa canh bột năng chế vào nước sauce cho hơi sánh sánh là được, bắc ra cho thêm một thìa canh dầu với một thìa canh dầu mè.

Xong đem rội lên đĩa gà, bày thêm ngò chung quanh cho đẹp.

□ Bà Nguyễn Hữu Tuấn

Bên Canh Giáo Đường

UNTERTURKHEIM

*"Lạy Chúa con là người ngoại đạo
"Nhưng tin có Chúa ngự trên trời".
Đem tình thương gieo rắc khắp muôn nơi
Để nhân loại gần nhau thêm chút nữa
Chúa giáng thế giữa muôn lòng đau khổ
Giữa muôn người đang quần quai điều linh
Giữa muôn người tha thiết mong ân tình
Giữa bể thảm chơi vơi hồn lạc lỏng
Lạy Chúa, Chúa là nguồn hy vọng
Cho lòng con đang sống kiếp lưu vong ;
Bỏ quê hương bỏ luyến tiếc nhớ nhung
Để về đây cho lòng đời hòa theo nhịp đạo
Nơi giáo đường rộn rã nhạc âm vang
Hang Bê Lem muôn đời rực rỡ ánh hào quang
Dập tắt những hồn đau nhân loại
Lạy Chúa, chúng con đang băng hoại,
Đang điều linh vì non nước tả tơi
Chúa hãy giúp quê hương con dựng lại tình người
Để một sớm nắng hanh vàng, hay chiều buồn hoang dại
Con về đây quỳ bên chân Chúa.
A-Men !*

Stuttgart, 1984

Nguyễn D. Phương

GHI CHÚ : Ông Nguyễn Đ. Phương là thân sinh
của AH Nguyễn Hoàng Nhạn (Paris)

A Côté de la Cathédrale Unterturkheim

*Que Dieu,
Je ne suis pas Chrétien
Mais croyant en Dieu, a présent Christ règne.
Au delà de ce monde ténébreux
Où vivent des hommes querelleux,
Christ sème l'amour ici, là, partout ailleurs
Pour faire rapprocher l'humanité sans aucune rancœur.
Venu sur terre,
Au sein de milliers d'hommes en souffrance
Au sein de milliers de personnes toujours soucieuses et angoissantes
Au sein de milliers de personnes soif de rêve d'amour passionnant,
Au sein de l'Immensité de l'Océan des détresses, des âmes errantes,
Que Dieu,
C'est à l'amour du Christ que je retrouve l'espoir,
Vivant en exil sans d'autre choix.
Éloigné de mon pays, perdu tous attachements et souvenirs,
Les liens dénoués se resserrent davantage,
Je m'adresse à l'église dans l'aveuglement et le désarroi,
Musique cathédrale au fond sonore, véhémence
Grotte betlehem éternellement illuminée de l'auréole éclatante
Auraient du balayer toute haine humaine
Que Dieu,
Nous sommes en pleine désire de désespérance,
Des chargins de l'existence pesant sur notre terre déchirante
Aidez notre pays à se reconstruire dans les mutuelles
compréhensions des hommes et dans l'amour
Et lorsque soudain à l'improviste, captivé
Par une certaine matinée au rayon bercé de tendresse et de douceur
ou une soirée sauvage au soleil couchant sans étoile,
de triste couleur
Attendant le lendemain ... je reviens ici
M'agenouiller aux pieds du Christ.
Amen !*

Noël 1984 Nguyen Hoang Nhan France

Văn thơ KỶ NIỆM

(Xin ghi ơn vị Thi sĩ tiền bối vô danh đã cho tôi những ý và lời —
dù nhớ lại không trọn vẹn — để được tiếp nối nỗi lòng nhớ chị)

Năm xưa má chị hồng hồng,
Em ghẹo lấy chồng, chị mắng em luôn :
— “Ranh con, liệu cái thần hồn ...”
Rồi mặt chị đỏ, rồi mồm chị tươi.
Quay đi e ấp nụ cười
Ngựa hồng mơ mộng có người ngoài song

★

Xuân sang má chị thêm hồng
Chị đi cùng chồng đến tết thầy me
Bên sườn cháu khóc bi bẽ
Ngọt ngào chị dỗ : “Cậu kia con ơi !”
Vội vàng em chạy ra mời,
Em hỏi truyện cũ, chị thời nhớ không ?
Bỗng nhiên má chị lại hồng ...

★

Năm nay má chị thôi hồng
Một sớm tin chồng gục ngã rừng hoang
Đàn con ngơ ngác khăn tang
Em thì xa cách trường giang mặt mờ

★

Quê người đau nỗi bơ vơ
Truyện ngày xưa, biết bao giờ chị ơi ?

*Truyện ngụ ngôn
nguyên tử*

□ Phạm Bội Diệp

Xe hơi mới ngạo xe hơi cũ :
— “Tướng chị trông thấy đủ chán rồi.
Thân hình liệu được như tôi ?
Nước sơn đã bóng, trong ngời lại sang.
Khi điệu bộ, còi vang thành phố
Lúc bốc đông, vào số dọt ngay.
Hồng trần một cõi như bay,
Khen cho cơ khi đổi thay con người”.

□

Xe hơi cũ mỉm cười thương hại :
— “Cô em ơi, ngu dại vậy sao ?
Ngày xưa chị cũng thế nào !
Thời gian bất để má đào phai pha
Họ nhào nặn lũ ta từ sắt,
Hình thành, đem vẽ mặt, tô màu.
Chị đi buổi trước, em sau,
Quê cha đất tổ tình đau xa lạ.
Nay gặp nhau tiếng kia, lời nọ,
Lại khoe hay, chê dở mà chi.
Tuổi già đến chẳng lâu gì,
Năm trong nghĩa địa thì xe vô hồn.
Chị không trách, không buồn sự thế,
Đời còn kia bao kẻ áo ôm
Tâm hồn đời sạch, rách thom,
Xấu người đẹp nét vẫn hơn đẹp người.
Những tuồng ốc muối, mất đời,
Mới hay phô cái rơm đời, dở ương ...”

(Trong thi tập ĐÔI ĐÔI đã xuất bản)

CHIỀU

Chim chiều nhớ tổ bay mau
Gió chiều nhớ dãy bờ lau rì rào
Nắng chiều nhớ ngọn đồi cao
Mây chiều nhớ núi nao nao giăng buồn
Lòng chiều có nhớ gì không ?
Nhớ thương quê mẹ ta trông từng chiều

TÔN NỮ
Nữ AHCC

MẢNH HỒN THƯƠNG ĐAU

Người hỡi người
Cái gì là nhân tính
Một mảnh hồn
Thất lạc giữa đêm xuân
Lại đây anh
Xem không gian màu tím
Triền hoa vàng
Thơm ngát cả mùa xuân
Bóng thương yêu
Dáng gầy soi dưới nắng
Trên đường đi
Hoa đan giầy ngổ hẹp
Đài hoa ơi
Nào mắt mát, hay chưa ?

Hãy nghiêng mình
Cho hồn say thương thức
Phút lắng hồn
Nhu cách biệt thật xa
Trong giấc mộng
Còn gì đẹp bằng hoa
Ta mãi nhớ
Hoa lung linh gọi nắng
Đem tơ vàng
Dệt lại khắp không gian
Gác vắng
Một đêm xuân

□ Trọng Vũ

HỌA THƠ AH Nguyễn Hữu Tuân ở LT số 35

NHỚ QUÊ HƯƠNG

Ai người thấu rõ nỗi yêu thương,

Chẳng ngại non xa chẳng ngại đường
Thăm thăm tìm con nơi đất khách
Mật mờ kiếm cháu chốn tha hương
Ra đi quê mẹ lòng lưu luyến
Nhìn lại thân mình dạ vấn vương
Chấp nhận gian lao chi sá kể
Tình này chép lại cả ngàn chương

Liên Huê

QUÊ NGƯỜI

Hoa Xuân hé nở ngát trời thương
Tuyết phủ rừng xanh khuất nẻo đường
Thương nhớ héo hon tình đất nước
Mong chờ mòn mỏi mộng hồi hương
Cô đơn gác trọ buồn tê tái
Lạnh lẽo quê người ruột vấn vương
Cuộc sống chỉ vui trong ảo tưởng
Mấy vần thơ lạc góp thành chương

Paris 18-2-86

Hoàng Thanh (Một AHCC ở Paris)

Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI

Tôi can cô lái đò đêm
Ngung chèo kéo nát mảnh trăng in giữa giòng

THƠ XUỐNG

Khuyên Cô Lái Đò

Cô lái đò ơi nhẹ mái chèo
Để vầng trăng bạc mãi trong veo
Dừng chao mặt nước tan hồn mộng
Chờ quây giòng sông vỡ cánh bèo
Gió thuận mưa hòa mây bớt ử
Trời thanh bể lặng nước ngừng reo
Ánh minh chiếu sáng soi muôn nẻo
Cho cảnh với đời đỡ khúc eo

□ Liên Huê

KẾT BẠN TRĂM NĂM

□ Chị Nguyễn Hữu Tuấn

Thuyền neo đậu bến buổi bình minh.
Kết chừ trăm năm đẹp ý mình
Yêu điệu em vừa trang thực nữ
Ung dung anh vẫn dáng thư sinh
Ông tơ sao khéo xe duyên thắm
Bà nguyệt khen cho lựa mối tình
Thiếp chống chãng chèo chung bến tốt
Đàn con nên phận đẹp an vinh.

Kỷ Niệm Bốn Mươi Năm Thành Hôn

□ Chị Nguyễn Hữu Tuấn

Thời gian tính đốt bốn mươi xuân
Sự nghiệp mờ tan đã mấy lần
Nồi nước sôi đầy, con nắng hạ
Tình nhà êm dịu, lúc thu phân

Đoàn con hiếu hạnh quanh bên gối
Một cháu nhu mỳ quện dưới chân
Mãi bạc phất phơ vui chữ phúc
Nước người đoàn tụ sống quây quần.

*Ghi chú : AH Nguyễn Hữu Tuân trước kia là Giám đốc Sài Gòn Thủy
Cục PTLT*

CÂU ĐỐI QUÁN RÁP (L.K.THI)

Ngày trước trong những dịp tang lễ, bạn bè thân thuộc thường đi phúng điếu, kèm theo lễ vật, những trướng liễn hoặc câu đối. Đây là một dịp để các cụ khoe bảng trổ tài sáng tác. Câu đối nào hay, gọi là “quán ráp” nghĩa là hay nhất trong rạp, thường được truyền tụng về sau.

Tôi xin ghi lại theo trí nhớ (xin sửa sai nếu thấy có) hai câu đối dưới đây để góp chút hương sắc cho Lá Thư Ái Hữu.

Trong dịp đám tang ông Hoàng Mười, ông Sogny thuộc tòa khâm sự Pháp ở Huế đi câu đối như sau :

- *Ba mươi lăm năm tôi những tưởng mong kết nghĩa lý đào,
kẻ Á người Âu, non nước tạc ghi tình bạn cũ.*
- *Năm mươi bảy tuổi, ngài vội về nơi mây gió bạc,
Cành vàng lá ngọc, nước non u ám cánh trời thu.*

Câu đối sau đây do cụ Phan Bội Châu đặt cho cô em dâu bà Thị Hoàng để phúng điếu cụ Thị Hoàng :

- *Dưới vĩ nhà, trên vĩ nước, anh có lẽ nào quên,
Mây núi Ngự, nguyệt Sông Hương, trời bể bơ vơ lòng cảm cụu.*
- *Chị khóc chồng, cháu khóc cha, em không buồn sao đáng,
nhận non Hồng, chim bãi Phố, đêm ngày réo rắc giọng hoài non.*

□ L.K.THI

TIN BUỒN

ĐƯỢC TIN :

★ AH Nguyễn Huy Ánh, nhạc phục của bác sĩ Đào Tự Giác ở Australia vừa qua đời ở Việt Nam, ngày 27-6-86 hưởng thọ 77 tuổi.

★ Cụ Nguyễn Viết Trục, pháp danh Quảng Duyên, nhạc phụ của AH Nguyễn Tấn Thọ, vừa qua đời ở San Diego, ngày 4-8-86 hưởng Thọ thọ 81 tuổi.

★ AHCC xin phân ưu cùng Bác sĩ Đào Tự Giác và AH Nguyễn Tấn Thọ, và xin cầu chúc Hương linh AH Nguyễn Huy Ánh và cụ Nguyễn Viết Trục được phiêu diêu miền Cực Lạc.

Được anh Lê Phú Quyền cho hay : AH Võ Thành Lượng vừa từ trần ở Montreal ngày 10 tháng 8 năm 1986 hưởng thọ 60 tuổi.

AH Lê Đình Sáu vừa từ trần ở Việt Nam ngày 9 tháng 3 năm 1986 hưởng thọ 65 tuổi.

AHCC xin phân ưu cùng gia quyến AH Võ Thành Lượng và AH Lê Đình Sáu, và xin cầu nguyện hương linh Hai AH sớm phiêu diêu miền cực lạc.

THƯ TÍN

AH Trương Võ Tấn, VN

Anh em trong Đại Gia Đình Công Chánh còn giữ được giấy liên lạc qua Lá Thư, thật đáng quý.

AH Bùi Thế Phỉ, Tây Đức

Xin cảm ơn đã gởi đầy đủ các LT. Xin điều chỉnh địa chỉ dùm.

AH Lê Mậu Đáo, Miami

Lá thư in thật đẹp, bài vở thật phong phú, có vẽ nhà nghề quá. Mặc dầu thật bận rộn, tôi đọc ngẫu nhiên một leo. Hiện tôi làm Phó Tổng Giám Đốc American Hospital Management Corporation, nhà tôi Vũ Thị Ánh Tuyết trước làm ở Sài Gòn Thủy Cục nay làm Nội Tướng. Năm con tôi nay đã lớn cả đang theo học y khoa. Mời Anh qua Miami chơi quần vợt với chúng tôi có sân xây trong nhà cả 7 người đều chơi được mặc sức mà Anh cấp độ.

PTLT Xin cảm ơn. Tôi xin cấp độ với gia trưởng thì mới chạy nổi.

AH Lưu Ngọc Thuận, Montreal, Canada

Đã nhận được LT, bài vở rất phong phú.

AH Khúc Đan, Pháp

Lá Thư số 35 gởi qua Pháp bằng tàu thủy 3 tháng mới tới. Xin gởi LT 36 bằng máy bay, vì gởi bằng máy bay khoảng 4 đến 7 ngày sẽ tới Pháp. Gởi LT đi Pháp bằng máy bay tốn kém hơn, khoảng \$5, \$6, song thiết nghĩ AH ở Pháp yếm trợ tài chánh dồi dào nên mong được gởi bằng máy bay. Việc anh đề nghị gởi mấy chục Lá Thư cho tôi nhờ phân phối thấy cũng bất tiện, vì giá gởi nội địa Pháp cũng tốn kém không ít, xin xem bản giá đính kèm.

AH Bạch Văn Hạ, Wiscosin

Rất hoan nghênh đã cố gắng rất nhiều để cho phát hành LT tốt đẹp.

AH Nguyễn Văn Tiến, Fullerton, CA

Hoan nghênh PTLT làm việc tích cực, có phương pháp, đầy thiện chí.

AH Trần Đại Từ, Cerritos, CA

Rất cảm kích công lao của AH trong việc phát hành LT.

AH Trần Ngọc Tuấn, Maryland.

Xin yểm trợ thêm mặc dầu đã yểm trợ rồi, để tiếp sức với Anh. Khi nào lên du ngoạn Thủ Đô, xin tin cho biết để đón tiếp.

PTLT xin đa tạ.

AH Vũ Kim Chu, Houston, TX.

Xin cảm ơn Anh và mong cố giữ cho LT được trường tồn.

AH Nguyễn Văn Thông, WA

PTLT đã rất cố gắng thực hiện LT xuân.

AH Trần Sĩ Huân, Cerrito, CA

Trong lúc đánh máy bản tin hợp mặt tại Newark ngày 4-5-86, tôi thấy Anh Hùng chỉ đưa cho Anh Hiệp một chi phiếu 1.977.55 nhưng theo bản tường trình của Anh Huyền về tiền tương trợ là \$2.773.50 sự sai biệt này có lẽ đã tiêu thẩm tiền tương trợ trong lúc thực hiện LT 33 + 34.

PTLT Đã đem tiền yểm trợ Lá Thư qua cho tiền tương trợ để điều chỉnh rồi.

AH Lương Sĩ Phú, Sacramento, CA

Xin “bức thom” AH đã có nhiệt tình và nhiều sáng kiến, cố gắng không ngừng để làm tăng thêm sự hấp dẫn của Lá Thư.

AH Trương Đình Huân, New Jersey

AH nào muốn qua làm việc ở Ched N’djamena xin liên lạc với tôi để cung cấp thêm chi tiết.

AH Khúc Đản, Paris

Một số AH đã thôi hoạt động với AHCC vì nhiều lý do. Vậy tin AH rõ để tùy nghi.

AH Nguyễn Xuân Hiếu, Texas

Được thư Anh đã lâu, xin cảm ơn. Tôi lên Austin làm việc với Hãng Murfee Engineering từ hai năm nay. Xin gửi Anh \$30 để yểm trợ LT. Tôi quen nói đùa, nói dối. Khi trước có viết một bài, mới đăng có một nửa, thì có một bạn bài bác, nên tôi không rõ chủ trương của các anh PTLT ra sao, nên ngại chưa viết thêm.

PTLT Xin cảm ơn Anh đã viết thư thăm, từ lâu vắng Anh, nay thấy lại chữ viết của Anh tôi mừng lắm. Trong số 36, có hình Anh trong buổi thăm viếng ở CA. Xin Anh viết bài gửi cho tôi, nếu gửi kịp cho LT 37, tôi sẽ ưu tiên đăng bài của Anh.

AH Nghiêm Phú Cần, Santa Ana.

Tôi có đem qua một số hình ảnh, nếu LT cần hình bìa, tôi sẽ cung cấp.

AH Vũ Bá Đình, Monterey CA

Tôi mới lên Canada dự lễ cưới con gái út của Anh tôi, Vũ Bá Bàng. Tôi cũng có đến thăm Anh Chị Đào Trọng Cương ở Ottawa, trong dịp sum họp Đại Gia Đình.

LT 36 thấy hấp dẫn, được biết qua thành tích của các bạn mà từ trước đến nay không hề lưu ý đến. Hoan hô Anh đã làm một việc hữu ích.

AH Hồng Dư Châu, Northridge, CA

Tôi đã nhận được LT 36. Xin cảm ơn Anh. Xin gửi Anh \$20 để yểm trợ LT.

AH Đào Trọng Cương, Canada

Tôi đang nghiên cứu và suy luận nhiều về Đòi Hồng Bàng. Bạn nào muốn có những bài suy luận trên, xin liên lạc với tôi.

AH Nguyễn Văn Bảnh, N.O. LA

Thành thật ca ngợi sự quan tâm của Anh về cộng đồng Công Chánh, đặc biệt LTAHCC.

AH Hoàng Đình Cang, Fremont, CA

Nhận được LT 36, đọc hay quá. Công anh nhiều quá.

AH Trần Sĩ Huân, Cerrito, CA

Đã nhận được LT 36, kỳ này LT dày đặc biệt tin tức, hình ảnh đầy đủ.

AH Lê Khắc Thi, Los Angeles, CA

LT số 36 rất tốt đẹp, một trong số LT xuất sắc nhất trong 10 năm nay. Đặc điểm kỳ này có hình ảnh và tiểu sử AH Cao Niên. Nội dung bài vở kỳ này cũng hấp dẫn. Sự cố gắng của Anh vượt mức cho LT, và kết quả đền bù lại phần nào công lao của Anh.

AH Nguyễn Quảng Đức, Holland.

Xin gửi anh \$30 để yểm trợ LT chúng tôi đang dọn nhà, sẽ gửi địa chỉ đến cho Anh sau.

AH Nguyễn Thiệp, San Francisco, CA

Chúc Anh nhiều sức khỏe để “vác ngà voi” to, nặng, mệt nhọc. LT 36 kỳ này sáng sủa đẹp đẽ, từ nội dung đến hình thức đều xuất sắc. Anh em ai cũng thần phục sự hy sinh của Anh.

AH Lưu Ngọc Thuận, Canada

Nhận được thư Anh, xin trả lời Anh rõ. Canada giờ này còn lạnh trong nhà phải bận áo ấm. Tôi vẫn nhận được LT đều, xin cảm ơn Anh.

AH Nguyễn Văn Minh, Huntington Beach, CA

Xin đề cao AH Bửu Hiệp đã dày công làm cho LT được khởi sắc kể từ khi AH phụ trách LT 35.

AH Nguyễn Quốc Đống, Austin, TX.

Tình cờ đến địa chỉ cũ, tôi được chủ nhà đưa cho 2 LT, tôi chợt nhớ dời địa chỉ mà quên thông báo.

AH Hồ Đắc Cáo, Columbia, SC

Xin có lời cảm phục Anh cho ra LT 36 với một bộ mặt mới mẻ, đẹp đẽ, xuất sắc từ cách sắp đặt cái tiết mục cho đến cách trình bày các trang in. Phương diện nào cũng được để ý từng li, từng tí. Với phương tiện không được dồi dào mà đạt được kết quả mỹ mãn, hoàn hảo như vậy thật là một sự thành công hết chỗ nói.

Tác phẩm khi nào cũng phản ánh tài năng và tư cách của tác giả. “The Workman is Known by his work” hay “A L’oeuvre on connait l’artisan”.

AH Cao Minh Lý, Ma

AH trên này sẽ tổ chức họp mặt và sẽ có thư gửi đến Anh sau.

PTLT xin mừng với các Anh và xin gửi ảnh về LT.

Ông Nguyễn Phước Bửu Bang, Los Angeles, CA.

Tôi là tác giả quyển “Nghị Thức Hôn Lễ”. Nếu được xin gửi cho tôi một LT số 36.

AH Lý Đài, Pasadena, CA

Tôi không nhận được LT từ 30 đến 35 nên không biết AH nào phụ trách để yểm trợ vậy xin lỗi các Anh. Tôi mới nhận LT 36. LT này dày dặn, nhiều tin tức, sinh hoạt, hình ảnh AH, nhất là tiểu sử các bậc đàn anh, từ lâu tôi ngưỡng mộ. Bài vở cũng đặc sắc như Diễm Xưa, Vợ tôi v.v... Xin thành thật khen tặng Anh và Ban Biên Tập.

AH Nguyễn Mạnh Cung, Pháp

Khoảng 1, 2 tháng nữa, tôi sẽ trở lại làm việc ở Phi Châu. Xin tạm ngưng gửi LT cho tôi.

AH Trần Mộng Châu, OR.

LT số 36 rất xuất sắc.

AH Nguyễn Danh Vang, TX

LT 36 nội dung phong phú, đặc sắc, trình bày nghệ thuật và công phu. Rất cảm ơn Anh và các AH đã đóng góp công lao, tài chánh sáng tạo giai phẩm này.

AH Nguyễn Thành Hổ, Pháp (do AH Vũ Bá Đình nhờ gửi LT 36 đến).

AH Vũ Bá Đình có nhờ AH gửi LT 36, xem mới biết các anh em Công Chánh Kiến Trúc ở Huế Kỳ có lòng đoàn kết rất đáng khen và đáng kính phục. Đọc LT ấy, tôi lấy làm vui quá và phục sáng kiến của các AH nhất là AH Bửu Hiệp PTLT. Của ít lòng nhiều, tôi xin gửi \$20 để yểm trợ LT. Tôi đọc LT thấy tên AH Hồng Dự Châu và AH Đoàn Kỳ Tường, tôi mừng quá, vì đã mấy năm nay mới biết được tin tức của nhau. Xin AH vui lòng chuyển dùm hai thư của tôi đến AH Hồng Dự Châu và AH Đoàn Kỳ Tường.

AH Lê Tiềm, Canoga Park, CA.

Đọc LT 36, ai cũng thành thật tấm tắc ngợi khen Anh. Tôi thích bài Anh TÀng viết “Vào Làng Mỹ” rất dí dỏm, bài “Vợ tôi” đượm xã hội và luân lý của AH Lê Thái Hoan.

AH Lê Phú Quyền, Santa Clara, CA.

Rất tiếc mấy lần họp trước đây, tôi quá bận nên không dự được. Tôi sẽ đến dự phiên họp ở Milpitas tới đây.

AH Đỗ Bá Vinh, Bruxelles (do AH Vũ Bá Đình giới thiệu)

Tôi nhận LT 36, đúng thực là một cuốn sách in đẹp, giấy tốt, trang nhã với hình bìa “Nữ Thần Tự Do”. Bài thơ do Nữ Sĩ Emma Lagarus ca ngợi được dịch ra Pháp ngữ :

Donnez moi vos pauvres
Vos larges foules entassées
Et implorant de respirer
Librement le refus désespéré
De votre côte grouillante
Envoyez les sans patrie
Les, Naufragés
J'élève ma lampe
À l'entrée de la Porte d'or

Xin cảm ơn tất cả AHCC.

AH Bửu Hạp, Torrance, CA

Tôi mới đi Singapore về, ngồi buồn, nhớ nhà, nhớ nước, xin gửi Anh bài tôi mới viết để tùy nghi. LT 36 xét ra vượt bậc, xuất sắc hơn các lá thư trước.

AH Trương Như Nguyên, WA.

Tôi đón nhận LT 36 với niềm vui mừng vì nhận thấy Anh tuy tuổi đã cao, song còn mạnh, hăng say không khác gì tuổi trẻ đã vì AH bốn phương mà gánh vác và kỳ này LT 36 đã thành tuyệt đẹp nhất đối với tất cả kỳ trước ...

AH Lưu Đức Độ, CA

Tôi là Lưu Đức độ cựu công chức tại Nha Giám Đốc Công Chánh Bắc Việt. Di cư vào Nam năm 1954, tiếp tục phục vụ tại Tổng Nha Công Chánh và các ty cho đến khi về hưu. Hiện cư ngụ tại Mỹ quốc từ 26-4-1975.

Nhân dịp sang thăm gia đình AH Lê Tiềm. AH Lê Tiềm có tặng tôi LTCC số 36. Tôi rất mừng đã gặp lại các AH nhưng với con số trên 400, tôi ước mong được gặp gấp năm mươi lần như vậy trong năm sau.

Nhân đọc Diễm Xưa 1 của AH Huy Bảo có đoạn nhắc đến cụ Nguyễn Dân tôi xin xác nhận cụ Dân còn sống ở Tây Đức với con trai và con gái cụ Dân hiện ở Canada.

Tôi mới được tin anh Lê Thái Tồn bị xe cán chết tại Sài Gòn đầu năm Bình Dân.

AH Bửu Đôn, Silver Spring, MD.

LT 36 kỳ này có đầy đủ hình ảnh xem các Anh em ai cũng có già đi không ít thì nhiều, song cũng còn phong độ cũ.

AH Nguyễn Sĩ Tuất, Holbrook, MA.

Xin cảm ơn Anh đã gửi LT 36 đến cho tôi.

AH Phạm hữu Quang, OKC, OK

Cách đây hai tuần một số anh em AHCC vùng tôi họp mặt và có nhờ Anh Đại diện Nguyễn Đình Viên gửi Anh tin tức.

PTLT xin mừng quý anh ngồi gần lại họp hành, thắt chặt mối tình AH cho vui về nơi quê người.

AH Trần Trung Trực, Austin, TX

Tôi mới dời nhà. Ở đây có 5, 6 AH sẽ họp mặt và liên lạc với Anh sau.

PTLT xin hoan nghênh.

AH Nguyễn Văn Hiển, Anaheim, CA

Rất cảm kích thư kêu gọi của Anh về Anh Ưng Sơ. Xin gửi Anh chi phiếu yểm trợ đính kèm.

AH Đồng Sĩ Khiêm, San Gabriel, CA

Tôi có nhận xét :

1.) LT 36, anh đóng góp hết mình. Tôi có cảm tưởng đang cầm trong tay tờ ASCE và đồng thời có thoáng ý vẫn thích các tờ báo trước đây vì có vẻ ái hữu gần gũi hơn.

2.) LT gửi qua Pháp nên gửi Air Freight cho đại diện và nhờ đại diện phân phối lại. Phí tổn LT đi Pháp, Úc, tốn \$6 đến \$7 quá cao để thể hiện tình Ái Hữu.

PTLT

1.) Nếu tình hình tài chánh tháng tới không được dồi dào, LT 37 sẽ có khuôn mặt và dáng điệu ngày xưa.

2.) Xin xem thư tín của AH Khúc Đản, Đại diện Pháp, nằm ở

đoạn trên.

AH Nguyễn Bách, Montreal, Canada.

Mỗi lần nhận được LT AHCC là tối hôm đó tôi đọc luôn một hơi từ đầu đến cuối để ghi nhận những tâm tư, những ý nghĩ, những gì rất Công Chánh của riêng một thế giới Công Chánh.

AH Lê Thanh Tùng, FL

Xin gửi AH \$40 để yểm trợ Anh Ưng Sơ.

PTLT xin cảm ơn mỹ ý của AH.

AH Phó Thái Gia, MA

Xin gửi Anh \$30 để giúp anh Ưng Sơ. Ngày mai tôi sẽ đi Pháp, sẽ gặp AH Khúc Đản để thăm viếng AH ở Pháp.

AH Mai Văn Mạo, MD

Đã nhận LT số 36. Với sự tổ chức và điều động khéo léo của anh, thêm sáng kiến và tài năng. Anh đã phát hành các LTAHCC đặc sắc với nhiều mục mới mẻ. Xin gửi \$10 yểm trợ LT.

AH Trần Văn Anh, Australia.

1.) Đã nhận LT số 36, tất cả Anh em ở Tiểu bang Victoria đều hoan hỉ, Lá Thư in rất đẹp, bài vở dồi dào, nhất là có đăng sinh hoạt của các AH trên 5 châu, và tiểu sử của AH đàn anh.

2.) Xin gửi danh sách AH ở Vic. Kỳ này có thêm 3 AH mới.

3.) LT gửi đến AH bằng Máy Bay, First class nên tốn kém quá nhiều. Đề nghị Anh gửi bằng đường biển cho tôi, rồi tôi sẽ phân phối lại cho anh em.

4.) Xin gửi chi phiếu \$223.78 của AH ở Úc yểm trợ LT, danh sách đính kèm.

AH Lê Cảnh Túc, Australia

1.) Có thêm một hội viên mới, AH Vi Hữu Lộc.

2.) AH Lê Văn Vui ở Brisbane vừa mới được Hội Kỹ Sư Úc Đại Lợi chấp thuận làm Hội viên “mới tốt nghiệp” (graduate). AH Vui còn đang xin cấp bậc Hội viên thực thụ (Member IEA : Institution of Engineers, Australia).

3.) Vì AH “Đầy Nhựa Sống” PTLT kêu gọi yểm trợ để cho ra LT 37 nên AHCC ở Úc kỳ này gia tăng sự đóng góp nên còn thừa thì bỏ

vào mục tương trợ chung.

4.) Vì lá thư số 36 gửi máy bay quá tốn, 15 Úc kim mỗi LT nên đề nghị kỳ tới gửi LT bằng đường biển, sẽ phân phối lại sau.

PTLT Xin cảm ơn Hai **AH** Túc và **AH** Anh đã hoạt động tích cực nên số hội viên càng ngày càng gia tăng. Yểm trợ của Anh em ở Úc cũng dồi dào.

AH Phạm Khánh Châu, Pháp

Nhờ **AH** Vũ Bá Đình, tôi đọc được LT 36 của **AHCC** và rất cảm ơn. Nhờ LT tôi được biết thêm và nhớ lại nhiều bạn trong làng công chánh đã được may mắn sống trên Đất Tự Do ngày nay.

AH Thái Như CA

Tôi dời xuống quận Cam đã 4 tháng nay. Đọc LT số 36, tôi lấy làm vui mừng khi xem đến tên các ông hồi trước làm việc ở Nha Trang, rồi lại bùi ngùi nhớ đến ông **Phương**

AH Trần Sĩ Huân, CA

Đề nghị phân phối công việc điều hành Lá Thư ra làm 4 ban, gồm có : Ban Theo Dõi và Đôn Đốc, Ban Biên Tập và Trả Lời Thư Tín, Ban Trình Bày và Ấn Loát, Ban Phát Hành. Chi tiết sẽ do các ban hoạch định sau.

AH Nguyễn Hữu Tuân, MA

- Trong bài “bánh mì chiên tôm” đăng ở LT số 36 trang 66, xin thêm vật liệu mà nhà in đã bỏ sót : Tôm nửa ký, tiêu muối một chút, lòng trắng trứng một café, bánh mì một ổ.

Trong các **LTAHCC** cũ, tôi thấy trong nhiều bài có vài anh vẫn dùng chữ **ông, bà** tôi thấy chúng ta nên bỏ hai chữ **ông, bà** đi cho thân mật, mà dùng các chữ **Anh, Chị** hoặc **Ái Hữu** mà thôi.

AH Phạm Hữu Vinh, Canada

Đã nhận được LT số 36. Cảm ơn Hiệp nhiều và xin có lời khen Hiệp về số 36 đặc sắc này.

AH Cao Tấn Tài, Pháp

Tôi đã nhận được đầy đủ **LTAHCC** trong nhiều năm nay, số sau cùng (số 36) cũng đã đến nơi. Sau bao nhiêu năm xa cách, Lá Thư đã đem lại cho tôi tin tức của anh em đã tìm được tự do cũng như của

anh em còn lại với CS và tôi đã đọc với nhiều thích thú để ôn lại kỷ niệm của dĩ vãng. Nói về Lá Thư, hình thức cũng như nội dung đã cải tiến rất nhiều, tôi rất phục tài ba và thiện chí của các AH ở Mỹ và của riêng Anh đã vun xới tới đa để đạt tới kỷ lục hiện tại.

Tôi lúc nào cũng thiết tha với tình Ái Hữu của Hội cũ. Im hơi, lặng tiếng trong nhiều năm không có nghĩa là tôi đã quên anh em vì tôi đã bắt đầu xây dựng tinh thần này trong những năm còn ở trường. Tuy nhiên, tôi rất tiếc và rất buồn là tôi không còn đóng góp gì được cho Lá Thư. Như Anh thừa hiểu, đời sống ở Pháp khá phức tạp, không giống ở Mỹ. Cuộc sống hằng ngày là “métro-boulot-dodo” không cho phép tôi có thời giờ rảnh rỗi để sống cho bản thân ; tôi không được sáng khoái về tâm thần, sức khỏe bắt đầu xuống và, hơn nữa, tôi còn con cái chưa ra khỏi đại học đang vất vả chen lấn để lo cho tương lai. Mong anh thông cảm cho.

Tôi có một hoài bão nhỏ. Anh em Công Chánh còn lại không bao nhiêu và sống rải rác khắp các nơi trên địa cầu, tuổi bắt đầu chất chồng. Hầu hết đều ổn định và còn có phương tiện đi lại để gặp bạn bè cũ ở nơi nào thuận tiện, trong các dịp đi công du hay thăm con cái, gia đình ... ở một châu khác. Một ngày nào đó, anh em sẽ bớt đi đứng và sự liên lạc sẽ không còn nữa. Con em chúng mình, ngày ấy, sẽ thành ra xa lạ và Hội sẽ thu hẹp lại lần lần. Có thể nói là ở Mỹ không thành vấn đề vì anh đông hơn và con cái có dịp gặp nhau. Còn ở Âu Châu, Úc Châu ... thì dù muốn dù không sự liên lạc sẽ bị gián đoạn giữa các con em chúng ta. Tôi muốn cứu vãn tình trạng ấy ... bằng cách chẳng hạn lấy ý kiến của một số anh em thiết tha với vấn đề để tổ chức những cuộc trao đổi con em trong các dịp nghỉ hè, thực tập (stage, v.v... để cho chúng giao thiệp với nhau, trao đổi ý kiến trong việc học hành, ăn ở trong các gia đình của AH để mở rộng tình công chánh cho con em trong tương lai. Trong lúc có tổ chức tương tự để trao đổi sinh viên, thiết nghĩ Lá Thư với tư thế hiện tại hẳn sẽ giúp cho Hội có môi trường để duy trì tình Công Chánh của Hội ở Hải Ngoại sau này.

AH Phạm Bội Điệp, Tampa, Florida

Tôi đã nhận được thư AH cho ý kiến về việc gia nhập AHCC. Xin đa tạ thịnh tình và “lời vàng xin lãnh ý cao ...”. Mong AH cho tôi được gửi vài dòng trên LT số 37 để kêu gọi các AH trong ngành Bru

điện ở các nơi biết và có cơ hội được liên lạc lại với nhau trong đại gia đình công chánh.

Để tiếp tay với AH trong việc thực hiện LT sắp ra tháng 10, tôi gửi kèm đây chỉ phiếu 20 Mỹ kim và những hình vẽ đẹp quê hương để “lay out” được thêm phần mỹ thuật. Tôi đang làm cho một nhà in nên biết sơ sơ về kỹ thuật tân tiến của máy offset.

Nhiều AH và phu nhân thích và biết làm thơ Đường, đó là điều thú vị vì đa số các AH đều là cao niên và lối thơ này hợp với hoàn cảnh, tâm sự ; đề nghị LT nên chăm sóc kỹ mục này và tôi sẽ cố gắng tiếp tay với AH cũng như sưu tầm những bài thơ hay để quý vị nhận làm. Ngoài ra chúng ta cũng đặt vấn đề tranh đấu chống cộng trở về quê hương để khỏi mang tiếng và đắc tội với đồng bào. Đây chỉ là thiện ý đề nghị riêng với người phụ trách thôi.

PTLT Xin giới thiệu AH Phạm Bội Điệp. AH Điệp cho biết là một nhân viên lâu năm ngành Bưu Điện Củ. PTLT đã mời AH Điệp gia nhập AHCC (cũng như nhân viên Bưu Điện cũ) cho vui vẻ với Bài “Diễm Xưa” của AH Huy Bảo đăng ở LT 36.

AH Trương Thị Thùy Hương, Canada.

(AH Thùy Hương là bạn đời của AH Võ Văn Hiếu)

Rất cảm ơn các Anh đã gửi LT số 36. Chúng em đọc LT thấy ấm áp tình quê hương và bớt cảm thấy cô đơn nơi đất khách quê người. Nhờ đọc LT, em biết được cậu em là AH Lê Sĩ Ngạc. Em xin gửi một bài thơ đóng góp với LT.

AH Ngô Trọng Anh, San Francisco, CA

Thành thật với anh tôi chưa viết cho Diễm Xưa II một chữ nào cả vì nhiều lý do ngoài ý muốn :

1.) Lo về đám tang ông thân cùng cúng cầu siêu suốt 49 ngày ở nhà và cuối tuần ở chùa.

2.) Viết một tập “kinh nghiệm về Thiên” gửi cho Khóa Tuần Quán Niệm của thầy Nhất Hạnh tổ chức ở Tu Viện Kim Sơn trong tháng 6.

3.) Viết giúp cho con, một bài “Nghiep Học Trò Việt Nam” để đăng trên tờ Phù Đổng của Sinh viên SF (tương đương với bài Tình Quê vừa rồi).

4.) Đùng một cái, tự nhiên mắt bên phải bị nhiều chấm đen xuất hiện. Liền chạy đi chữa Emergency thì được biết như sau :

Symptomatic Flap Tear Retina Right Eye. Specific services requested : Laser Treatment.

Bên được chuyển qua Long Hospital của UCSF chữa bằng hàng trăm phát Laser vào mắt. Nay đã tạm ổn nhưng ngăn quá không dám viết lách gì cả.

5.) Ý lại vào bài Tình Quê gợi cho Lá Thư khá dài chưa kịp đăng vì vấn đề tài chánh lá thư eo hẹp. Mục đích của Lá Thư là để mỗi người góp một vài trang nó mới vui. Bài hay là màu mè gia vị, cũng cần đó nhưng vẫn là thứ yếu.

6.) Những bài Kinh nghiệm Thiền và Nghiệp Học Trò Việt Nam sửa lại một chút vẫn có thể cho vào Lá Thư, rất hấp dẫn lắm đó.

7.) Đến ngày 17 tháng 8 họp tại nhà Trần Quốc sẽ kiểm thêm tài liệu sống của Cụ Huế (thời ở Huế) để viết thật hay đăng vào Lá Thư 38.

Như vậy thì bạn Bửu Hiệp nên thông cảm vào cảnh ngộ long đong của một con cọp già Bính Dần cùng năm tuổi như nhau.

AH Nguyễn Đình Viễn, OK

Xin gửi anh tấm hình kỷ niệm của một số Ai Hữu công chánh Oklahoma City, chụp tại nhà anh Phạm hữu Quang hồi tháng sáu, 1986 (có phim kèm theo).

Từ trái qua phải :

1.) Anh Phạm Văn Ân, ra trường công chánh năm 1966, làm việc tại một hãng kỹ sư tại Oklahoma City, một người luôn luôn bận rộn với công việc.

2.) Anh Ngô Anh Tề, cùng khóa với Ân, làm việc tại Department of Transportation, OK, ưa hoạt động và thích soa mạt chược.

3.) Tôi là Nguyễn Đình Viễn, người thất “cà vạt”, ra trường năm 1962, và là công chánh già nhất tại đây. Tôi hiện đang làm việc tại Bộ Y Tế Oklahoma ; và rất bận rộn với gia đình (vợ + 5 con).

4.) Người cạnh tôi là anh Phạm Hữu Quang, ra trường cùng một lượt với Ân và Tề, hiện là Giám Đốc coi về ô nhiễm nước tại Bộ Y Tế tiểu bang Oklahoma. Anh Quang là người rất tốt, đã giúp đỡ tôi

rất nhiều từ khi tôi tới Oklahoma năm 1980. Không những là người tốt, anh Quang làm việc rất đàng hoàng và có tài tổ chức.

Ngoài ra còn có hai ái hữu nữa chưa có dịp để đến dự buổi họp mặt kể trên.

1.) Anh Phạm Tân Yên, ra trường năm 1966, trước là Trưởng Ty Công Chánh Lâm Đồng Việt Nam. Từ hồi sang Mỹ anh Yên chỉ tự làm việc. Hồi đầu là chủ tiệm Groceries Cao Nguyên, nay là Giám Đốc hãng Xuất Nhập Cảng hàng hóa từ Hồng Kông, Nhật Bản. v.v... Yên bạn đi Houston trong kỳ họp mặt các Ái Hữu Công Chánh tháng 6 vừa qua.

2.) Anh Lê Văn Sâm, thuộc ban Địa Chánh, ra trường cùng một lượt với anh Yên và hiện đang làm tại một hãng dầu hỏa Oklahoma City. Vì mới có cháu bé, rất bận rộn nên anh chỉ gọi điện thoại đến nói chuyện mà không đến dự buổi họp mặt được.

Nói chung là các anh em công chánh tại đây đều có công ăn việc làm khá. Khi nào có thêm hình ảnh hoặc tin tức gì khác xin gửi anh sau.

PTLT xin chung vui cùng các AH và xin liên lạc đều với LT.

AH H.Đ.L. Việt Nam.

Sài Gòn, 21-6-86

Anh chị thân mến,

Tôi vừa mới hộ tống Mẹ tôi, năm nay 79 tuổi về Huế, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi và của nhiều người bạn khác như Anh Tạng, Huân v.v... để lo việc dời mộ và sửa nhà thờ tổ bị sụp đổ sau trận bão lớn vừa qua.

Huế vẫn đẹp với con sông Hương xanh biếc quanh năm, dịu dàng với dòng nước chảy nhẹ giữa hai bờ cỏ xanh tô thắm màu đỏ của phượng vĩ với tiếng ve sầu của mùa hè nắng vàng rực rỡ, mà sợi nắng vẫn bay qua cầu Tràng Tiền (“Sáu vầy 12 nhịp, em qua không kịp tội lắm anh ơi”) mỗi buổi chiều xuống, lửa vụn đỏ vẫn sưởi ấm lòng kẻ tha phương. Huế vẫn đẹp với Núi Ngự với phần thông vàng, với chùa Linh Mục có tháp cao nhiều tầng, với cổ thành rêu phong tím sẫm ... Nhưng trong các phong cảnh hữu tình quen thuộc hình như

thiếu cái gì : Huế đã không còn thơ nữa. Huế đã không còn những mái tóc thề chảy trên vai người thiếu nữ với chiếc áo dài lộng gió ; người khách lạ không còn nghe tiếng chuông chùa Linh Mục âm vọng từ cõi hư vô, và tiếng hò trên sông nhớ nhung tình cũ, trong khung cảnh quen thuộc này, tôi bỗng thấy như mình là kẻ xa lạ.

Mà thật vậy, khi mà quanh mình toàn những gương mặt mới. Ra cái tên đặt cho người hay cho một Tỉnh cũng là định mệnh. Thừa Thiên cũ nay là Bình Trị Thiên. Mà đúng vậy : dân Huế xuôi Nam, dân Quảng và Huế lập nghiệp, mà lại làm toàn chức sắc. Dân gian cũng dịch là Bình trị trời. Trị trời chưa được thì trời cho hạn hán, mất mùa, bão táp. Nhưng năm nay B.T.T. được mùa. Bà con, họ hàng làng tôi ra đồng cấy lúa phơi đầy đường đầy sân. Tưởng họ sẽ được lợi lớn, nào ngờ khi hồi lại thì họ bảo phải đóng góp cả cho Nhà Nước để trả nợ những mùa bị thất trước. Ra đường đi đâu là có xe đạp thồ, nghĩa là xe đạp chở người ngồi sau. Xe đạp thồ ở Huế nhiều hơn xe xích lô vì ai cũng phải sắm chiếc xe đạp để di chuyển, chứ có xích lô là đã sang rồi. Người bạn Đại Ủy cũ của tôi mỗi ngày khởi đạp từ 5 giờ sáng, trưa nghỉ một chút rồi đạp cho đến 5, 6 giờ chiều, nghỉ và kiếm được 40 - 50đ (mới) trong lúc gạo 10đ được 2 lon tối đa (thường thì 1,8 lon). Nếu 3,7 lon là 1 kí (tính tròn 4 lon đi) thì một ngày chỉ mua được 2 kí gạo, vừa đủ cho một gia đình 6 người ăn. Thức ăn, mắm, muối, và điện nước ... bà xã phải xoay thêm chứ sao. Quang cảnh chung cho tôi có cảm giác sống lại thời kỳ của những năm 1946-1947. Nói như thế này chắc Anh Tăng hiểu nhiều hơn anh chị. Cái thời của tụi tôi mang tới đọt, đi mang guốc cạo râu đi học ... vào mùa Đông rét mướt gió chiều nào thì xoay tới đọt chiều đó, cái nón lá không chỉ dành riêng cho các cô đâu, mà tụi tôi cũng xài như điên. Mặc dù Huế có những xây cất mới, nhưng sao tôi vẫn thấy cảnh nghèo nàn ? Người bạn khác của tôi thì cả ngày diện bích bó chuối đọt (để xuất khẩu) để đổi lấy gạo. Té ra bó chuối cũng khó đào để và công phu quá, mà giá thành thì quá rẻ. Tôi thấy cả nhà từ cha đến 3, 4 đứa con làm từ sáng đến tối, mà chưa đủ tiền gạo ăn cho cả nhà. Đó là chưa kể đêm tới thì phải thắp đèn dầu mà làm, vì điện ở đây cũng như ở các nơi, có tùy hứng. Đêm ngủ một giấc rồi thì phải dậy mà tắt điện. Những đêm qua bên Phú Tùng Thiện (anh Tăng biết) uống rượu với người bạn. Khi đạp về nhà thì y như là người mù

đi trong đêm. Đèn nhà không có đã đành mà đèn đường thì cũng chẳng thềm cháy cho. Tôi chưa bị bể mặt, dập môi, chớ bạn tôi thì dài dài...

Cây cầu mới trên Sông Hương khi làm xong đã không được khánh thành vì lúc đó Sinh viên đấu tranh làm quá dữ. Nay cầu vẫn còn đó nhưng đã có hư hao mà không ai sửa. Tình trạng đường quốc lộ 1 cũng vậy. Khi vào Sài Gòn tôi đi xe hơi của hãng du lịch nên đã thấy nhiều cầu lớn của Tổng Nha KL làm và các bạn chúng ta thực hiện đều còn tốt : như các cầu Sông Hương, Cầu Lãng Cô, cầu Nam Ô, cầu Cầu Dâu, cầu Trà Khúc, cầu Tuy Hòa v.v... những loạt cầu làm bằng “đá tiền áp” hoặc đá sắt đều còn tốt cả. Một số cầu gỗ, và Bailey nay vẫn còn chưa được thay thế bằng những cầu vĩnh viễn. Nhưng nhiều đoạn đường đã bị hư hỏng nặng như các đoạn ở phạm vi Tỉnh Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết v.v... mặt đường đôi chỗ hư hổng cây số. Người ta sửa chữa bằng cây mặt bê tông nhựa và lót “blocage” và trải nhựa sạn của thời 1950. Thế nhưng cứ hỏng hoài. Tôi sợ trong ít năm nữa rồi QL, sẽ như cái áo cũ vá nát. Ở đây có khuynh hướng xài tôi đá, nhưng không tu bổ. Đủ thứ xe xử dụng các QL, xe be chở gỗ, xe tải chở hàng hóa, xe “Sealand” chở hải sản, xe chở dầu ... nhưng khoản tiền dành cho duy trịchắc chẳng có bao nhiêu. Có thể là có dự trù, nhưng khi thực sự thực hiện thì chẳng có mấy — cái hiệu số này đi đâu mất ? Anh đã từng làm anh đã biết rồi. Tôi cũng đã từng làm và nhiều lúc sợ đến da gà ! Có lẽ cũng vì vậy một phần nào mà anh em nghỉ hết. Tất cả anh em cũ vẫn khỏe. Bệnh tình của Anh Trinh và Anh Diệu tốt hơn trước, nghĩa là bệnh giảm đi nhiều, sức khỏe của các anh ấy tốt. Nhưng thuốc men dạo này đắt và hiếm, ngay cả những loại thuốc bổ như Vit. C, B, complex v.v... Những loại thuốc thông thường như cảm, cúm, nhức đầu, đau bụng, đau mắt cũng hiếm. Vì vừa rồi đây bị dịch mất đồ cấp tính, bệnh cúm, v.v...

Bọn tôi và gia đình xin thăm Anh Chị và gia đình khỏe và hạnh phúc. Xin cho tôi gửi lời thăm các anh Tăng và gia đình, Trang cũng cho tôi gửi lời thăm thân ái.

DANH SÁCH

Ái Hữu Công Chánh Yểm

Trợ Lá Thư tính đến ngày 10-8-1986

HỌ TÊN		HỌ TÊN	
Trần Đại Từ	10	Trần Ngọc Tuấn	20
Trịnh Thành	10	Phan Đình Tăng	20
Phạm Văn Ân	20	Lê Mậu Đáo	50
Bạch Văn Hạ	10	Trương Như Nguyên	10
Nguyễn Ngọc Thụ	20	Lưu Ngọc Thuận	10
Trương Minh Viễn	10	Bùi Thế Phỉ	10
Nguyễn Văn Thông	20	Vũ Kim Chu	20
Nguyễn Xuân Hiếu	30	Nghiêm Phú Cần	20
Hồng Dư Châu	20	Nguyễn Văn Bảnh	20
Nguyễn Quảng Đức	30	Nguyễn Tạ Hùng	20
Nguyễn Quốc Đống	20	Nguyễn Định	10
Lý Đại	10	Nguyễn Thành Danh	10
Võ Thế Thanh	10	Nguyễn Danh Vang	10
Nguyễn Thành Hồ	20	Nguyễn Hoàng Sơn	10
Hồ Đắc Cáo	20	Nguyễn Thanh Lâm	15
Lê Tiềm	144	Lê Phú Quyền	20
Phạm Huy Dục	10	Đồng Sĩ Khiêm	20
Đào Trọng Cương	30	Ông Ngọc Ngoạn	20
Bửu Đôn	20	Nguyễn Sĩ Tuất	20
Nguyễn Văn Hiến	10	Võ Ngọc Khôi	30
Nguyễn Lê Quang	20	Nguyễn Văn Thương	20
Dương Mai Hưởng	30	AH Vô Danh	120

Nguyễn Bách	20	Trần Văn Anh	19.75
Trương Công Thiện	19.75	Trần Đăng Khoa	19.75
Nguyễn Ngọc Thịnh	19.75	Trương H Vĩnh Phương	32.90
Lê Nguyên Thông	19.75	Bùi Kim Bảng	39.50
Huỳnh Thu Nguyên	19.75	Phan Khắc Thành	6.58
Mai văn Mèo	10	Thái Như	10
Vi Hữu Lộc	33.43	Huỳnh Thành Quân	66.85
Lê Cảnh Túc	66.85	Lê Văn Vui	16.73
Nguyễn Văn Lộc	10	Trương Đình Huân	20
Hà Công Hòe	15	Nguyễn Hữu Tuấn	20
Bà Bùi Hữu Thái	10	Nguyễn Minh Trí	20
Phạm Hữu Vĩnh	15	Phạm Bội Diệp	20
Võ Văn Hiếu	10	Lê Tường Khánh	20
Đình Kỳ Ngộ	10	Phạm Hữu Quang	20
Phạm Tấn Yên	50	Nguyễn Đình Viễn	10
Lương Văn Cuối	10	Đào Tự Nam	10
Bạch Văn Chụ	10	Hoàng Ngọc Ân	20
Hoàng Đình Cang	20	Nguyễn Văn Nga	20
Nguyễn Ngọc Thụ	10	Lưu Đức Độ	20
		Cộng chung :	1.820.34

QUỸ AHCC TƯƠNG TRỢ CHUNG VÀ CÁ NHÂN
(Biên bản của AH Tạ Huyền ngày 24-5-1986 đính kèm
LT số 36) **TỔN QUỸ : \$2.773.50**

AH Tương trợ và AH Xuất AH nhận tương trợ	Thấu		Còn lại	Cước Chủ
	Chu ng	Cá nhân		
		2.773.50		
Lý Đại	10		★ 2.783.50	
Nguyễn Danh Vang	10		2.793.50	
Nguyễn Tạ Hùng	20		2.813.50	
Lê Tường Khánh	20		2.833.50	
Phạm Hữu Quang	100	100	★ 2.833.50	Tương trợ AH
Bửu Hiệp	50	50	2.833.50	Ung Sơ
Phạm Văn Ân	50	50	2.833.50	
Nguyễn Văn Hiến	20	20	2.833.50	
Trần Mộng Châu	20	20	2.833.50	
Đoàn Bửu	50	50	2.833.50	
Bửu Đôn	40	40	2.833.50	
Trần Trung Trực	20	20	2.833.50	
Nguyễn Quang Bê	20	20	2.833.50	
Trương Công Thiện	26.30	26.30	2.833.50	
Lê Thanh Tùng	40	40	2.833.50	
Phó Thái Gia	30	30	2.833.50	
Nguyễn Hữu Tuấn	10	10	2.833.50	
Hoàng Đình Khôi	30		2.803.50	AH Trần Sĩ
Thân mẫu				Huân chuyển
Nguyễn Xuân Phương	30		2.773.50	
Ung Sơ		30	2.743.50	AH Bửu Hiệp
		<i>Tồn quỹ</i>	2.743.50	

★ Đề nghị Tương trợ AH Bùi Viết Miên, Bùi Minh Tân. Địa chỉ :
317/10 Mai Xuân Thưởng, Phường 11, quận Bình Thạnh HCM
★ Đã gởi về chị Ung Sơ : \$476.30

TÌNH HÌNH QUỸ LTAHCC VÀ TƯƠNG TRỢ ÁI HỮU

(Sau khi hoàn tất LTAHCC số 31 và 32)

THU

- AH Lê Ngọc Diệp chuyển giao (Xin xem trang 6 LTAHCC số 31 & 32)

Đợt I	US\$4,788.75	FF\$200.00	CA\$25.00
Đợt II	765.00		
Đợt III	285.00		

Chi tổng cộng US\$5,838.75 FF\$200.00 CA\$25.00

LTAHCC số 31 & 32 : US\$1.400.00

(In, Tem, Linh tinh)

Còn lại US\$4.438.75 FF \$200.00 CA\$25.00

Ký tên : Lê Mộng Hùng

(Sau khi hoàn tất LTAHCC số 33 & 34)

Tồn quỹ US\$4.438.75 FF\$200.00 CA\$25.00

THU (Xin xem trang 68

LTAHCC số 33 & 34) US\$1.119.00

Lê Thới Thủy 20.00

Trần Hiền Thu 20.00

US\$5.597.75 FF\$200.00 CA\$25.00

CHI

LTAHCC số 33 & 34 US\$1.620.00

(In, Tem, Linh tinh)

Chuyển giao anh Bửu Hiệp

để in LTAHCC số 35 US\$2.000.00

Còn lại US\$1.977.75 FF \$200.00 CA\$25.00

Chuyển giao anh Bửu Hiệp

ngày 4-5-86 tại nhà

anh Hiệp US\$1.977.75 FF\$200.00 CA\$25.00

Ký Tên : Lê Mộng Hùng

**TÌNH HÌNH QUỸ AHCC TỈNH ĐẾN
NGÀY 10-8-1986 SAU KHI
PHÁT HÀNH LT SỐ 36.**

(tiếp theo tồn quỹ ở LT số 36 trang 148 số tiền \$3.037.00)

Đề Mục	Thầu	Chi	Còn lại
	\$3.037.00		
AH Lê Mộng Hùng giao lại ngày 4-5-1986	1.977.75		5.014.75
AHCC yểm trợ LT trong phiên họp ở Newark ngày 4-5-1986	500.00		5.514.75
Trích ra quỹ tương trợ AHCC (xin xem biên bản của AH Tạ Huyền) .		2.773.50	2.741.25
AHCC yểm trợ Lá Thư, xem bản danh sách đăng ở LT số 37 này ..	1.820.34		4.561.59
In 500 Lá Thư, số 36 (chi phiếu Croc- ker Bank số 112 ngày 5-6-86)		2.130.00	2.431.59
Xeros biên bản và tình hình tương trợ do AH Trần Sĩ Huân phụ trách (chi phiếu Crocker Bank số 108 ngày 28-5-86)		71.26	2.360.33
Gửi Lá Thư số 36 đi Canada, Âu Châu, Úc châu, Nội địa Huê Kỳ (chi phiếu Crocker Bank số 111 ngày 4-6-86)		522.75	1.837.58
400 bì thư cỡ lớn 9 x 12 (Chi phiếu Crocker Bank số 104 ngày 30-4-86)		33.88	1.803.70
5 khuôn dấu (chi phiếu Crocker Bank số 105 ngày 30-4-86)		25.30	1.778.40
Tem thư (chi phiếu Crocker Bank số 107 ngày 14-5-86)		44.00	1.734.40
Xeros thư gửi AHCC (chi phiếu Crocker Bank số 110 ngày 2-6-85)		16.71	1.717.69
Linh tinh, tem, bì thư, Xeros, sang ảnh, liên lạc, Greyhound		285.00	1.432.69
<i>Tồn quỹ đến ngày 10-8-86</i>	<i>7.335.09</i>	<i>5,902.40</i>	<i>1.432.69</i>

MỤC LỤC

Danh sách Ái Hữu Công Chánh	3
Phụ Trách Lá Thư Ái Hữu Công Chánh	5
Thế Thượng Thăng Trầm	8
Tìm Tự Do	11
Tình Quê	14
Hồi Ký và Lược Khảo về Ai Lao	36
Hải Rau Vi	39
Thi sắc đẹp	57
Hình ảnh Ái Hữu Công Chánh	57
Những ngày cuối cùng của cố Ái Hữu Trương Văn Huế	60
Một chuyến đi	63
Tiếng nói của nước tôi	73
Tây Đức Hậu Chiến	78
Đường đến CPAC	81
Tình Ái Hữu	85
Quê hương xa vạn dặm	88
Tàu Du Ký	93
Bản tin	112
Tin Vui	113
Trang nữ công gia chánh	114
Thơ	117
Tin buồn	125
Thư tín	126
Danh sách Ái Hữu Công Chánh yểm trợ Lá Thư	141